

Số: 25 /2015/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2015

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Phú Yên

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Phú Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Phú Yên.

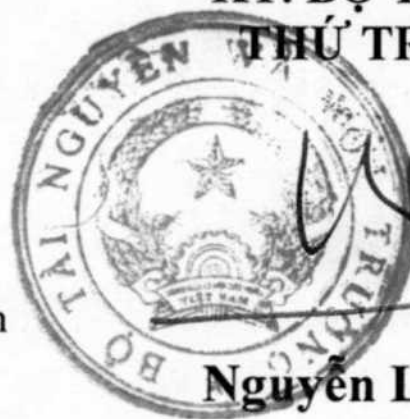
Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2015.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Phú Yên;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐDBĐVN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH PHÚ YÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2015/TT-BTNMT
ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Phú Yên được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Phú Yên.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Phú Yên được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: “P.” là chữ viết tắt của “phường”; “TT.” là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: “TP.” là chữ viết tắt của “thành phố”; “H.” là chữ viết tắt của “huyện”; “TX.” là chữ viết tắt của “thị xã”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”; đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”; nếu đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột “Địa danh”.

Phần II

**DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH PHÚ YÊN**

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Phú Yên gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Tuy Hoà	3
2	Thị xã Sông Cầu	11
3	Huyện Đông Hoà	24
4	Huyện Đồng Xuân	30
5	Huyện Phú Hoà	44
6	Huyện Sơn Hoà	52
7	Huyện Sông Hinh	66
8	Huyện Tây Hoà	75
9	Huyện Tuy An	84

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Khu phố 1	DC	P. 1	TP. Tuy Hoà	13° 04' 57"	109° 18' 02"					D-49-63-D-c
Khu phố 2	DC	P. 1	TP. Tuy Hoà	13° 05' 02"	109° 17' 49"					D-49-63-D-c
Khu phố 3	DC	P. 1	TP. Tuy Hoà	13° 05' 06"	109° 18' 03"					D-49-63-D-c
Khu phố 4	DC	P. 1	TP. Tuy Hoà	13° 05' 09"	109° 17' 53"					D-49-63-D-c
Sông Bơ	TV	P. 1	TP. Tuy Hoà			13° 05' 25"	109° 17' 26"	13° 04' 46"	109° 17' 53"	D-49-63-D-c
Sông Chùa	TV	P. 1	TP. Tuy Hoà			13° 04' 46"	109° 17' 53"	13° 05' 06"	109° 18' 48"	D-49-63-D-c
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. 1	TP. Tuy Hoà			13° 05' 10"	109° 18' 02"	13° 05' 26"	109° 19' 00"	D-49-63-D-c
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. 1	TP. Tuy Hoà			13° 08' 05"	109° 16' 30"	13° 02' 13"	109° 18' 41"	D-49-63-D-c
Núi Nhạn	SV	P. 1	TP. Tuy Hoà	13° 04' 58"	109° 17' 58"					D-49-63-D-c
cầu Sông Chùa	KX	P. 1	TP. Tuy Hoà	13° 04' 45"	109° 17' 54"					D-49-63-D-c
cầu Trần Hưng Đạo	KX	P. 1	TP. Tuy Hoà	13° 05' 04"	109° 17' 43"					D-49-63-D-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 1	TP. Tuy Hoà			13° 05' 04"	109° 17' 43"	13° 05' 34"	109° 19' 27"	D-49-63-D-c
Khu phố 1	DC	P. 2	TP. Tuy Hoà	13° 05' 18"	109° 17' 51"					D-49-63-D-c
Khu phố 2	DC	P. 2	TP. Tuy Hoà	13° 05' 20"	109° 17' 36"					D-49-63-D-c
Khu phố 3	DC	P. 2	TP. Tuy Hoà	13° 05' 27"	109° 17' 33"					D-49-63-D-c
Khu phố 4	DC	P. 2	TP. Tuy Hoà	13° 05' 33"	109° 17' 43"					D-49-63-D-c
Khu phố 5	DC	P. 2	TP. Tuy Hoà	13° 05' 26"	109° 17' 46"					D-49-63-D-c
Khu phố 6	DC	P. 2	TP. Tuy Hoà	13° 05' 31"	109° 17' 53"					D-49-63-D-c
sông Bầu Đẳng	TV	P. 2	TP. Tuy Hoà			13° 05' 43"	109° 15' 07"	13° 05' 25"	109° 17' 26"	D-49-63-D-c
Sông Bơ	TV	P. 2	TP. Tuy Hoà			13° 05' 25"	109° 17' 26"	13° 04' 46"	109° 17' 53"	D-49-63-D-c
nhà thờ Công Giáo	KX	P. 2	TP. Tuy Hoà	13° 05' 17"	109° 17' 48"					D-49-63-D-c
đường Nguyễn Huệ	KX	P. 2	TP. Tuy Hoà			13° 05' 22"	109° 17' 45"	13° 05' 54"	109° 19' 09"	D-49-63-D-c
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. 2	TP. Tuy Hoà			13° 08' 05"	109° 16' 30"	13° 02' 13"	109° 18' 41"	D-49-63-D-c
nhà hát nhân dân Thành phố Tuy Hoà	KX	P. 2	TP. Tuy Hoà	13° 05' 15"	109° 17' 49"					D-49-63-D-c
nhà thờ Tin Lành	KX	P. 2	TP. Tuy Hoà	13° 05' 26"	109° 17' 54"					D-49-63-D-c
cầu Trần Hưng Đạo	KX	P. 2	TP. Tuy Hoà	13° 05' 04"	109° 17' 43"					D-49-63-D-c
ga Tuy Hoà	KX	P. 2	TP. Tuy Hoà	13° 05' 22"	109° 17' 42"					D-49-63-D-c
chùa Bảo Tịnh	KX	P. 3	TP. Tuy Hoà	13° 05' 21"	109° 17' 56"					D-49-63-D-c
Sông Chùa	TV	P. 3	TP. Tuy Hoà			13° 04' 46"	109° 17' 53"	13° 05' 06"	109° 18' 48"	D-49-63-D-c
khu phố Lê Lợi	DC	P. 3	TP. Tuy Hoà	13° 05' 24"	109° 18' 00"					D-49-63-D-c
khu phố Lê Thánh Tôn	DC	P. 3	TP. Tuy Hoà	13° 05' 17"	109° 18' 02"					D-49-63-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
chùa Long Quang	KX	P. 3	TP. Tuy Hoà	13° 05' 07"	109° 18' 15"					D-49-63-D-c
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. 3	TP. Tuy Hoà			13° 05' 10"	109° 18' 02"	13° 05' 26"	109° 19' 00"	D-49-63-D-c
khu phố Nguyễn Công Trứ	DC	P. 3	TP. Tuy Hoà	13° 05' 7"	109° 18' 11"					D-49-63-D-c
đường Nguyễn Huệ	KX	P. 3	TP. Tuy Hoà			13° 05' 22"	109° 17' 45"	13° 05' 54"	109° 19' 09"	D-49-63-D-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 3	TP. Tuy Hoà			13° 05' 04"	109° 17' 43"	13° 05' 34"	109° 19' 27"	D-49-63-D-c
khu phố Trần Hưng Đạo	DC	P. 3	TP. Tuy Hoà	13° 05' 16"	109° 18' 10"					D-49-63-D-c
Khu phố 1	DC	P. 4	TP. Tuy Hoà	13° 05' 22"	109° 18' 25"					D-49-63-D-c
Khu phố 2	DC	P. 4	TP. Tuy Hoà	13° 05' 21"	109° 18' 32"					D-49-63-D-c
Khu phố 3	DC	P. 4	TP. Tuy Hoà	13° 05' 12"	109° 18' 22"					D-49-63-D-c
Khu phố 4	DC	P. 4	TP. Tuy Hoà	13° 05' 14"	109° 18' 30"					D-49-63-D-c
Khu phố 5	DC	P. 4	TP. Tuy Hoà	13° 05' 17"	109° 18' 39"					D-49-63-D-c
Khu phố 6	DC	P. 4	TP. Tuy Hoà	13° 05' 11"	109° 18' 37"					D-49-63-D-c
chùa Bình Quang	KX	P. 4	TP. Tuy Hoà	13° 05' 10"	109° 18' 29"					D-49-63-D-c
Sông Chùa	TV	P. 4	TP. Tuy Hoà			13° 04' 46"	109° 17' 53"	13° 05' 06"	109° 18' 48"	D-49-63-D-c
siêu thị Coop Mart	KX	P. 4	TP. Tuy Hoà	13° 05' 22"	109° 18' 28"					D-49-63-D-c
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. 4	TP. Tuy Hoà			13° 05' 10"	109° 18' 02"	13° 05' 26"	109° 19' 00"	D-49-63-D-c
chợ trung tâm Thành phố Tuy Hoà	KX	P. 4	TP. Tuy Hoà	13° 05' 17"	109° 18' 24"					D-49-63-D-c
thánh thất cao đài Thành phố Tuy Hoà	KX	P. 4	TP. Tuy Hoà	13° 05' 20"	109° 18' 13"					D-49-63-D-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 4	TP. Tuy Hoà			13° 05' 04"	109° 17' 43"	13° 05' 34"	109° 19' 27"	D-49-63-D-c
khu phố Chu Văn An	DC	P. 5	TP. Tuy Hoà	13° 05' 26"	109° 18' 35"					D-49-63-D-c
đại lộ Hùng Vương	KX	P. 5	TP. Tuy Hoà			13° 04' 01"	109° 19' 43"	13° 08' 44"	109° 16' 49"	D-49-63-D-c
khu phố Lê Lợi	DC	P. 5	TP. Tuy Hoà	13° 05' 28"	109° 18' 08"					D-49-63-D-c
khu phố Lương Văn Chánh	DC	P. 5	TP. Tuy Hoà	13° 05' 28"	109° 18' 23"					D-49-63-D-c
khu phố Ngô Quyền	DC	P. 5	TP. Tuy Hoà	13° 05' 28"	109° 18' 15"					D-49-63-D-c
đường Nguyễn Huệ	KX	P. 5	TP. Tuy Hoà			13° 05' 22"	109° 17' 45"	13° 05' 54"	109° 19' 09"	D-49-63-D-c
khu phố Nguyễn Huệ	DC	P. 5	TP. Tuy Hoà	13° 05' 37"	109° 18' 17"					D-49-63-D-c
khu phố Nguyễn Thái Học	DC	P. 5	TP. Tuy Hoà	13° 05' 40"	109° 18' 03"					D-49-63-D-c
kênh tiêu Rạch Bàu Hạ	TV	P. 5	TP. Tuy Hoà			13° 05' 42"	109° 18' 38"	13° 05' 26"	109° 19' 14"	D-49-63-D-c
bảo tàng tỉnh Phú Yên	KX	P. 5	TP. Tuy Hoà	13° 05' 45"	109° 18' 02"					D-49-63-D-c
sân vận động tỉnh Phú Yên	KX	P. 5	TP. Tuy Hoà	13° 05' 35"	109° 18' 32"					D-49-63-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường Trần Phú	KX	P. 5	TP. Tuy Hoà			13° 05' 38"	109° 17' 46"	13° 06' 23"	109° 18' 47"	D-49-63-D-c
khu phố Bạch Đằng	DC	P. 6	TP. Tuy Hoà	13° 05' 31"	109° 19' 22"					D-49-63-D-c
cửa Đà Diễn	TV	P. 6	TP. Tuy Hoà	13° 05' 19"	109° 19' 42"					D-49-63-D-c
sông Đà Rằng	TV	P. 6	TP. Tuy Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-D-c
đường Độc Lập	KX	P. 6	TP. Tuy Hoà			13° 08' 04"	109° 17' 38"	13° 05' 33"	109° 19' 23"	D-49-63-D-c
cầu Hùng Vương	KX	P. 6	TP. Tuy Hoà	13° 04' 52"	109° 19' 02"					D-49-63-D-c
đại lộ Hùng Vương	KX	P. 6	TP. Tuy Hoà			13° 04' 01"	109° 19' 43"	13° 08' 44"	109° 16' 49"	D-49-63-D-c
khu phố Hùng Vương	DC	P. 6	TP. Tuy Hoà	13° 05' 28"	109° 18' 55"					D-49-63-D-c
khu phố Lê Duẩn	DC	P. 6	TP. Tuy Hoà	13° 05' 38	109° 19' 17					D-49-63-D-c
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. 6	TP. Tuy Hoà			13° 05' 10"	109° 18' 02"	13° 05' 26"	109° 19' 00"	D-49-63-D-c
khu phố Nguyễn Công Trứ	DC	P. 6	TP. Tuy Hoà	13° 05' 15"	109° 18' 49"					D-49-63-D-c
kênh tiêu Rạch Bàu Hạ	TV	P. 6	TP. Tuy Hoà			13° 05' 42"	109° 18' 38"	13° 05' 26"	109° 19' 14"	D-49-63-D-c
Bệnh viện Sân-Nhi	KX	P. 6	TP. Tuy Hoà	13° 05' 28"	109° 19' 01"					D-49-63-D-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. 6	TP. Tuy Hoà			13° 05' 04"	109° 17' 43"	13° 05' 34"	109° 19' 27"	D-49-63-D-c
khu phố Trần Hưng Đạo	DC	P. 6	TP. Tuy Hoà	13° 05' 21"	109° 18' 58"					D-49-63-D-c
cầu Vạn Kiếp	KX	P. 6	TP. Tuy Hoà	13° 05' 29"	109° 19' 10"					D-49-63-D-c
quảng trường 1-4	KX	P. 7	TP. Tuy Hoà	13° 05' 56"	109° 19' 02"					D-49-63-D-c
khu phố Bà Triệu	DC	P. 7	TP. Tuy Hoà	13° 05' 37"	109° 18' 46"					D-49-63-D-c
đường Độc Lập	KX	P. 7	TP. Tuy Hoà			13° 08' 04"	109° 17' 38"	13° 05' 33"	109° 19' 23"	D-49-63-D-c
đại lộ Hùng Vương	KX	P. 7	TP. Tuy Hoà			13° 04' 01"	109° 19' 43"	13° 08' 44"	109° 16' 49"	D-49-63-D-c
đường Lê Duẩn	KX	P. 7	TP. Tuy Hoà			13° 08' 09"	109° 17' 29"	13° 05' 31"	109° 19' 16"	D-49-63-D-c
khu phố Lê Duẩn	DC	P. 7	TP. Tuy Hoà	13° 06' 7"	109° 18' 45"					D-49-63-D-c
Học viện Ngân Hàng	KX	P. 7	TP. Tuy Hoà	13° 05' 51"	109° 18' 55"					D-49-63-D-c
khu phố Nguyễn Đình Chiểu	DC	P. 7	TP. Tuy Hoà	13° 05' 52"	109° 18' 52"					D-49-63-D-c
khu phố Nguyễn Du	DC	P. 7	TP. Tuy Hoà	13° 05' 45"	109° 18' 50"					D-49-63-D-c
đường Nguyễn Huệ	KX	P. 7	TP. Tuy Hoà			13° 05' 22"	109° 17' 45"	13° 05' 54"	109° 19' 09"	D-49-63-D-c
Trường Đại học Phú Yên	KX	P. 7	TP. Tuy Hoà	13° 06' 23"	109° 18' 24"					D-49-63-D-c
chợ Phường 7	KX	P. 7	TP. Tuy Hoà	13° 06' 12"	109° 18' 36"					D-49-63-D-c
kênh tiêu Rạch Bàu Hạ	TV	P. 7	TP. Tuy Hoà			13° 05' 42"	109° 18' 38"	13° 05' 26"	109° 19' 14"	D-49-63-D-c
Liên đoàn lao động tỉnh Phú Yên	KX	P. 7	TP. Tuy Hoà	13° 05' 50"	109° 19' 08"					D-49-63-D-c
đường Trần Phú	KX	P. 7	TP. Tuy Hoà			13° 05' 38"	109° 17' 46"	13° 06' 23"	109° 18' 47"	D-49-63-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khu phố Trần Phú	DC	P. 7	TP. Tuy Hoà	13° 06' 06"	109° 18' 31"					D-49-63-D-c
đường Trường Chinh	KX	P. 7	TP. Tuy Hoà			13° 06' 12"	109° 18' 33"	13° 05' 48"	109° 18' 51"	D-49-63-D-c
khu phố Trường Chinh	DC	P. 7	TP. Tuy Hoà	13° 05' 54"	109° 18' 39"					D-49-63-D-c
Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	KX	P. 7	TP. Tuy Hoà	13° 05' 43"	109° 18' 57"					D-49-63-D-c
khu phố 1 Nguyễn Trung Trực	DC	P. 8	TP. Tuy Hoà	13° 05' 41"	109° 17' 28"					D-49-63-D-c
khu phố 2 Nguyễn Trung Trực	DC	P. 8	TP. Tuy Hoà	13° 05' 54"	109° 17' 18"					D-49-63-D-c
sông Bầu Đăng	TV	P. 8	TP. Tuy Hoà			13° 05' 43"	109° 15' 07"	13° 05' 25"	109° 17' 26"	D-49-63-D-c
Trung tâm Đa Liễu tỉnh Phú Yên	KX	P. 8	TP. Tuy Hoà	13° 05' 32"	109° 17' 26"					D-49-63-D-c
khu phố Lê Thành Phương	DC	P. 8	TP. Tuy Hoà	13° 05' 56"	109° 17' 28"					D-49-63-D-c
khu phố Lý Tự Trọng	DC	P. 8	TP. Tuy Hoà	13° 05' 51"	109° 17' 35"					D-49-63-D-c
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. 8	TP. Tuy Hoà			13° 08' 05"	109° 16' 30"	13° 02' 13"	109° 18' 41"	D-49-63-D-c
đường Trần Phú	KX	P. 8	TP. Tuy Hoà			13° 05' 38"	109° 17' 46"	13° 06' 23"	109° 18' 47"	D-49-63-D-c
khu phố Trần Phú	DC	P. 8	TP. Tuy Hoà	13° 05' 42"	109° 17' 35"					D-49-63-D-c
tuyến tránh Quốc lộ 1	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà			13° 08' 05"	109° 16' 30"	13° 02' 13"	109° 18' 41"	D-49-63-D-c
sông Bầu Đăng	TV	P. 9	TP. Tuy Hoà			13° 05' 43"	109° 15' 07"	13° 05' 25"	109° 17' 26"	D-49-63-D-c
núi Chóp Chài	SV	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 50"	109° 16' 16"					D-49-63-D-c
Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hoà	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 45"	109° 18' 10"					D-49-63-D-c
Bệnh viện Đa khoa Phú Yên	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 37"	109° 17' 51"					D-49-63-D-c
đường Độc Lập	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà			13° 08' 04"	109° 17' 38"	13° 05' 33"	109° 19' 23"	D-49-63-D-c
tượng Đức Mẹ	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 46"	109° 16' 48"					D-49-63-D-c
chùa Hồ Sơn	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 05' 49"	109° 18' 28"					D-49-63-D-c
đại lộ Hùng Vương	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà			13° 04' 01"	109° 19' 43"	13° 08' 44"	109° 16' 49"	D-49-63-D-c
chùa Khánh Sơn	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 32"	109° 16' 31"					D-49-63-D-c
đường Lê Duẩn	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà			13° 08' 09"	109° 17' 29"	13° 05' 31"	109° 19' 16"	D-49-63-D-c
khu phố Liên Trì	DC	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 41"	109° 17' 05"					D-49-63-D-c
đường Nguyễn Hữu Thọ	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà			13° 06' 31"	109° 17' 33"	13° 07' 01"	109° 18' 18"	D-49-63-D-c
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà			13° 08' 05"	109° 16' 30"	13° 02' 13"	109° 18' 41"	D-49-63-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khu phố Ninh Tĩnh 1	DC	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 10"	109° 18' 11"					D-49-63-D-c
khu phố Ninh Tĩnh 2	DC	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 21"	109° 17' 54"					D-49-63-D-c
khu phố Ninh Tĩnh 3	DC	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 32	109° 17' 31					D-49-63-D-c
Trường Đại học Phú Yên	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 26"	109° 18' 26"					D-49-63-D-c
khu phố Phước Hậu 1	DC	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 31"	109° 16' 59"					D-49-63-D-c
khu phố Phước Hậu 2	DC	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 20"	109° 17' 04"					D-49-63-D-c
khu phố Phước Hậu 3	DC	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 11"	109° 17' 3"					D-49-63-D-c
cầu Số 4	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 05' 55"	109° 15' 57"					D-49-63-D-c
khu phố Thanh Đức	DC	P. 9	TP. Tuy Hoà	13° 06' 24"	109° 16' 16"					D-49-63-D-c
đường Trần Phú	KX	P. 9	TP. Tuy Hoà			13° 05' 38"	109° 17' 46"	13° 06' 23"	109° 18' 47"	D-49-63-D-c
Khu phố 5	DC	P. Phú Đông	TP. Tuy Hoà	13° 03' 38"	109° 19' 16"					D-49-63-D-c
Khu phố 6	DC	P. Phú Đông	TP. Tuy Hoà	13° 04' 00"	109° 19' 47"					D-49-63-D-c
sông Đà Rằng	TV	P. Phú Đông	TP. Tuy Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-D-c
cầu Hùng Vương	KX	P. Phú Đông	TP. Tuy Hoà	13° 04' 52"	109° 19' 02"					D-49-63-D-c
đại lộ Hùng Vương	KX	P. Phú Đông	TP. Tuy Hoà			13° 04' 01"	109° 19' 43"	13° 08' 44"	109° 16' 49"	D-49-63-D-c
Trường Quân sự tỉnh Phú Yên	KX	P. Phú Đông	TP. Tuy Hoà	13° 03' 55"	109° 19' 38"					D-49-63-D-c
Khu phố 1	DC	P. Phú Lâm	TP. Tuy Hoà	13° 02' 55"	109° 18' 25"					D-49-63-D-c
tuyến tránh Quốc lộ 1	KX	P. Phú Lâm	TP. Tuy Hoà			13° 08' 05"	109° 16' 30"	13° 02' 13"	109° 18' 41"	D-49-63-D-c
Khu phố 2	DC	P. Phú Lâm	TP. Tuy Hoà	13° 03' 40	109° 18' 35					D-49-63-D-c
đường tỉnh 645	KX	P. Phú Lâm	TP. Tuy Hoà			13° 02' 34"	109° 18' 32"	12° 59' 51"	109° 15' 04"	D-49-63-D-c
cầu Đà Rằng	KX	P. Phú Lâm	TP. Tuy Hoà	13° 04' 18"	109° 18' 22"					D-49-63-D-c
sông Đà Rằng	TV	P. Phú Lâm	TP. Tuy Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-D-c
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Phú Lâm	TP. Tuy Hoà			13° 08' 05"	109° 16' 30"	13° 02' 13"	109° 18' 41"	D-49-63-D-c
đường Nguyễn Văn Linh	KX	P. Phú Lâm	TP. Tuy Hoà			13° 04' 03"	109° 18' 36"	13° 02' 13"	109° 18' 41"	D-49-63-D-c
Khu phố 3	DC	P. Phú Thạnh	TP. Tuy Hoà	13° 03' 15"	109° 19' 15"					D-49-63-D-c
Khu phố 4	DC	P. Phú Thạnh	TP. Tuy Hoà	13° 02' 46"	109° 19' 30"					D-49-63-D-c
kênh tiêu Bàu Bèo	TV	P. Phú Thạnh	TP. Tuy Hoà			13° 01' 08"	109° 19' 10"	12° 58' 52"	109° 21' 30"	D-49-63-D-c
ga Đông Tác	KX	P. Phú Thạnh	TP. Tuy Hoà	13° 03' 23"	109° 19' 13"					D-49-63-D-c
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Phú Thạnh	TP. Tuy Hoà			13° 08' 05"	109° 16' 30"	13° 02' 13"	109° 18' 41"	D-49-63-D-c
Cảng Hàng không Tuy Hoà	KX	P. Phú Thạnh	TP. Tuy Hoà	13° 02' 52"	109° 20' 04"					D-49-63-D-c
Quốc lộ 1	KX	xã An Phú	TP. Tuy Hoà			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 9"	D-49-63-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 1-5	KX	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 10' 06"	109° 16' 30"					D-49-63-D-a
động Hồ Trâu	SV	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 09' 18"	109° 12' 43"					D-49-63-C-b
Suối Cái	TV	xã An Phú	TP. Tuy Hoà			13° 10' 59"	109° 12' 50"	13° 07' 58"	109° 15' 25"	D-49-63-D-c
thôn Chính Nghĩa	DC	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 09' 07"	109° 16' 54"					D-49-63-D-a
Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng Phú Yên	KX	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 10' 22"	109° 17' 30"					D-49-63-D-a
cầu Đồng Nai	KX	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 10' 37"	109° 17' 22"					D-49-63-D-a
đồi Gò Đá	SV	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 08' 35"	109° 16' 24"					D-49-63-D-a
Trung tâm huấn luyện bồi	KX	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 08' 53"	109° 16' 55"					D-49-63-D-a
đại lộ Hùng Vương	KX	xã An Phú	TP. Tuy Hoà			13° 04' 01"	109° 19' 43"	13° 08' 44"	109° 16' 49"	D-49-63-D-a; D-49-63-D-c
hòn Lao Dứa	SV	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 10' 7"	109° 19' 12"					D-49-63-D-a
thôn Long Thủy	DC	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 09' 59"	109° 17' 15"					D-49-63-D-a
tịnh xá Ngọc Bửu	KX	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 08' 53"	109° 16' 55"					D-49-63-D-a
thôn Phú Liên	DC	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 09' 36"	109° 15' 21"					D-49-63-D-a
thôn Phú Lương	DC	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 09' 05"	109° 14' 47"					D-49-63-C-b
chùa Phước Quang	KX	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 08' 59"	109° 16' 31"					D-49-63-D-c
Khu du lịch sinh thái Sao Việt	KX	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 10' 35"	109° 16' 53"					D-49-63-D-a
Hòn Than	SV	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 10' 22"	109° 19' 6"					D-49-63-D-a
thôn Xuân Dục	DC	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 10' 18"	109° 17' 13"					D-49-63-D-a
chùa Xuân Vân	KX	xã An Phú	TP. Tuy Hoà	13° 10' 10"	109° 17' 10"					D-49-63-D-a
Quốc lộ 1	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 9"	D-49-63-D-a; D-49-63-D-c
tuyến tránh Quốc lộ 1	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 08' 05"	109° 16' 30"	13° 02' 13"	109° 18' 41"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-a
Khu công nghiệp An Phú	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 08' 05"	109° 17' 01"					D-49-63-D-a
chùa Bảo Lâm	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 07' 05"	109° 16' 42"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
cầu Cai Tiên	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 07' 47"	109° 15' 27"					D-49-63-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Chóp Chài	SV	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 06' 50"	109° 16' 16"					D-49-63-D-c
đường Độc Lập	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 08' 04"	109° 17' 38"	13° 05' 33"	109° 19' 23"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
đồi Gò Đá	SV	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 08' 35"	109° 16' 24"					D-49-63-D-a
chùa Hoà Sơn	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 07' 39"	109° 16' 34"					D-49-63-D-a
đại lộ Hùng Vương	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 04' 01"	109° 19' 43"	13° 08' 44"	109° 16' 49"	D-49-63-D-a; D-49-63-D-c
chùa Kim Quang	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 09' 10"	109° 15' 32"					D-49-63-D-a
đường Lê Duẩn	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 08' 09"	109° 17' 29"	13° 05' 31"	109° 19' 16"	D-49-63-D-a; D-49-63-D-c
thôn Liên Trì 1	DC	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 07' 14"	109° 16' 46"					D-49-63-D-a; D-49-63-D-c
thôn Liên Trì 2	DC	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 07' 01"	109° 17' 19"					D-49-63-D-c
đường Mậu Thân	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 06' 50"	109° 16' 16"	13° 05' 39"	109° 18' 30"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
tịnh xá Ngọc Quý	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 07' 21"	109° 16' 40"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
đường Nguyễn Tất Thành	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 08' 05"	109° 16' 30"	13° 02' 13"	109° 18' 41"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
thôn Phú Vang	DC	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 07' 51"	109° 16' 29"					D-49-63-D-a
cầu Số 2	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 07' 57"	109° 16' 24"					D-49-63-D-a
nghĩa trang Thành phố	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 07' 59"	109° 16' 45"					D-49-63-D-a
thôn Thượng Phú	DC	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 08' 53"	109° 15' 59"					D-49-63-D-a
Trường Đại học Xây dựng Miền Trung (cơ sở 2)	KX	xã Bình Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 07' 26"	109° 17' 18"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
kênh chính Bắc Đồng Cam	TV	xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà			13° 00' 16"	109° 07' 28"	13° 05' 20"	109° 17' 23"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
sông Bầu Đẳng	TV	xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà			13° 05' 43"	109° 15' 07"	13° 05' 25"	109° 17' 26"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông Bơ	TV	xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà			13° 05' 25"	109° 17' 26"	13° 04' 46"	109° 17' 53"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
Sông Chùa	TV	xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà			13° 04' 46"	109° 17' 53"	13° 05' 06"	109° 18' 48"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
cầu Đà Rằng	KX	xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà	13° 04' 18"	109° 18' 22"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
sông Đà Rằng	TV	xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
thôn Ngọc Lãng	DC	xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà	13° 04' 52"	109° 18' 20"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
thôn Ngọc Phước 1	DC	xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà	13° 04' 40"	109° 17' 41"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
thôn Ngọc Phước 2	DC	xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà	13° 04' 30"	109° 17' 56"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
đường Nguyễn Tất Thành	KX	xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà			13° 08' 05"	109° 16' 30"	13° 02' 13"	109° 18' 41"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
cầu Ông Chừ	KX	xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà	13° 04' 49"	109° 17' 47"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
cầu Sông Chùa	KX	xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà	13° 04' 45"	109° 17' 54"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
cầu Trần Hưng Đạo	KX	xã Bình Ngọc	TP. Tuy Hoà	13° 05' 04"	109° 17' 43"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
tuyến tránh Quốc lộ 1	KX	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 08' 05"	109° 16' 30"	13° 02' 13"	109° 18' 41"	D-49-63-D-a; D-49-63-C-d
Suối Cái	TV	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 07' 35"	109° 13' 39"	13° 06' 28"	109° 14' 32"	D-49-63-C-b; D-49-63-C-d
cầu Cai Tiên	KX	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 07' 47"	109° 15' 27"					D-49-63-D-a
thôn Cẩm Tú	DC	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 08' 04"	109° 13' 05"					D-49-63-C-b
núi Chóp Chài	SV	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 06' 50"	109° 16' 16"					D-49-63-D-c
suối Đá Bàn	TV	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 09' 26"	109° 10' 57"	13° 07' 35"	109° 13' 39"	D-49-63-C-b
động Hổ Trâu	SV	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 09' 23"	109° 13' 38"					D-49-63-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
cầu Minh Đức	KX	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 06' 22"	109° 15' 57"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
kênh tiêu Minh Đức	TV	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 04' 23"	109° 15' 42"	13° 05' 35"	109° 15' 52"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-a
thôn Minh Đức	DC	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 06' 34"	109° 15' 55"					D-49-63-D-c
chùa Minh Sơn	KX	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 06' 48"	109° 15' 52"					D-49-63-D-c
kênh N1 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 05' 43"	109° 13' 58"	13° 07' 42"	109° 15' 36"	D-49-63-C-d
kênh N3 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 07' 45"	109° 15' 36"	13° 01' 47"	109° 13' 19"	D-49-63-D-a; D-49-63-D-c; D-49-63-C-d
thôn Ngọc Phong	DC	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 07' 01"	109° 15' 48"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
thôn Quan Quang	DC	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 06' 35"	109° 14' 50"					D-49-63-C-d
cầu dẫn Số 3	KX	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 06' 48"	109° 15' 38"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
thôn Sơn Thọ	DC	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 06' 56"	109° 14' 08"					D-49-63-C-d
bãi rác Thành phố	KX	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 08' 14"	109° 14' 20"					D-49-63-C-b
nghĩa trang Thành phố	KX	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 08' 10"	109° 14' 51"					D-49-63-C-b
thôn Thọ Vực	DC	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 07' 12"	109° 14' 41"					D-49-63-C-d
Suối Tre	TV	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà			13° 10' 02"	109° 10' 48"	13° 08' 10"	109° 12' 39"	D-49-63-D-c
thôn Tường Quang	DC	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 06' 36"	109° 15' 13"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
thôn Xuân Hoà	DC	xã Hoà Kiến	TP. Tuy Hoà	13° 06' 23"	109° 14' 47"					D-49-63-C-d
Quốc lộ 1	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-A-b; D-49-63-A-d
chùa An Thạnh	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 23' 14"	109° 14' 21"					D-49-63-A-b
khu phố An Thạnh	DC	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 23' 15"	109° 14' 25"					D-49-63-A-b
Lăng Bà	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 24' 56"	109° 12' 53"					D-49-63-A-b
khu phố Bình Thạnh	DC	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 22' 09"	109° 14' 36"					D-49-63-A-d
Sông Cái	TV	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu			13° 21' 56"	109° 07' 54"	13° 21' 28"	109° 15' 46"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Núi Cẩm	SV	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 24' 26"	109° 13' 18"					D-49-63-A-b
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nuôi trồng thủy sản Đài Loan - Việt Nam	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 23' 32"	109° 13' 51"					D-49-63-A-b
mộ Đào Trí	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 23' 14"	109° 13' 41"					D-49-63-A-b
đèo Gành Đỏ	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 23' 17"	109° 14' 10"					D-49-63-A-b
Cầu Huyện	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 25' 16"	109° 12' 44"					D-49-63-A-b
khu phố Khoan Hậu	DC	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 25' 00"	109° 12' 45"					D-49-63-A-d
cầu Lò Vôi	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 23' 56"	109° 12' 39"					D-49-63-A-b
sông Nhân Mỹ	TV	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu			13° 19' 51"	109° 11' 51"	13° 21' 45"	109° 14' 09"	D-49-63-A-d
miếu Ông Cọp	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 22' 10"	109° 14' 25"					D-49-63-A-d
cù lao Ông Xá	SV	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 23' 53"	109° 14' 39"					D-49-63-A-b
khu phố Phú Vĩnh	DC	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 23' 53"	109° 13' 09"					D-49-63-A-b
chùa Phước Hậu	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 24' 55"	109° 13' 06"					D-49-63-A-b
khu phố Phước Hậu	DC	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 24' 53"	109° 13' 12"					D-49-63-A-b
chùa Phước Sơn Tự	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 24' 03"	109° 13' 14"					D-49-63-A-b
cầu Phương Lưu	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 24' 18"	109° 12' 39"					D-49-63-A-b
khu phố Phương Lưu Đông	DC	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 24' 16"	109° 12' 56"					D-49-63-A-b
Suối Song	TV	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu			13° 25' 51"	109° 11' 10"	13° 24' 58"	109° 13' 05"	D-49-63-A-b
chùa Tân Thạnh	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 23' 32"	109° 12' 54"					D-49-63-A-b
khu phố Tân Thạnh	DC	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 23' 19"	109° 13' 24"					D-49-63-A-b
lăng Tân Thạnh	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 23' 18"	109° 13' 33"					D-49-63-A-b
chùa Thiện Hoa	KX	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 23' 43"	109° 12' 44"					D-49-63-A-b
khu phố Triều Sơn Đông	DC	P. Xuân Đài	TX. Sông Cầu	13° 23' 31"	109° 12' 44"					D-49-63-A-d
đường tránh Quốc lộ 1	KX	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu			13° 27' 52"	109° 13' 25"	13° 25' 34"	109° 12' 49"	D-49-63-A-b
Quốc lộ 1	KX	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-A-b
đập Đá Vải	KX	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu	13° 27' 44"	109° 12' 00"					D-49-63-A-b
hành cung Long Bình	KX	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu	13° 27' 39"	109° 12' 43"					D-49-63-A-b
khu phố Long Bình	DC	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu	13° 27' 39"	109° 12' 38"					D-49-63-A-b
khu phố Long Bình Đông	DC	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu	13° 27' 11"	109° 12' 48"					D-49-63-A-b
khu phố Long Hải	DC	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu	13° 27' 22"	109° 13' 17"					D-49-63-A-b
khu phố Long Hải Nam	DC	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu	13° 27' 11"	109° 13' 06"					D-49-63-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khu phố Long Phước Đông	DC	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu	13° 27' 08"	109° 12' 28"					D-49-63-A-b
chùa Long Quang	KX	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu	13° 26' 54"	109° 12' 27"					D-49-63-A-b
núi Ông Định	SV	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu	13° 28' 27"	109° 13' 04"					D-49-63-A-b
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu			13° 27' 51"	109° 13' 25"	13° 26' 36"	109° 12' 53"	D-49-63-A-b
cầu Tam Giang	KX	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu	13° 26' 56"	109° 12' 52"					D-49-63-A-b
sông Tam Giang	TV	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu			13° 27' 44"	109° 12' 00"	13° 26' 51"	109° 13' 23"	D-49-63-A-b
cầu Tam Giang 2	KX	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu	13° 27' 27"	109° 12' 20"					D-49-63-A-b
cầu Thị Thạc	KX	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu	13° 27' 28"	109° 13' 10"					D-49-63-A-b
nhà thờ Thiên chúa giáo	KX	P. Xuân Phú	TX. Sông Cầu	13° 27' 18"	109° 13' 06"					D-49-63-A-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu			13° 27' 52"	109° 13' 25"	13° 25' 34"	109° 12' 49"	D-49-63-A-b
Quốc lộ 1	KX	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-A-b
lăng Bà Mỹ Thành	KX	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 25' 14"	109° 13' 09"					D-49-63-A-b
lăng Bà Vạn Phước	KX	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 26' 21"	109° 13' 24"					D-49-63-A-b
khu phố Chánh Bắc	DC	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 25' 31"	109° 12' 50"					D-49-63-A-b
Hòn Còng	SV	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 25' 11"	109° 13' 37"					D-49-63-A-b
bến cá Dân Phước	KX	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 26' 27"	109° 13' 22"					D-49-63-A-b
khu phố Dân Phước	DC	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 26' 39"	109° 13' 06"					D-49-63-A-b
Cầu Huyện	KX	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 25' 16"	109° 12' 44"					D-49-63-A-b
hòn Mù U	SV	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 25' 50"	109° 13' 59"					D-49-63-A-b
khu phố Mỹ Sơn	DC	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 25' 32"	109° 13' 21"					D-49-63-A-b
khu phố Mỹ Thành	DC	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 25' 18"	109° 13' 18"					D-49-63-A-b
Khu du lịch Nhất Tự Sơn	KX	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 25' 19"	109° 13' 28"					D-49-63-A-b
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu			13° 27' 51"	109° 13' 25"	13° 26' 36"	109° 12' 53"	D-49-63-A-b
Suối Song	TV	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu			13° 25' 51"	109° 11' 10"	13° 24' 58"	109° 13' 05"	D-49-63-A-b
cầu Tam Giang	KX	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 26' 56"	109° 12' 52"					D-49-63-A-b
sông Tam Giang	TV	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu			13° 27' 44"	109° 12' 00"	13° 26' 51"	109° 13' 23"	D-49-63-A-b
Cơ sở Sửa chữa đóng mới tàu thuyền Tân Hoàng Long	KX	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 26' 24"	109° 13' 22"					D-49-63-A-b
khu phố Vạn Phước	DC	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 26' 21"	109° 13' 15"					D-49-63-A-b
Cầu Vượt	KX	P. Xuân Thành	TX. Sông Cầu	13° 26' 35"	109° 12' 54"					D-49-63-A-b
đường tránh Quốc lộ 1	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu			13° 27' 52"	109° 13' 25"	13° 25' 34"	109° 12' 49"	D-49-63-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Quốc lộ 1	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-A-b
Khu du lịch A Stop	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 27' 57"	109° 13' 31"					D-49-63-A-b
chùa Diệu Tịnh	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 27' 36"	109° 13' 10"					D-49-63-A-b
cầu Lệ Uyên	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 29' 07"	109° 13' 45"					D-49-63-A-b
khu phố Lệ Uyên Đông	DC	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 29' 07"	109° 13' 24"					D-49-63-A-b
khu phố Long Hải Bắc	DC	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 27' 46"	109° 13' 10"					D-49-63-A-b
khu phố Long Hải Đông	DC	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 27' 33"	109° 13' 10"					D-49-63-A-b
núi Ông Định	SV	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 28' 27"	109° 13' 04"					D-49-63-A-b
đường Phạm Văn Đồng	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu			13° 27' 51"	109° 13' 25"	13° 26' 36"	109° 12' 53"	D-49-63-A-b
chùa Phước Khải	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 28' 28"	109° 13' 48"					D-49-63-A-b
khu phố Phước Lý	DC	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 28' 21"	109° 13' 43"					D-49-63-A-b
miếu Quán Sò	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 28' 54"	109° 13' 28"					D-49-63-A-b
chùa Quảng Đạt	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 27' 38"	109° 13' 01"					D-49-63-A-b
Lâm trường Sông Cầu	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 28' 14"	109° 13' 39"					D-49-63-A-b
cầu Thị Thạc	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 27' 28"	109° 13' 10"					D-49-63-A-b
Bệnh viện Đa khoa thị xã Sông Cầu	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 27' 47"	109° 13' 20"					D-49-63-A-b
sân thể thao thị xã Sông Cầu	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu	13° 27' 46"	109° 13' 06"					D-49-63-A-b
đường Võ Thị Sáu	KX	P. Xuân Yên	TX. Sông Cầu			13° 27' 51"	109° 13' 07"	13° 27' 28"	109° 12' 57"	D-49-63-A-b
Quốc lộ 1	KX	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-51-C-d
Dinh Bà	KX	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 32' 03"	109° 12' 45"					D-49-51-C-d
suối Bè Tọt	TV	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu			13° 35' 53"	109° 07' 36"	13° 34' 34"	109° 09' 31"	D-49-51-C-d
núi Bình Nin	SV	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 34' 14"	109° 10' 31"					D-49-51-C-b
suối Bình Nin	TV	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu			13° 34' 24"	109° 09' 40"	13° 30' 58"	109° 10' 48"	D-49-51-C-d
thôn Bình Thạnh	DC	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 34' 44"	109° 12' 14"					D-49-51-C-d
thôn Bình Thạnh Nam	DC	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 33' 21"	109° 12' 16"					D-49-51-C-d
Suối Cái	TV	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu			13° 31' 20"	109° 11' 02"	13° 30' 20"	109° 12' 08"	D-49-51-C-d
sông Ông Kiều	TV	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu			13° 34' 18"	109° 12' 22"	13° 34' 30"	109° 13' 43"	D-49-51-C-d
đường Chánh Lộc-Diêm Trường	KX	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu			13° 36' 29"	109° 13' 16"	13° 34' 44"	109° 11' 53"	D-49-51-C-d
đầm Cù Mông	TV	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 34' 31"	109° 14' 29"					D-49-51-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Diêm Trường	DC	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 35' 59"	109° 13' 09"					D-49-51-C-d
núi Đa Đồn	SV	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 32' 56"	109° 09' 30"					D-49-51-C-d
núi Ô Ba Kinh	SV	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 32' 44"	109° 11' 20"					D-49-51-C-d
cầu Ông Kiều	KX	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 34' 33"	109° 12' 47"					D-49-51-C-d
Trường Trung học cơ sở Phan Chu Trinh	KX	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 35' 49"	109° 12' 56"					D-49-51-C-d
thôn Thọ Lộc	DC	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 35' 14"	109° 12' 44"					D-49-51-C-d
Trường Trung học cơ sở Triệu Thị Trinh	KX	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 34' 51"	109° 12' 21"					D-49-51-C-d
cầu Tuyết Diêm	KX	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 34' 12"	109° 13' 27"					D-49-51-C-d
thôn Tuyết Diêm	DC	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 34' 21"	109° 13' 15"					D-49-51-C-d
hồ Xuân Bình	TV	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 32' 58"	109° 11' 03"					D-49-51-C-d
cầu Xuân Bình-Xuân Hải	KX	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 36' 02"	109° 13' 42"					D-49-51-C-b
núi Yên Beo	SV	xã Xuân Bình	TX. Sông Cầu	13° 33' 57"	109° 14' 09"					D-49-51-C-d
Quốc lộ 1	KX	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-51-D-c; D-49-51-C-d
Khu du lịch Bãi Tràm	KX	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 33' 19"	109° 16' 31"					D-49-51-C-d
cầu Bình Phú	KX	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 34' 15"	109° 14' 40"					D-49-51-C-d
cửa Cù Mông	TV	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 31' 46"	109° 17' 14"					D-49-51-D-c
đầm Cù Mông	TV	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 34' 31"	109° 14' 29"					D-49-51-D-c; D-49-51-C-d
mũi Đá Đen	SV	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 33' 31"	109° 16' 59"					D-49-51-D-c
núi Gành Râu	SV	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 32' 20"	109° 14' 54"					D-49-51-C-d
thôn Hoà Hội	DC	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 33' 12"	109° 15' 31"					D-49-51-C-d
bến cá Hoà Lợi	KX	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 31' 51"	109° 16' 19"					D-49-51-D-c
thôn Hoà Lợi	DC	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 32' 03"	109° 16' 18"					D-49-51-D-c
thôn Hoà Mỹ	DC	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 33' 03"	109° 14' 58"					D-49-51-D-c
thôn Hoà Thạnh	DC	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 32' 47"	109° 16' 19"					D-49-51-D-c
Hòn Nần	SV	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 31' 25"	109° 16' 11"					D-49-51-D-c
núi Ô Gà	SV	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 33' 44"	109° 16' 45"					D-49-51-D-c
chùa Phước Điền	KX	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 33' 51"	109° 14' 31"					D-49-51-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
bến cá Xuân Cảnh	KX	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 32' 51"	109° 15' 10"					D-49-51-D-c
núi Yên Beo	SV	xã Xuân Cảnh	TX. Sông Cầu	13° 33' 57"	109° 14' 09"					D-49-51-C-d
Thôn 1	DC	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 38' 24"	109° 12' 50"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
Thôn 2	DC	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 38' 45"	109° 13' 18"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
Thôn 3	DC	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 38' 16"	109° 13' 19"					D-49-51-C-d
Thôn 4	DC	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 36' 50"	109° 13' 34"					D-49-51-C-d
Thôn 5	DC	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 35' 46"	109° 14' 12"					D-49-51-C-d
quốc lộ 1D	KX	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu			13° 40' 21"	109° 13' 50"	13° 34' 10"	109° 14' 37"	D-49-51-C-b; D-49-51-D-a; D-49-51-C-d
Khu du lịch sinh thái Bãi Bàng	KX	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 40' 12"	109° 13' 46"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
suối Bãi Bàng	TV	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu			13° 40' 39"	109° 12' 24"	13° 40' 13"	109° 13' 49"	D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
Bãi Bàng	DC	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 40' 18"	109° 13' 38"					D-49-51-C-b
cầu Bãi Bàng 1	KX	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 40' 21"	109° 13' 37"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
cầu Bãi Bàng 2	KX	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 40' 14"	109° 13' 35"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
Khu du lịch sinh thái Bãi Bàu	KX	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 39' 59"	109° 13' 42"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
cầu Bãi Rạng	KX	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 39' 21"	109° 13' 29"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
Bãi Rạng	DC	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 39' 17"	109° 13' 36"					D-49-51-C-b
mũi Bàn Thang	SV	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 38' 47"	109° 13' 37"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
hòn Bò Câu	SV	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 41' 40"	109° 11' 18"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đầm Cù Mông	TV	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 34' 31"	109° 14' 29"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a; D-49-51-C-d; D-49-51-D-c
khu tôm sạch doanh nghiệp thủy sản Đặc Lợi	KX	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 37' 12"	109° 13' 53"					D-49-51-C-d
Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu	KX	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 35' 39"	109° 14' 43"					D-49-51-C-d
chùa Phước Xuân	KX	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 38' 37"	109° 13' 04"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
Trường Tiểu học Số 1 Xuân Hải	KX	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 38' 29"	109° 13' 17"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
Trường Tiểu học Số 2 Xuân Hải	KX	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 36' 23"	109° 13' 46"					D-49-51-C-d
Trường Trung học cơ sở Tô Vĩnh Diện	KX	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 37' 30"	109° 13' 44"					D-49-51-C-b
núi Tóp Vung	SV	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 41' 14"	109° 12' 11"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
núi Trại Bà Lý	SV	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 41' 46"	109° 11' 52"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
cầu Xuân Bình-Xuân Hải	KX	xã Xuân Hải	TX. Sông Cầu	13° 36' 02"	109° 13' 42"					D-49-51-C-b
quốc lộ 1D	KX	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu			13° 40' 21"	109° 13' 50"	13° 34' 10"	109° 14' 37"	D-49-51-C-d
cầu Bình Phú	KX	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 34' 15"	109° 14' 40"					D-49-51-C-d
núi Chân Hương	SV	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 33' 57"	109° 15' 55"					D-49-51-D-c
đầm Cù Mông	TV	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 34' 31"	109° 14' 29"					D-49-51-C-d; D-49-51-D-c
mũi Đá Đen	SV	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 33' 31"	109° 16' 59"					D-49-51-D-c
Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu	KX	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 35' 39"	109° 14' 43"					D-49-51-C-d
núi Hoà An	SV	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 34' 20"	109° 17' 24"					D-49-51-D-c
thôn Hoà An	DC	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 34' 21"	109° 17' 06"					D-49-51-D-c
thôn Hoà Phú	DC	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 34' 32"	109° 14' 44"					D-49-51-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường Hoà Phú-Hoà An	KX	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu			13° 34' 29"	109° 14' 48"	13° 34' 21"	109° 16' 39"	D-49-51-C-d; D-49-51-D-c
thôn Hoà Thọ	DC	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 33' 43"	109° 15' 43"					D-49-51-D-c
mũi Hòn Gà	SV	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 34' 07"	109° 17' 46"					D-49-51-D-c
mũi Hòn Rừng	SV	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 34' 37"	109° 17' 12"					D-49-51-D-c
Bãi Nôm	KX	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 34' 05"	109° 17' 18"					D-49-51-D-c
núi Ô Gà	SV	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 33' 44"	109° 16' 45"					D-49-51-D-c
chùa Phước An	KX	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 34' 20"	109° 17' 04"					D-49-51-D-c
chùa Phước Phú	KX	xã Xuân Hoà	TX. Sông Cầu	13° 34' 26"	109° 15' 00"					D-49-51-D-c
đường tránh Quốc lộ 1	KX	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 27' 52"	109° 13' 25"	13° 25' 34"	109° 12' 49"	D-49-63-A-b
Quốc lộ 1	KX	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-A-b
đường tỉnh 644	KX	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 27' 22"	109° 12' 16"	13° 29' 21"	109° 01' 43"	D-49-63-A-b
đập Bãi Tràn	KX	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 28' 10"	109° 11' 28"					D-49-63-A-b
suối Bè Tọt	TV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 35' 53"	109° 07' 36"	13° 34' 34"	109° 09' 31"	D-49-51-C-d
suối Bình Nin	TV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 34' 24"	109° 09' 40"	13° 30' 58"	109° 10' 48"	D-49-51-C-d
sông Bình Nông	TV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 29' 00"	109° 10' 57"	13° 27' 44"	109° 12' 00"	D-49-63-A-b
thôn Bình Nông	DC	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 28' 22"	109° 11' 03"					D-49-63-A-b
thôn Bình Tây	DC	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 31' 58"	109° 06' 26"					D-49-51-C-c
Suối Cá	TV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 30' 58"	109° 10' 48"	13° 29' 00"	109° 10' 57"	D-49-51-C-d; D-49-63-A-b
niệm phật đường Cao Phong	KX	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 26' 17"	109° 12' 19"					D-49-63-A-b
thôn Cao Phong	DC	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 26' 36"	109° 12' 18"					D-49-63-A-b
Suối Cầu	TV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 34' 47"	109° 07' 08"	13° 30' 58"	109° 10' 48"	D-49-51-C-c; D-49-51-C-d
núi Con Quan	SV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 26' 12"	109° 11' 36"					D-49-63-A-b
Suối Cung	TV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 31' 20"	109° 11' 02"	13° 31' 32"	109° 12' 09"	D-49-51-C-d
núi Đồng Ràng	SV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 32' 55"	109° 06' 17"					D-49-51-C-c
núi Đồng Trống	SV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 33' 31"	109° 07' 05"					D-49-51-C-d
suối Đá Ba	TV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 28' 53"	109° 08' 40"	13° 29' 00"	109° 10' 57"	D-49-63-A-b
xóm Đá Dăng	DC	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 32' 49"	109° 08' 42"					D-49-51-C-d
núi Đa Đồn	SV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 33' 31"	109° 09' 11"					D-49-51-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Đá Mũ	SV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 27' 50"	109° 05' 33"					D-49-63-A-a
đập Đá Vải	KX	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 27' 44"	109° 12' 00"					D-49-63-A-b
núi Hòn Gió	SV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 36' 33"	109° 06' 48"					D-49-63-A-b
núi Hòn Kê	SV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 34' 40"	109° 06' 51"					D-49-63-A-b
núi Hòn Sam	SV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 34' 20"	109° 06' 52"					D-49-63-A-b
núi Hòn Tép	SV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 35' 07"	109° 06' 51"					D-49-63-A-b
Suối Hước	TV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 27' 54"	109° 07' 42"	13° 27' 32"	109° 04' 59"	D-49-63-A-a;
Hòn Khô	SV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 30' 36"	109° 06' 58"					D-49-51-C-d
thôn Long Phước	DC	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 27' 01"	109° 12' 19"					D-49-63-A-b
núi Mỏ Cheo	SV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 27' 08"	109° 09' 09"					D-49-63-A-b
núi Ngõ Châu	SV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 27' 27"	109° 06' 21"					D-49-63-A-a
suối Ông Két	TV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 32' 22"	109° 06' 52"	13° 31' 35"	109° 06' 15"	D-49-51-C-c
chùa Phước Quang	KX	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 26' 31"	109° 12' 50"					D-49-63-A-b
sông Tam Giang	TV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 27' 44"	109° 12' 00"	13° 26' 51"	109° 13' 23"	D-49-63-A-b
cầu Tam Giang 2	KX	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 27' 27"	109° 12' 20"					D-49-63-A-b
chùa Thiên Thai	KX	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 26' 43"	109° 12' 00"					D-49-63-A-b
núi Vai Bò	SV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 27' 14"	109° 06' 43"					D-49-63-A-a
suối Xuân Đài	TV	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu			13° 30' 12"	109° 07' 09"	13° 28' 02"	109° 05' 06"	D-49-51-C-c; D-49-63-A-a
chùa Xuân Long	KX	xã Xuân Lâm	TX. Sông Cầu	13° 27' 18"	109° 12' 11"					D-49-63-A-b
Quốc lộ 1	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-51-C-b; D-49-51-D-a; D-49-51-C-d
cầu Bà Nam	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 39' 11"	109° 10' 44"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
suối Bà Nam	TV	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu			13° 40' 06"	109° 10' 40"	13° 37' 20"	109° 11' 19"	D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
suối Bà Sẻ	TV	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu			13° 38' 04"	109° 07' 39"	13° 37' 14"	109° 11' 28"	D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
suối Bè Tọt	TV	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu			13° 35' 53"	109° 07' 36"	13° 34' 24"	109° 09' 40"	D-49-51-C-b; D-49-51-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Bình Nin	SV	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 34' 14"	109° 10' 31"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
Trường Trung học cơ sở Bùi Thị Xuân	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 35' 14"	109° 12' 24"					D-49-51-C-d
chùa Bửu Sơn	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 35' 17"	109° 12' 25"					D-49-51-C-d
niệm phật đường Chánh Lộc	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 35' 21"	109° 11' 49"					D-49-51-C-d
thôn Chánh Lộc	DC	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 35' 12"	109° 11' 46"					D-49-51-C-d
đường Chánh Lộc-Diêm Trường	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu			13° 36' 29"	109° 13' 16"	13° 34' 44"	109° 11' 53"	D-49-51-C-d
cầu Cù Mông	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 39' 27"	109° 10' 42"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
đầm Cù Mông	TV	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 34' 31"	109° 14' 29"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
đèo Cù Mông	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 41' 01"	109° 10' 31"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
thôn Diêm Trường	DC	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 36' 52"	109° 12' 51"					D-49-51-C-d
núi Dông Song	SV	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 40' 46"	109° 09' 14"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
Núi Đảnh	SV	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 40' 42"	109° 09' 43"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
Công ty Hiền Vương	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 35' 21"	109° 11' 39"					D-49-51-C-d
núi Hòn Khô	SV	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 38' 38"	109° 09' 05"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
thôn Long Thạnh	DC	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 38' 34"	109° 10' 49"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
Núi Một	SV	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 35' 27"	109° 11' 51"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
thôn Mỹ Lộc	DC	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 36' 17"	109° 11' 42"					D-49-51-C-d
thôn Mỹ Phụng	DC	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 36' 33"	109° 11' 57"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
tỉnh xá Ngọc Rạng	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 35' 33"	109° 11' 41"					D-49-51-C-d
núi Ông Bai	SV	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 39' 39"	109° 11' 15"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
núi Ông Ôn	SV	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 35' 45"	109° 10' 13"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
niệm phật đường Thạch Khê	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 36' 52"	109° 11' 14"					D-49-51-C-d
thôn Thạch Khê	DC	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 37' 00"	109° 11' 00"					D-49-51-C-d
lầm Thanh Khê	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 36' 47"	109° 11' 02"					D-49-51-C-d
thôn Thọ Lộc	DC	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 35' 41"	109° 12' 22"					D-49-51-C-d
núi Tước Vung	SV	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 38' 25"	109° 11' 11"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
chợ Xuân Lộc	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 34' 54"	109° 11' 54"					D-49-51-C-d
Trường Tiểu học Xuân Lộc 1	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 35' 04"	109° 11' 44"					D-49-51-C-d
Trường Tiểu học Xuân Lộc 2	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 36' 22"	109° 11' 20"					D-49-51-C-d
Trường Tiểu học Xuân Lộc 3	KX	xã Xuân Lộc	TX. Sông Cầu	13° 36' 06"	109° 12' 54"					D-49-51-C-d
Quốc lộ 1	KX	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-51-C-d; D-49-63-A-b
Lăng Bà	KX	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 29' 55"	109° 14' 38"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
xóm Bảo Trầu	DC	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 25' 06"	109° 17' 12"					D-49-63-B-a
Miếu Chòm	KX	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 27' 51"	109° 17' 05"					D-49-63-B-a
thôn Dân Phú 1	DC	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 26' 46"	109° 17' 15"					D-49-63-B-a
thôn Dân Phú 2	DC	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 24' 51"	109° 17' 35"					D-49-63-B-a
núi Đồng Bằng	SV	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 29' 49"	109° 13' 54"					D-49-51-C-b;
núi Hai Phú	SV	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 26' 10"	109° 17' 54"					D-49-63-B-a
chùa Hải Sơn	KX	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 29' 22"	109° 13' 54"					D-49-63-A-b
miếu Hóc Bò	KX	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 30' 33"	109° 13' 52"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
núi Hòn Một	SV	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 28' 54"	109° 14' 45"					D-49-63-A-b
núi Hòn Tắc	SV	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 25' 47"	109° 16' 46"					D-49-63-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Lệ Uyên	DC	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 29' 29"	109° 13' 49"					D-49-63-A-b
chùa Liên Phú	KX	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 24' 52"	109° 17' 36"					D-49-63-B-a
chùa Linh Tiên	KX	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 26' 52"	109° 16' 55"					D-49-63-B-a
Suối Lùng	TV	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu			13° 31' 37"	109° 13' 14"	13° 29' 07"	109° 13' 45"	D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
Đèo Nại	KX	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 30' 50"	109° 14' 42"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
tịnh xá Ngọc Yên	KX	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 29' 25"	109° 13' 48"					D-49-63-A-b
chùa Phú Mỹ	KX	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 28' 15"	109° 16' 25"					D-49-63-B-a
thôn Phú Mỹ	DC	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 28' 56"	109° 15' 44"					D-49-63-B-a
chùa Phước Nguyên	KX	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 29' 39"	109° 13' 18"					D-49-63-A-b
chùa Phước Trung	KX	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 29' 44"	109° 14' 51"					D-49-63-A-b
núi Suối Lùng	SV	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 30' 28"	109° 12' 22"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
thôn Trung Trinh	DC	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 29' 56"	109° 14' 48"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
đường Trung Trinh-Vũng La	KX	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu			13° 29' 54"	109° 14' 21"	13° 24' 53"	109° 17' 36"	D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
xóm Vũng La	DC	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 24' 45"	109° 17' 36"					D-49-63-B-a
xóm Vũng Me	DC	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 25' 02"	109° 16' 10"					D-49-63-B-a
xóm Vũng Sứ	DC	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 26' 09"	109° 16' 34"					D-49-63-B-a
Núi Yang	SV	xã Xuân Phương	TX. Sông Cầu	13° 31' 16"	109° 12' 28"					D-49-51-C-b; D-49-51-D-a
Quốc lộ 1	KX	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-51-D-c; D-49-51-C-d
cửa Cù Mông	TV	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 31' 46"	109° 17' 14"					D-49-51-D-c
đầm Cù Mông	TV	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 34' 31"	109° 14' 29"					D-49-51-D-c
núi Động Tranh	SV	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 28' 10"	109° 19' 31"					D-49-63-B-a
Núi Đụn	SV	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 29' 39"	109° 16' 59"					D-49-51-C-d
mũi Gành Bà	SV	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 28' 12"	109° 19' 40"					D-49-63-B-a
núi Gành Râu	SV	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 32' 20"	109° 14' 54"					D-49-51-C-d
núi Hai Phú	SV	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 26' 10"	109° 17' 54"					D-49-63-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Hoà Hiệp	DC	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 31' 22"	109° 14' 47"					D-49-51-C-d
núi Hòn Tôm	SV	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 31' 26"	109° 17' 40"					D-49-51-D-c
vũng Mò O	TV	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 27' 49"	109° 19' 11"					D-49-63-B-a
Đèo Nại	KX	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 30' 50"	109° 14' 42"					D-49-51-C-d
mũi Ông Phật	SV	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 31' 11"	109° 17' 56"					D-49-51-D-c
thôn Phú Dương	DC	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 30' 04"	109° 16' 27"					D-49-51-D-c
chùa Phú Thịnh	KX	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 29' 33"	109° 16' 52"					D-49-63-B-a
Vũng Quan	TV	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 28' 03"	109° 18' 41"					D-49-63-B-a
chùa Thiên Phước	KX	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 31' 30"	109° 14' 41"					D-49-51-C-d
thôn Từ Nham	DC	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 28' 03"	109° 19' 17"					D-49-51-D-c
chùa Từ Quang	KX	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 28' 03"	109° 19' 01"					D-49-63-B-a
thôn Vĩnh Hoà	DC	xã Xuân Thịnh	TX. Sông Cầu	13° 31' 20"	109° 17' 33"					D-49-51-D-c
Quốc lộ 1	KX	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-A-b
thôn Chánh Nam	DC	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu	13° 24' 47"	109° 12' 38"					D-49-63-A-b
núi Con Quan	SV	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu	13° 26' 12"	109° 11' 36"					D-49-63-A-b
suối Hà Dom	TV	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu			13° 24' 56"	109° 09' 42"	13° 24' 48"	109° 08' 10"	D-49-63-A-b
Cầu Huyện	KX	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu	13° 25' 16"	109° 12' 44"					D-49-63-A-b
Hòn Mang	SV	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu	13° 24' 30"	109° 10' 12"					D-49-63-A-b
suối Mang	TV	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu			13° 24' 54"	109° 11' 38"	13° 23' 52"	109° 13' 05"	D-49-63-A-b
núi Mô Cheo	SV	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu	13° 27' 08"	109° 09' 09"					D-49-63-A-b
núi Mò Cua	SV	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu	13° 24' 11"	109° 12' 01"					D-49-63-A-b
núi Mồ Giọt	SV	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu	13° 25' 21"	109° 10' 00"					D-49-63-A-b
thôn Nhiều Hậu	DC	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu	13° 25' 29"	109° 12' 34"					D-49-63-A-b
cầu Phương Lưu	KX	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu	13° 24' 18"	109° 12' 39"					D-49-63-A-b
thôn Phương Lưu	DC	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu	13° 24' 31"	109° 12' 28"					D-49-63-A-b
Hòn Song	SV	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu	13° 24' 45"	109° 09' 35"					D-49-63-A-b
Suối Song	TV	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu			13° 25' 51"	109° 11' 10"	13° 24' 58"	109° 13' 05"	D-49-63-A-b
Suối Tre	TV	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu			13° 25' 11"	109° 10' 44"	13° 23' 52"	109° 12' 59"	D-49-63-A-b
Núi Ước	SV	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu	13° 25' 01"	109° 09' 03"					D-49-63-A-b
hợp tác xã Xuân Thọ 1	KX	xã Xuân Thọ 1	TX. Sông Cầu	13° 25' 06"	109° 12' 39"					D-49-63-A-b
Quốc lộ 1	KX	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-A-b
Xóm 1	DC	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 22' 51"	109° 13' 36"					D-49-63-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Xóm 2	DC	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 22' 15"	109° 13' 40"					D-49-63-A-d
Xóm 3	DC	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 22' 06"	109° 13' 05"					D-49-63-A-d
Xóm 4	DC	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 22' 25"	109° 13' 05"					D-49-63-A-d
đường tỉnh 642	KX	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu			13° 06' 34"	109° 22' 28"	13° 23' 46"	109° 12' 39"	D-49-63-A-b; D-49-63-A-d
cầu Bà Còn	KX	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 23' 33"	109° 11' 39"					D-49-63-A-b
núi Côn Lôn	SV	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 22' 10"	109° 11' 54"					D-49-63-A-b
Hòn Dung	SV	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 22' 20"	109° 13' 50"					D-49-63-A-b
Hòn Đen	SV	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 23' 25"	109° 10' 17"					D-49-63-A-b
hòn Đồng Bé	SV	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 22' 29"	109° 10' 03"					D-49-63-B-a
Hòn Hàn	SV	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 21' 59"	109° 13' 10"					D-49-63-A-d
thôn Hào Danh	DC	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 22' 33"	109° 10' 56"					D-49-63-A-b
thôn Hào Nghĩa	DC	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 22' 42"	109° 12' 15"					D-49-63-A-d
núi Hòn Mua	SV	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 21' 33"	109° 11' 14"					D-49-63-A-d
cầu Lò Vôi	KX	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 23' 56"	109° 12' 39"					D-49-63-A-b
núi Mò Cua	SV	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 24' 11"	109° 12' 01"					D-49-63-A-b
thôn Mỹ Lương	DC	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 22' 06"	109° 13' 18"					D-49-63-A-d
cầu Sông Gòn	KX	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 23' 40"	109° 11' 50"					D-49-63-A-b
Suối Tre	TV	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu			13° 25' 11"	109° 10' 44"	13° 23' 52"	109° 12' 59"	D-49-63-A-b
thôn Triều Sơn	DC	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 23' 37"	109° 12' 35"					D-49-63-A-b
chùa Triều Tôn	KX	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 23' 34"	109° 12' 14"					D-49-63-A-b
niệm phật đường Trung Châu	KX	xã Xuân Thọ 2	TX. Sông Cầu	13° 23' 45"	109° 12' 37"					D-49-63-A-b
quốc lộ 29	KX	TT. Hoà Hiệp Trung	H. Đông Hoà			12° 59' 38"	109° 19' 46"	12° 52' 30"	109° 23' 43"	D-49-75-B-a; D-49-75-B-b
sông Bàn Thạch	TV	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà			12° 58' 22"	109° 16' 11"	12° 57' 03"	109° 25' 25"	D-49-75-B-a
kênh tiêu Bàu Bèo	TV	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà			13° 01' 08"	109° 19' 10"	12° 58' 52"	109° 21' 30"	D-49-63-D-c
Bệnh viện Đa khoa huyện Đông Hoà	KX	TT. Hoà Hiệp Trung	H. Đông Hoà	13° 00' 16"	109° 22' 03"					D-49-63-D-c
sông Đà Nông	TV	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà			12° 59' 21"	109° 23' 19"	12° 57' 03"	109° 25' 25"	D-49-75-B-b
Xóm Gò	DC	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà	12° 58' 42"	109° 22' 03"					D-49-75-B-a
Gò Tre	DC	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà	12° 59' 53"	109° 21' 01"					D-49-63-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
chùa Hải Hội	KX	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà	12° 59' 49"	109° 21' 26"					D-49-75-B-a
Khu công nghiệp Hoà Hiệp	KX	TT. Hoà Hiệp Trung	H. Đông Hoà	13° 00' 49"	109° 21' 36"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
kênh chính Nam Đồng Cam	TV	TT. Hoà Hiệp Trung	H. Đông Hoà			12° 59' 50"	109° 15' 04"	12° 58' 56"	109° 21' 17"	D-49-75-B-a
ga Phú Hiệp	KX	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà	12° 59' 55"	109° 21' 35"					D-49-63-D-c
khu phố Phú Hiệp 1	DC	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà	13° 00' 02"	109° 21' 23"					D-49-63-D-c
khu phố Phú Hiệp 2	DC	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà	12° 59' 41"	109° 21' 49"					D-49-75-B-a
khu phố Phú Hiệp 3	DC	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà	12° 59' 17"	109° 21' 03"					D-49-63-D-c
khu phố Phú Hoà	DC	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà	12° 59' 13"	109° 22' 10"					D-49-75-B-a
khu phố Phú Thọ	DC	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà	12° 59' 29"	109° 22' 57"					D-49-75-B-b
khu phố Phú Thọ 1	DC	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà	13° 00' 22"	109° 22' 24"					D-49-63-D-c
khu phố Phú Thọ 2	DC	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà	13° 00' 04"	109° 22' 43"					D-49-63-D-d
khu phố Phú Thọ 3	DC	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà	12° 59' 13"	109° 23' 7"					D-49-75-B-b
cầu Thạch Tuấn	KX	TT. Hoà Hiệp	H. Đông Hoà	12° 58' 37"	109° 21' 35"					D-49-75-B-a
Quốc lộ 1	KX	TT. Hoà Vinh	H. Đông Hoà			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-D-c; D-49-75-B-a
Khu phố 1	DC	TT. Hoà Vinh	H. Đông Hoà	13° 00' 36"	109° 19' 37"					D-49-75-B-a
Khu phố 2	DC	TT. Hoà Vinh	H. Đông Hoà	12° 59' 56"	109° 19' 20"					D-49-63-D-c
Khu phố 3	DC	TT. Hoà Vinh	H. Đông Hoà	12° 59' 30"	109° 20' 09"					D-49-75-B-a
Khu phố 4	DC	TT. Hoà Vinh	H. Đông Hoà	12° 59' 02"	109° 19' 58"					D-49-75-B-a
Khu phố 5	DC	TT. Hoà Vinh	H. Đông Hoà	12° 59' 20"	109° 20' 27"					D-49-75-B-a
quốc lộ 29	KX	TT. Hoà Vinh	H. Đông Hoà			12° 59' 38"	109° 19' 46"	12° 52' 30"	109° 23' 43"	D-49-75-B-a
cầu Bàn Thạch	KX	TT. Hoà Vinh	H. Đông Hoà	12° 58' 48"	109° 20' 05"					D-49-75-B-a
sông Bàn Thạch	TV	TT. Hoà Vinh	H. Đông Hoà			12° 58' 22"	109° 16' 11"	12° 57' 03"	109° 25' 25"	D-49-75-B-a
kênh tiêu Bầu Bèo	TV	TT. Hoà Vinh	H. Đông Hoà			13° 01' 08"	109° 19' 10"	12° 58' 52"	109° 21' 30"	D-49-63-D-c
kênh Chánh 10	TV	TT. Hoà Vinh	H. Đông Hoà			13° 00' 54"	109° 19' 48"	13° 00' 01"	109° 18' 58"	D-49-63-D-c
kênh chính Nam Đồng Cam	TV	TT. Hoà Vinh	H. Đông Hoà			12° 59' 50"	109° 15' 04"	12° 58' 56"	109° 21' 17"	D-49-63-D-c; D-49-75-B-a
kênh tiêu Bầu Bèo	TV	xã Hoà Hiệp Bắc	H. Đông Hoà			13° 01' 08"	109° 19' 10"	12° 58' 52"	109° 21' 30"	D-49-63-D-c
Khu công nghiệp Hoà Hiệp	KX	xã Hoà Hiệp Bắc	H. Đông Hoà	13° 00' 49"	109° 21' 36"					D-49-63-D-c; D-49-63-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Mỹ Hoà	DC	xã Hoà Hiệp Bắc	H. Đông Hoà	13° 01' 08"	109° 20' 41"					D-49-63-D-c
thôn Phước Lâm	DC	xã Hoà Hiệp Bắc	H. Đông Hoà	13° 00' 42"	109° 21' 09"					D-49-63-D-c
thôn Uất Lâm	DC	xã Hoà Hiệp Bắc	H. Đông Hoà	13° 01' 39"	109° 20' 17"					D-49-63-D-c
quốc lộ 29	KX	xã Hoà Hiệp Nam	H. Đông Hoà			12° 59' 38"	109° 19' 46"	12° 52' 30"	109° 23' 43"	D-49-75-B-b
sông Bàn Thạch	TV	xã Hoà Hiệp Nam	H. Đông Hoà			12° 58' 22"	109° 16' 11"	12° 57' 03"	109° 25' 25"	D-49-75-B-b
núi Cẩm Hòn Dom	SV	xã Hoà Hiệp Nam	H. Đông Hoà	12° 57' 24"	109° 24' 02"					D-49-75-B-b
thôn Đa Nư	DC	xã Hoà Hiệp Nam	H. Đông Hoà	12° 57' 47"	109° 23' 44"					D-49-75-B-b
cầu Đà Nông	KX	xã Hoà Hiệp Nam	H. Đông Hoà	12° 56' 54"	109° 24' 57"					D-49-75-B-b
Khu công nghiệp Hoà Hiệp 2	KX	xã Hoà Hiệp Nam	H. Đông Hoà	12° 58' 42"	109° 23' 13"					D-49-75-B-b
Đồn Biên phòng Hoà Hiệp Nam	KX	xã Hoà Hiệp Nam	H. Đông Hoà	12° 58' 21"	109° 23' 55"					D-49-75-B-b
Núi Một	SV	xã Hoà Hiệp Nam	H. Đông Hoà	12° 58' 12"	109° 22' 36"					D-49-75-B-b
lăng Ông Phú Lạc	KX	xã Hoà Hiệp Nam	H. Đông Hoà	12° 57' 04"	109° 24' 56"					D-49-75-B-b
thôn Phú Lạc	DC	xã Hoà Hiệp Nam	H. Đông Hoà	12° 57' 22"	109° 24' 36"					D-49-75-B-b
thôn Thọ Lâm	DC	xã Hoà Hiệp Nam	H. Đông Hoà	12° 58' 39"	109° 22' 46"					D-49-75-B-b
quốc lộ 29	KX	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà			12° 59' 38"	109° 19' 46"	12° 52' 30"	109° 23' 43"	D-49-75-B-b
Núi Bà	SV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 53' 31"	109° 25' 01"					D-49-75-B-b
núi Bãi Gốc	SV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 56' 36"	109° 25' 34"					D-49-75-B-b
sông Bàn Thạch	TV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà			12° 58' 22"	109° 16' 11"	12° 57' 03"	109° 25' 25"	D-49-75-B-a; D-49-75-B-b
Suối Cái	TV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà			12° 54' 10"	109° 25' 07"	12° 55' 16"	109° 23' 51"	D-49-75-B-b
Núi Chùa	SV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 55' 19"	109° 23' 28"					D-49-75-B-b
hòn Cồn Khô	SV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 56' 54"	109° 24' 31"					D-49-75-B-b
núi Đá Bia	SV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 53' 59"	109° 23' 51"					D-49-75-B-b
sông Đà Nông	TV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà			12° 56' 43"	109° 23' 54"	12° 59' 29"	109° 23' 16"	D-49-75-B-b
cầu Đà Nông	KX	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 56' 54"	109° 24' 57"					D-49-75-B-b
Sông Đăng	TV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà			12° 56' 28"	109° 21' 53"	12° 56' 44"	109° 22' 51"	D-49-75-B-a; D-49-75-B-b
thôn Đồng Bé	DC	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 55' 31"	109° 25' 44"					D-49-75-B-b
núi Hòn Bà	SV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 54' 33"	109° 25' 21"					D-49-75-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông Kè	TV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà			12° 56' 54"	109° 22' 25"	12° 56' 34"	109° 23' 48"	D-49-75-B-a; D-49-75-B-b
mũi Kê Gà	SV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 53' 51"	109° 27' 18"					D-49-75-B-b
núi Làng Thượng	SV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 53' 13"	109° 26' 26"					D-49-75-B-b
Mũi Mao	SV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 53' 00"	109° 27' 18"					D-49-75-B-b
Mũi Nậy	SV	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 54' 49"	109° 27' 09"					D-49-75-B-b
thôn Phước Giang	DC	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 56' 55"	109° 23' 11"					D-49-75-B-b
thôn Phước Long	DC	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 56' 22"	109° 24' 03"					D-49-75-B-b
thôn Phước Lộc	DC	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 56' 00"	109° 23' 43"					D-49-75-B-b
thôn Phước Tân	DC	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 56' 23"	109° 25' 20"					D-49-75-B-b
cầu Sông Đàng	KX	xã Hoà Tâm	H. Đông Hoà	12° 56' 31"	109° 22' 31"					D-49-75-B-b
quốc lộ 29	KX	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà			12° 59' 45"	109° 07' 24"	13° 00' 04"	109° 19' 35"	D-49-75-B-a
sông Bàn Thạch	TV	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà			12° 58' 22"	109° 16' 11"	12° 57' 03"	109° 25' 25"	D-49-75-B-a; D-49-75-B-b
kênh tiêu Bàu Bèo	TV	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà			13° 00' 06"	109° 16' 03"	13° 00' 21"	109° 17' 28"	D-49-63-D-c
Bàu Bèo	TV	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà			13° 00' 45"	109° 16' 49"	13° 00' 21"	109° 17' 28"	D-49-63-D-c
thôn Cảnh Phước	DC	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà	12° 59' 43"	109° 16' 46"					D-49-75-B-a
Núi Chai	SV	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà	12° 57' 42"	109° 18' 20"					D-49-75-B-a
kênh Chánh 10	TV	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà			13° 00' 54"	109° 19' 48"	13° 00' 01"	109° 18' 58"	D-49-63-D-c
cầu Đá Cối	KX	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà	12° 59' 09"	109° 17' 25"					D-49-75-B-a
thôn Đồng Thạnh	DC	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà	12° 59' 34"	109° 17' 12"					D-49-63-D-c
Xóm Mới	DC	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà	12° 59' 20"	109° 16' 56"					D-49-75-B-a
kênh chính Nam Đồng Cam	TV	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà			12° 59' 50"	109° 15' 04"	12° 58' 56"	109° 21' 17"	D-49-63-D-c; D-49-75-B-a
thôn Phú Đa	DC	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà	12° 59' 50"	109° 18' 16"					D-49-75-B-a
thôn Phú Lương	DC	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà	12° 59' 48"	109° 18' 52"					D-49-75-B-a
thôn Tân Đạo	DC	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà	12° 58' 09"	109° 17' 04"					D-49-75-B-a
Sông Trong	TV	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà			12° 57' 13"	109° 16' 17"	12° 58' 41"	109° 16' 30"	D-49-75-B-a
thôn Vĩnh Xuân	DC	xã Hoà Tân Đông	H. Đông Hoà	12° 59 ' 44"	109° 17' 48"					D-49-75-B-a
đường tỉnh 645	KX	xã Hoà Thành	H. Đông Hoà			13° 02' 34"	109° 18' 32"	12° 59' 51"	109° 15' 04"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
sông Đà Rằng	TV	xã Hoà Thành	H. Đông Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Lộc Đông	DC	xã Hoà Thành	H. Đông Hoà	13° 02' 18"	109° 17' 57"					D-49-63-D-c
kênh N1-2 Nam Đồng Cam	TV	xã Hoà Thành	H. Đông Hoà			13° 01' 08"	109° 16' 26"	13° 01' 22"	109° 19' 02"	D-49-63-D-c
kênh chính Nam Đồng Cam	TV	xã Hoà Thành	H. Đông Hoà			13° 02' 27"	109° 05' 02"	13° 03' 26"	109° 18' 56"	D-49-63-D-c
Ấp Nhơn	DC	xã Hoà Thành	H. Đông Hoà	13° 00' 39"	109° 17' 41"					D-49-63-D-c
thôn Phú Lễ	DC	xã Hoà Thành	H. Đông Hoà	13° 03' 16"	109° 18' 10"					D-49-63-D-c
thôn Phước Bình Bắc	DC	xã Hoà Thành	H. Đông Hoà	13° 02' 18"	109° 17' 14"					D-49-63-D-c
thôn Phước Bình Nam	DC	xã Hoà Thành	H. Đông Hoà	13° 01' 13"	109° 17' 39"					D-49-63-D-c
chùa Phước Khánh	KX	xã Hoà Thành	H. Đông Hoà	13 ° 01' 34"	109° 17' 26"					D-49-63-D-c
thôn Phước Lộc 1	DC	xã Hoà Thành	H. Đông Hoà	13° 02' 37"	109° 18' 18"					D-49-63-D-c
thôn Phước Lộc 2	DC	xã Hoà Thành	H. Đông Hoà	13° 01' 03"	109° 18' 45"					D-49-63-D-c
Ấp Trung	DC	xã Hoà Thành	H. Đông Hoà	13° 01' 52"	109° 17' 18"					D-49-63-D-c
Quốc lộ 1	KX	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-75-B-a
sông Bàn Thạch	TV	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà			12° 58' 22"	109° 16' 11"	12° 57' 03"	109° 25' 25"	D-49-75-B-a
thôn Bàn Thạch	DC	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà	12° 58' 11"	109° 20' 48"					D-49-75-B-a
cầu Cây Tra	KX	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà	12° 56' 40"	109° 21' 25"					D-49-75-B-a
sông Cây Tra	TV	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà			12° 55' 30"	109° 20' 57"	12° 56' 54"	109° 22' 25"	D-49-75-B-a
núi Chân Rạ	SV	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà	12° 57' 04"	109° 20' 24"					D-49-75-B-a
Xóm Chùa	DC	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà	12° 57' 53"	109° 20' 50"					D-49-75-B-a
Sông Đãng	TV	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà			12° 56' 28"	109° 21' 53"	12° 56' 44"	109° 22' 51"	D-49-75-B-a
thôn Hiệp Đồng	DC	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà	12° 58' 30"	109° 21' 09"					D-49-75-B-a
Sông Mới	TV	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà			12° 54' 43"	109° 22' 23"	12° 55' 36"	109° 21' 58"	D-49-75-B-a
thôn Phú Khê 1	DC	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà	12° 57' 30"	109° 21' 00"					D-49-75-B-a
thôn Phú Khê 2	DC	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà	12° 57' 03"	109° 21' 25"					D-49-75-B-a
cầu Sông Ván	KX	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà	12° 55' 31"	109° 21' 38"					D-49-75-B-a
Ấp Tây	DC	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà	12° 57' 47"	109° 21' 14"					D-49-75-B-a
cầu Thạch Tuấn	KX	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà	12° 58' 37"	109° 21' 35"					D-49-75-B-a
thôn Thạch Tuấn 1	DC	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà	12° 58' 06"	109° 20' 59"					D-49-75-B-a
thôn Thạch Tuấn 2	DC	xã Hoà Xuân	H. Đông Hoà	12° 57' 58"	109° 21' 25"					D-49-75-B-a
Quốc lộ 1	KX	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-75-B-a; D-49-75-B-b
quốc lộ 29	KX	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà			12° 59' 38"	109° 19' 46"	12° 52' 30"	109° 23' 43"	D-49-75-B-b; D-49-75-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Mũi Ba	SV	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 51' 41"	109° 27' 03"					D-49-75-B-d
Núi Bà	SV	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 53' 31"	109° 25' 01"					D-49-75-B-b
Biển Hồ	TV	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 53' 43"	109° 22' 48"					D-49-75-B-a; D-49-75-B-b
Vũng Chùa	TV	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 52' 38"	109° 25' 2"					D-49-75-B-b
núi Đá Bia	SV	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 53' 59"	109° 23' 51"					D-49-75-B-b
núi Đá Đen	SV	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 52' 01"	109° 22' 37"					D-49-75-B-d
cầu Đá Trãi	KX	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 51' 44"	109° 23' 51"					D-49-75-B-d
Ban quản lý Rừng đặc dụng	KX	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 53' 28"	109° 23' 11"					D-49-75-B-b
hầm Đèo Cả	KX	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà			12° 52' 42"	109° 23' 27"	12° 52' 11"	109° 23' 44"	D-49-75-B-b; D-49-75-B-d
ga Hào Sơn	KX	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 54' 34"	109° 22' 29"					D-49-75-B-a
thôn Hào Sơn	DC	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 54' 35"	109° 21' 59"					D-49-75-B-a
núi Làng Thượng	SV	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 53' 13"	109° 26' 26"					D-49-75-B-b
Mũi Mao	SV	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 53' 00"	109° 27' 18"					D-49-75-B-b
Sông Mới	TV	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà			12° 51' 53"	109° 17' 23"	12° 54' 43"	109° 22' 23"	D-49-75-B-a; D-49-75-B-c
Hòn Nưa	SV	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 49' 55"	109° 23' 33"					D-49-75-B-d
Vũng Rô	TV	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 52' 54"	109° 25' 45"					D-49-75-B-b
cầu Sông Mới	KX	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 54' 43"	109° 22' 23"					D-49-75-B-a
cầu Suối Dài	KX	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 51' 16"	109° 23' 29"					D-49-75-B-d
cầu Suối Lớn	KX	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 53' 09"	109° 23' 32"					D-49-75-B-b
cầu Suối Nhỏ	KX	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 53' 25"	109° 23' 12"					D-49-75-B-b
núi Vũng Chính	SV	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 52' 37"	109° 26' 39"					D-49-75-B-b
thôn Vũng Rô	DC	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 52' 16"	109° 24' 26"					D-49-75-B-b
Mũi Yến	SV	xã Hoà Xuân Nam	H. Đông Hoà	12° 50' 59"	109° 25' 05"					D-49-75-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-75-B-a
thôn Bàn Nham Bắc	DC	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 58' 24"	109° 20' 20"					D-49-75-B-a
thôn Bàn Nham Nam	DC	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 58' 12"	109° 20' 24"					D-49-75-B-a
cầu Bàn Thạch	KX	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 58' 48"	109° 20' 05"					D-49-75-B-a
sông Bàn Thạch	TV	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà			12° 58' 22"	109° 16' 11"	12° 57' 03"	109° 25' 25"	D-49-75-B-a; D-49-75-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Núi Chai	SV	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 57' 42"	109° 18' 20"					D-49-75-B-a
làng Đá Dựng	DC	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 56' 42"	109° 20' 14"					D-49-75-B-a
hồ Đồng Khôn	TV	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 55' 37"	109° 19' 31"					D-49-75-B-a
núi Hóc Lầy	SV	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 55' 37"	109° 19' 59"					D-49-75-B-a
núi Hóc Mỏ	SV	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 57' 20"	109° 20' 04"					D-49-75-B-a
núi Hóc Nôm	SV	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 54' 32"	109° 18' 28"					D-49-75-B-a
hồ Hòn Dinh	TV	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 55' 19"	109° 20' 15"					D-49-75-B-a
trạm bơm điện Nam Bình	KX	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 59' 10"	109° 19' 19"					D-49-75-B-a
thôn Nam Bình 1	DC	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 59' 09"	109° 19' 09"					D-49-75-B-a
thôn Nam Bình 2	DC	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 58' 46"	109° 19' 24"					D-49-75-B-a
chùa Phước Long	KX	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 58' 38"	109° 20' 02"					D-49-75-B-a
thôn Phước Lương	DC	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 58' 34"	109° 20' 33"					D-49-75-B-a
núi Sa Leo	SV	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 57' 15"	109° 19' 06"					D-49-75-B-a
thôn Thạch Chấm	DC	xã Hoà Xuân Tây	H. Đông Hoà	12° 58' 33"	109° 19' 57"					D-49-75-B-a
suối Bà Phấn	TV	TT. La Hai	H. Đồng Xuân			13° 23' 23"	109° 05' 11"	13° 22' 26"	109° 05' 27"	D-49-63-A-a
núi Bằng Chinh	SV	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 23' 26"	109° 04' 37"					D-49-63-A-a
núi Bằng Tự Túc	SV	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 23' 50"	109° 05' 26"					D-49-63-A-a
suối Bi Lỗ Sáu	TV	TT. La Hai	H. Đồng Xuân			13° 20' 35"	109° 06' 37"	13° 21' 53"	109° 07' 51"	D-49-63-A-c; D-49-63-A-d
Sông Cô	TV	TT. La Hai	H. Đồng Xuân			13° 26' 23"	109° 04' 00"	13° 22' 25"	109° 06' 46"	D-49-63-A-a; D-49-63-A-c
Hòn Đông	SV	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 24' 00"	109° 04' 15"					D-49-63-A-a
hòn Đá Tác	SV	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 21' 47"	109° 07' 03"					D-49-63-A-c
núi Hòn Chảo	SV	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 23' 17"	109° 07' 16"					D-49-63-A-a
Bệnh viện Đa khoa huyện	KX	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 22' 39"	109° 06' 09"					D-49-63-A-a
Nhà máy đường KCP Đồng	KX	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 22' 02"	109° 06' 22"					D-49-63-A-c
sông Kỳ Lộ	TV	TT. La Hai	H. Đồng Xuân			13° 28' 49"	108° 53' 17"	13° 21' 56"	109° 07' 54"	D-49-63-A-c; D-49-63-A-d
bầu La Hai	TV	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 22' 23"	109° 06' 06"					D-49-63-A-c
cầu La Hai	KX	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 22' 29"	109° 06' 26"					D-49-63-A-a;
ga La Hai	KX	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 23' 00"	109° 06' 10"					D-49-63-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Trường Trung học phổ thông Lê Lợi	KX	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 22' 32"	109° 06' 03"					D-49-63-A-a
khu phố Long An	DC	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 22' 00"	109° 07' 28"					D-49-63-A-c
khu phố Long Bình	DC	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 23' 19"	109° 06' 19"					D-49-63-A-a
khu phố Long Châu	DC	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 22' 46"	109° 06' 16"					D-49-63-A-a
khu phố Long Hà	DC	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 21' 46"	109° 05' 47"					D-49-63-A-c
khu phố Long Thăng	DC	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 22' 43"	109° 05' 59"					D-49-63-A-a
đường Lương Văn Chánh	KX	TT. La Hai	H. Đồng Xuân			13° 22' 19"	109° 06' 41"	13° 21' 25"	109° 05' 30"	D-49-63-A-a;
Hòn Mưa	SV	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 23' 35"	109° 05' 45"					D-49-63-A-a
Cầu Nam	KX	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 22' 17"	109° 05' 50"					D-49-63-A-c
đường Nguyễn Huệ	KX	TT. La Hai	H. Đồng Xuân			13° 22' 37"	109° 05' 52"	13° 21' 48"	109° 05' 48"	D-49-63-A-a; D-49-63-A-c; D-49-63-A-d
Núi Nura	SV	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 21' 04"	109° 06' 07"					D-49-63-A-c
hòn Ông Kẹo	SV	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 22' 50"	109° 07' 47"					D-49-63-A-b
Trường Trung học cơ sở Phan Lưu Thanh	KX	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 23' 31"	109° 06' 19"					D-49-63-A-a
cầu Sông Cô	KX	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 22' 33"	109° 06' 47"					D-49-63-A-a
cầu Suối Bà Phán	KX	TT. La Hai	H. Đồng Xuân	13° 22' 41"	109° 05' 31"					D-49-63-A-a
đường Trần Hưng Đạo	KX	TT. La Hai	H. Đồng Xuân			13° 23' 45"	109° 06' 07"	13° 21' 51"	109° 07' 48"	D-49-63-A-a; D-49-63-A-c; D-49-63-A-d
Thôn 1	DC	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 31' 47"	109° 02' 49"					D-49-51-C-c
Thôn 2	DC	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 32' 12"	109° 03' 27"					D-49-51-C-c
Thôn 3	DC	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 32' 37"	109° 04' 06"					D-49-51-C-c
Thôn 4	DC	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 32' 48"	109° 04' 30"					D-49-51-C-c
Thôn 5	DC	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 32' 46"	109° 04' 48"					D-49-51-C-c
Thôn 6	DC	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 32' 10"	109° 05' 23"					D-49-51-C-c
đường tỉnh 644	KX	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân			13° 27' 22"	109° 12' 16"	13° 29' 21"	109° 01' 43"	D-49-51-C-c
Suối Cái	TV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân			13° 32' 11"	109° 03' 36"	13° 40' 57"	109° 04' 27"	D-49-51-C-c; D-49-63-A-a
dốc Cây Cây	KX	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 31' 58"	109° 05' 37"					D-49-51-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
gò Cây Cậy	SV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 33' 37"	109° 05' 04"					D-49-51-C-c
suối Cây Xanh	TV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân			13° 40' 57"	109° 04' 27"	13° 32' 11"	109° 03' 36"	D-49-51-C-c
Hòn Chuông	SV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 30' 27"	109° 05' 50"					D-49-51-C-c
núi Do Ấc	SV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 33' 45"	109° 02' 54"					D-49-51-C-c
núi Dông Ràng	SV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 32' 55"	109° 06' 17"					D-49-51-C-c
suối Đá Lót	TV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân			13° 34' 25"	109° 05' 27"	13° 33' 26"	109° 05' 30"	D-49-51-C-c
Núi Đăk	SV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 34' 13"	109° 03' 04"					D-49-51-C-c
núi Hòn Cồn	SV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 34' 23"	109° 05' 13"					D-49-51-C-c
núi Hòn Đác	SV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 33' 37"	109° 02' 34"					D-49-51-C-c
núi Hòn Kè	SV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 34' 40"	109° 06' 51"					D-49-51-C-c
núi Hòn Ông	SV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 31' 16"	109° 03' 27"					D-49-51-C-c
núi Hòn Sam	SV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 34' 20"	109° 06' 52"					D-49-51-C-c
núi Hòn Tép	SV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 35' 07"	109° 06' 51"					D-49-51-C-c
núi Hòn Thun	SV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 30' 59"	109° 04' 19"					D-49-51-C-c
Suối Khách	TV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân			13° 31' 18"	109° 05' 23"	13° 30' 19"	109° 05' 13"	D-49-51-C-c
hồ Kỳ Châu	TV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân	13° 33' 26"	109° 04' 47"					D-49-51-C-c
suối Kỳ Châu	TV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân			13° 34' 07"	109° 04' 25"	13° 28' 43"	109° 02' 06"	D-49-51-C-c
Suối Ma	TV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân			13° 31' 43"	109° 06' 30"	13° 31' 18"	109° 05' 23"	D-49-51-C-c
suối Ông Ngạn	TV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân			13° 32' 57"	109° 04' 00"	13° 32' 11"	109° 03' 36"	D-49-51-C-c
suối Sông Mun	TV	xã Đa Lộc	H. Đồng Xuân			13° 33' 26"	109° 05' 30"	13° 31' 18"	109° 05' 23"	D-49-51-C-c
đường tỉnh 647	KX	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 28' 18"	108° 55' 16"	13° 18' 05"	109° 04' 17"	D-49-62-B-b
núi Ba Nam	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 26' 48"	108° 57' 35"					D-49-62-B-b
suối Ba Quân	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 29' 59"	108° 57' 05"	13° 28' 04"	108° 55' 44"	D-49-62-B-b
hòn Ba Tuần	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 25' 58"	108° 56' 54"					D-49-62-B-b
hòn Bãi Gỗ	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 25' 35"	108° 56' 00"					D-49-62-B-b
Hòn Bò	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 25' 22"	108° 57' 26"					D-49-62-B-b
núi Cà Te	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 29' 58"	108° 57' 39"					D-49-62-B-b
cầu Cà Ton	KX	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 25' 38"	108° 55' 39"					D-49-62-B-b
suối Cà Ton	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 24' 08"	108° 52' 47"	13° 25' 53"	108° 55' 52"	D-49-62-B-b
suối Cây Cau	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 22' 20"	108° 55' 49"	13° 21' 33"	108° 59' 08"	D-49-62-B-b
núi Cây Dừa	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 23' 30"	108° 55' 45"					D-49-62-B-b
hòn Cây Vừng	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 26' 58"	108° 55' 23"					D-49-62-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Cham Chang	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 19' 31"	108° 55' 25"					D-49-62-B-d
Hòn Chồng	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 21' 07"	108° 55' 20"					D-49-62-B-d
Hòn Đồi	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 26' 03"	108° 58' 59"					D-49-62-B-b
ea E Thiên	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 25' 41"	108° 50' 06"	13° 27' 49"	108° 47' 34"	D-49-62-B-a
Ea Bin	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 25' 30"	108° 52' 04"	13° 24' 08"	108° 52' 47"	D-49-62-B-a; D-49-62-B-b
Ea Roi	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 25' 26"	108° 51' 24"	13° 28' 47"	108° 53' 17"	D-49-62-B-a; D-49-62-B-b
Suối Gầm	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 36' 04"	108° 55' 08"	13° 28' 13"	108° 55' 44"	D-49-50-D-d; D-49-62-B-b
Núi Gầm	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 31' 02"	108° 56' 54"					D-49-50-D-d
Hòn Giang	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 27' 37"	108° 53' 48"					D-49-62-B-b
chư Glon	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 27' 54"	108° 42' 42"					D-49-62-A-b
Suối Hàng	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 25' 17"	108° 53' 26"	13° 26' 14"	108° 55' 16"	D-49-62-B-b
núi Hoàn Sơn	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 25' 28"	108° 59' 21"					D-49-62-B-b
Ea Kan	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 23' 56"	108° 51' 11"	13° 24' 08"	108° 52' 47"	D-49-62-B-a; D-49-62-B-b
suối Khê Cách	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 36' 04"	108° 53' 32"	13° 30' 09"	108° 52' 42"	D-49-50-D-d
Suối Khô	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 27' 22"	108° 55' 27"	13° 27' 43"	108° 54' 03"	D-49-62-B-b
Chư Kín	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 27' 07"	108° 49' 27"					D-49-62-B-a
núi Kông Kênh	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 29' 21"	108° 57' 43"					D-49-62-B-b
sông Kỳ Lộ	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 28' 49"	108° 53' 17"	13° 21' 56"	109° 07' 54"	D-49-62-B-b
núi La Hiêng	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 25' 50"	108° 52' 08"					D-49-62-B-a
suối La Hiêng	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 37' 05"	108° 46' 31"	13° 28' 49"	108° 53' 17"	D-49-50-D-c; D-49-50-D-d; D-49-62-B-b
Thủy điện La Hiêng 2	KX	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 30' 01"	108° 50' 37"					D-49-62-B-b
núi Lang Nhung	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 28' 27"	108° 57' 45"					D-49-62-B-b
Hòn Mái	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 20' 24"	108° 55' 41"					D-49-62-B-d
ea Mơ Lá	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 24' 20"	108° 49' 06"	13° 18' 00"	108° 46' 23"	D-49-62-B-a
Núi Na	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 31' 39"	108° 56' 48"					D-49-50-D-d
Núi Nhọn	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 27' 27"	108° 56' 16"					D-49-62-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hòn Nổi	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 24' 26"	108° 55' 24"					D-49-62-B-b
thôn Phú Đồng	DC	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 29' 59"	108° 57' 13"					D-49-62-B-b
thôn Phú Giang	DC	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 27' 30"	108° 55' 06"					D-49-62-B-b
thôn Phú Hải	DC	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 32' 28"	108° 54' 56"					D-49-50-D-d
thôn Phú Lợi	DC	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 28' 28"	108° 55' 08"					D-49-62-B-b
thôn Phú Tiến	DC	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 26' 17"	108° 55' 15"					D-49-62-B-b
chư Prông	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 22' 10"	108° 51' 14"					D-49-62-B-c
Hòn Quanh	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 25' 30"	108° 58' 21"					D-49-62-B-b
Suối Rông	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 33' 10"	108° 55' 39"	13° 31' 40"	108° 55' 11"	D-49-50-D-d
hòn Rung Gia	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 22' 34"	108° 52' 14"					D-49-62-B-a
Hòn Sơn	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 25' 25"	108° 56' 34"					D-49-62-B-b
Suối Khô	DC	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 27' 31"	108° 54' 54"					D-49-62-B-b
ea Ti O Uan	TV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân			13° 31' 00"	108° 43' 09"	13° 28' 29"	108° 47' 30"	D-49-50-C-d; D-49-62-A-b; D-49-62-B-a
Hòn Tôm	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 25' 17"	108° 59' 28"					D-49-62-B-b
Chư Tren	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 25' 25"	108° 50' 57"					D-49-62-B-a
Hòn Tuôn	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 21' 36"	108° 56' 24"					D-49-62-B-d
chư Un Can	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 26' 08"	108° 50' 09"					D-49-62-B-a
Hòn Xu	SV	xã Phú Mỹ	H. Đồng Xuân	13° 27' 23"	108° 54' 32"					D-49-62-B-b
đường tỉnh 644	KX	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 27' 22"	109° 12' 16"	13° 29' 21"	109° 01' 43"	D-49-51-C-c; D-49-63-A-a
Hòn Ba	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 27' 17"	109° 02' 26"					D-49-63-A-a
núi Bàng Giang	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 31' 03"	108° 59' 33"					D-49-50-D-d
cầu Bến Ông Tỉnh	KX	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 29' 43"	109° 01' 55"					D-49-63-A-a
núi Cà Te	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 29' 58"	108° 57' 39"					D-49-62-B-b
suối Cà Te	TV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 31' 17"	108° 57' 12"	13° 28' 37"	109° 01' 57"	D-49-50-D-d; D-49-62-B-b; D-49-63-A-a
Suối Cái	TV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 35' 53"	109° 02' 36"	13° 28' 43"	109° 02' 06"	D-49-51-C-c; D-49-63-A-a
núi Canh Phước	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 31' 05"	108° 58' 30"					D-49-50-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hòn Cầy	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 28' 55"	109° 01' 31"					D-49-63-A-a
hòn Chà Rang	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 28' 02"	108° 58' 48"					D-49-62-B-b
Hòn Chóp	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 31' 37"	109° 01' 59"					D-49-51-C-c
Hòn Chuông	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 30' 27"	109° 05' 50"					D-49-51-C-c
Công ty cổ phần Khoáng sản Phú Yên	KX	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 28' 29"	109° 02' 19"					D-49-63-A-a
Hòn Dù	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 25' 36"	109° 01' 28"					D-49-63-A-a
thôn Da Dù	DC	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 28' 58"	109° 03' 31"					D-49-63-A-a
dốc Đá Bàn	KX	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 31' 14"	109° 02' 20"					D-49-51-C-c
cầu Đá Chát	KX	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 28' 40"	109° 02' 04"					D-49-63-A-a
suối Đá Chết	TV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 30' 40"	108° 59' 56"	13° 29' 03"	109° 01' 15"	D-49-50-D-d; D-49-51-C-c; D-49-63-A-a
suối Đá Chẹt	TV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 26' 09"	109° 00' 14"	13° 27' 23"	109° 00' 15"	D-49-63-A-a
núi Đá Mặt Quý	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 25' 27"	109° 01' 09"					D-49-63-A-a
Núi Gấm	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 31' 07"	108° 57' 35"					D-49-50-D-d
Núi Gấm	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 31' 02"	108° 56' 54"					D-49-50-D-d
suối Hà Rai	TV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 27' 19"	108° 59' 56"	13° 28' 43"	109° 02' 06"	D-49-62-B-b; D-49-63-A-a
thôn Hà Rai	DC	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 27' 57"	109° 01' 17"					D-49-63-A-a
núi Hoành Sơn	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 25' 28"	108° 59' 21"					D-49-62-B-b
núi Hòn Mác	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 30' 30"	109° 02' 16"					D-49-51-C-c
núi Hòn Ông	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 31' 16"	109° 03' 27"					D-49-51-C-c
núi Hòn Thun	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 30' 59"	109° 04' 19"					D-49-51-C-c
Suối Khấp	TV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 30' 19"	109° 05' 13"	13° 28' 02"	109° 05' 07"	D-49-51-C-c; D-49-63-A-a
Hòn Không	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 29' 05"	109° 03' 54"					D-49-63-A-a
núi Kống Kênh	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 29' 21"	108° 57' 43"					D-49-62-B-b
suối Lãng Lanh	TV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 27' 10"	108° 58' 38"	13° 27' 19"	108° 59' 56"	D-49-62-B-b
núi Lang Nhung	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 28' 27"	108° 57' 45"					D-49-62-B-b
thôn Lãnh Cao	DC	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 30' 33"	109° 02' 41"					D-49-51-C-c; D-49-63-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Lãnh Trường	DC	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 29' 59"	109° 03' 23"					D-49-51-C-c; D-49-63-A-a
thôn Lãnh Tú	DC	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 28' 41"	109° 03' 42"					D-49-63-A-a
thôn Lãnh Vân	DC	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 29' 05"	109° 01' 51"					D-49-63-A-a
thôn Lãnh Vân	DC	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 27' 42"	109° 02' 41"					D-49-63-A-a
suối Lỗ Răm	TV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 28' 16"	109° 04' 04"	13° 30' 13"	109° 02' 49"	D-49-63-A-a; D-49-51-C-c
Hòn Lớn	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 27' 50"	109° 03' 41"					D-49-63-A-a
sông Long Ba	TV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 28' 43"	109° 02' 06"	13° 26' 23"	109° 04' 00"	D-49-63-A-a
Núi Ma	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 26' 40"	109° 01' 14"					D-49-63-A-a
núi Mái Nhà	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 29' 12"	109° 02' 34"					D-49-63-A-a
đèo Mực Thỉnh	KX	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 31' 30"	109° 01' 12"					D-49-51-C-c
Hòn Muối	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 26' 55"	108° 59' 03"					D-49-62-B-b
Núi Na	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 31' 39"	108° 56' 48"					D-49-50-D-d
suối Ông Khá	TV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 31' 50"	109° 01' 15"	13° 29' 36"	109° 01' 59"	D-49-51-C-c; D-49-63-A-a
trục lộ Phía Tây	KX	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 31' 49"	109° 01' 13"	13° 22' 19"	109° 06' 40"	D-49-51-C-c; D-49-63-A-a
ga Phước Lãnh	KX	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 29' 12"	109° 01' 38"					D-49-63-A-a
Suối Sâu	TV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 28' 13"	109° 04' 31"	13° 30' 13"	109° 02' 49"	D-49-63-A-a; D-49-51-C-c
thôn Soi Nga	DC	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 30' 37"	109° 01' 17"					D-49-51-C-c
Hòn Tôm	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 25' 17"	108° 59' 28"					D-49-62-B-b
Tư Bì	DC	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 29' 40"	109° 01' 52"					D-49-63-A-a
Hòn Vang	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 28' 16"	109° 04' 39"					D-49-63-A-a
Hòn Xả	SV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 29' 44"	109° 01' 04"					D-49-63-A-a
thôn Xi Thoi	DC	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân	13° 29' 11"	109° 00' 57"					D-49-63-A-a
suối Xuân Đài	TV	xã Xuân Lãnh	H. Đồng Xuân			13° 30' 12"	109° 07' 09"	13° 28' 02"	109° 05' 06"	D-49-51-C-c; D-49-63-A-a
Hòn Ba	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 27' 17"	109° 02' 26"					D-49-63-A-a
hòn Ba Tuấn	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 26' 28"	109° 02' 38"					D-49-63-A-a
núi Bằng Tự Túc	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 23' 50"	109° 05' 26"					D-49-63-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
hòn Cây Hu	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 25' 54"	109° 03' 34"					D-49-63-A-a
Hòn Chảo	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 23' 17"	109° 07' 16"					D-49-63-A-a
Sông Cô	TV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân			13° 26' 23"	109° 04' 00"	13° 22' 25"	109° 06' 46"	D-49-63-A-a
Hòn Dồi	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 24' 00"	109° 07' 37"					D-49-63-A-b
Hòn Don	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 24' 12"	109° 05' 09"					D-49-63-A-a
núi Đồng Vĩnh	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 26' 07"	109° 05' 19"					D-49-63-A-a
Hòn Đông	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 24' 05"	109° 04' 00"					D-49-63-A-a
Hòn Dù	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 25' 36"	109° 01' 28"					D-49-63-A-a
núi Đá Hang	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 27' 44"	109° 05' 17"					D-49-63-A-a
núi Đá Mũ	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 27' 50"	109° 05' 33"					D-49-63-A-a
suối Đá Vang	TV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân			13° 28' 02"	109° 05' 07"	13° 26' 23"	109° 04' 00"	D-49-63-A-a
hòn Đồng Đá	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 25' 25"	109° 06' 07"					D-49-63-A-a
Núi Giang	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 24' 54"	109° 04' 39"					D-49-63-A-a
Suối Hước	TV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân			13° 27' 54"	109° 07' 42"	13° 27' 32"	109° 04' 59"	D-49-63-A-a
Hòn Khô	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 24' 46"	109° 01' 59"					D-49-63-A-a
Hòn Lớn	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 27' 50"	109° 03' 41"					D-49-63-A-a
sông Long Ba	TV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân			13° 28' 43"	109° 02' 06"	13° 26' 23"	109° 04' 00"	D-49-63-A-a
thôn Long Hoà	DC	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 23' 44"	109° 06' 47"					D-49-63-A-a
cầu Long Mỹ	KX	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 23' 53"	109° 06' 09"					D-49-63-A-a
thôn Long Mỹ	DC	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 23' 58"	109° 06' 11"					D-49-63-A-a
thôn Long Nguyên	DC	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 26' 51"	109° 3' 28"					D-49-63-A-a
thôn Long Thạch	DC	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 24' 43"	109° 06' 03"					D-49-63-A-a
Núi Ma	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 26' 40"	109° 01' 14"					D-49-63-A-a
Hòn Ngang	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 24' 35"	109° 06' 34"					D-49-63-A-a
núi Ngô Châu	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 27' 27"	109° 06' 21"					D-49-63-A-a
hòn Ông Kẹo	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 22' 50"	109° 07' 47"					D-49-63-A-b
trục lộ Phía Tây	KX	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân			13° 31' 49"	109° 01' 13"	13° 22' 19"	109° 06' 40"	D-49-51-C-c; D-49-63-A-a; D-49-63-A-c; D-49-63-A-d
cung đường sắt Phước Long	KX	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 26' 17"	109° 04' 01"					D-49-63-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
cầu Suối Tràm	KX	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 27' 05"	109° 03' 08"					D-49-63-A-a
cầu Trà Ô	KX	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 26' 13"	109° 04' 09"					D-49-63-A-a
hòn Trà Ô	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 23' 27"	109° 03' 24"					D-49-62-A-a
suối Trà Ô	TV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân			13° 25' 24"	109° 02' 03"	13° 26' 13"	109° 04' 09"	D-49-63-A-a
Suối Tràm	TV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân			13° 25' 57"	109° 02' 16"	13° 27' 09"	109° 03' 09"	D-49-63-A-a
hòn U Bò	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 24' 03"	109° 02' 28"					D-49-63-A-a
núi Vai Bò	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 27' 14"	109° 06' 43"					D-49-63-A-a
Hòn Vang	SV	xã Xuân Long	H. Đồng Xuân	13° 28' 16"	109° 04' 39"					D-49-63-A-a
đường tỉnh 647	KX	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân			13° 28' 18"	108° 55' 16"	13° 18' 05"	109° 04' 17"	D-49-62-B-b
suối Bà Sào	TV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân			13° 19' 36"	109° 06' 27"	13° 19' 31"	109° 04' 13"	D-49-63-A-c
Cây Xoài	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 16' 45"	109° 03' 58"					D-49-63-A-c
Đồng Bé	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 18' 01"	109° 03' 43"					D-49-63-A-c
Đồng Bò	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 17' 59"	109° 02' 26"					D-49-63-A-c
Đồng Đá	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 17' 43"	109° 03' 11"					D-49-63-A-c
suối Đá Bàn	TV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân			13° 13' 07"	109° 03' 22"	13° 16' 09"	109° 00' 55"	D-49-63-A-c
Đồng Lau	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 18' 48"	109° 02' 44"					D-49-63-A-c
Gò Bông	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 18' 43"	109° 02' 25"					D-49-63-A-c
Hóc Kè	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 19' 03"	109° 02' 58"					D-49-63-A-c
suối Hóc Tre	TV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân			13° 20' 08"	109° 02' 01"	13° 20' 22"	109° 04' 22"	D-49-63-A-c
núi Hòn Cẩm	SV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 16' 14"	109° 01' 27"					D-49-63-A-c
Suối Khế	TV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân			13° 14' 27"	109° 02' 41"	13° 17' 31"	109° 03' 02"	D-49-63-A-c; D-49-63-C-a
Xóm Lầm	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 19' 02"	109° 04' 28"					D-49-63-A-c
suối Lỗ Cá	TV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân			13° 19' 59"	109° 01' 33"	13° 20' 48"	109° 02' 26"	D-49-63-A-c
Xóm Mới	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 17' 20"	109° 03' 39"					D-49-63-A-c
núi Mông Thiếp	SV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 18' 40"	109° 05' 22"					D-49-63-A-c
Suối Muồng	TV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân			13° 15' 35"	109° 06' 16"	13° 19' 09"	109° 03' 47"	D-49-63-A-c
Suối Nghệ	TV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân			13° 13' 55"	109° 04' 47"	13° 15' 59"	109° 03' 46"	D-49-63-A-c
trục lộ Phía Tây	KX	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân			13° 22' 19"	109° 06' 40"	13° 11' 42"	109° 03' 40"	D-49-63-A-c
thôn Phú Hội	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 17' 08"	109° 04' 15"					D-49-63-A-c
hồ Phú Xuân	TV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 17' 00"	109° 01' 46"					D-49-63-A-c
thôn Phú Xuân A	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 18' 43"	109° 03' 16"					D-49-63-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Phú Xuân B	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 17' 57"	109° 03' 59"					D-49-63-A-c
thôn Phước Hiệp	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 17' 43"	109° 04' 23"					D-49-63-A-c
Phước Hoà	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 18' 39"	109° 04' 14"					D-49-63-A-c
Hòn Quế	SV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 19' 20"	109° 03' 13"					D-49-63-A-c
Xóm Soi	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 18' 52"	109° 03' 48"					D-49-63-A-c
Soi Nhà Thờ	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 18' 11"	109° 02' 38"					D-49-63-A-c
cầu Suối Cau	KX	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 16' 45"	109° 03' 40"					D-49-63-A-c
thôn Suối Mây	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 16' 07"	109° 02' 48"					D-49-63-A-c
Thánh Giá	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 17' 38"	109° 03' 41"					D-49-63-A-c
Suối Tía	TV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân			13° 15' 59"	109° 03' 46"	13° 17' 22"	109° 03' 28"	D-49-63-A-c
cầu Trà Bương	KX	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 18' 35"	109° 03' 02"					D-49-63-A-c
sông Trà Bương	TV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân			13° 19' 09"	109° 03' 47"	13° 21' 12"	109° 04' 48"	D-49-63-A-c
suối Trà Mỹ	TV	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân			13° 17' 31"	109° 03' 02"	13° 18' 27"	109° 02' 58"	D-49-63-A-c
Xóm Vườn	DC	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 18' 07"	109° 03' 23"					D-49-63-A-c
Trại giam Xuân Phước	KX	xã Xuân Phước	H. Đồng Xuân	13° 18' 35"	109° 02' 24"					D-49-63-A-c
đường tỉnh 647	KX	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân			13° 28' 18"	108° 55' 16"	13° 18' 05"	109° 04' 17"	D-49-62-B-d; D-49-63-A-c
Hòn Bà	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 19' 15"	108° 57' 00"					D-49-62-B-d
hòn Bãi Gỗ	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 25' 35"	108° 56' 00"					D-49-62-B-b
Bằng Cây Xay	DC	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 22' 11"	108° 59' 27"					D-49-62-B-d
núi Bằng Đồng Hội	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 23' 45"	108° 59' 11"					D-49-62-B-d
suối Bình Âm	TV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân			13° 22' 21"	108° 56' 49"	13° 22' 50"	108° 57' 05"	D-49-62-B-b; D-49-63-B-d
Hòn Bò	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 25' 22"	108° 57' 26"					D-49-62-B-b
suối Cây Cau	TV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân			13° 22' 20"	108° 55' 49"	13° 21' 33"	108° 59' 08"	D-49-62-B-b; D-49-63-B-d
núi Cây Dừa	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 23' 30"	108° 55' 45"					D-49-62-B-b
núi Cham Chang	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 19' 18"	108° 55' 31"					D-49-62-B-d
Hòn Chồng	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 21' 07"	108° 55' 20"					D-49-62-B-d
hòn Cổ Tật	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 23' 11"	109° 00' 29"					D-49-63-A-a
Suối Cối	TV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân			13° 18' 25"	108° 59' 44"	13° 21' 32"	108° 59' 59"	D-49-62-B-d; D-49-63-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Dông Bà Tạ	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 21' 56"	108° 57' 40"					D-49-62-B-d
dốc Đá Mài	KX	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 25' 00"	108° 56' 2"					D-49-62-B-b
hòn Đá Mài	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 24' 08"	108° 55' 50"					D-49-62-B-b
Hòn Đám	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 20' 32"	108° 58' 53"					D-49-62-B-d
thôn Đồng Hội	DC	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 22' 39"	108° 58' 13"					D-49-62-B-b
núi Hòn Bỏ	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 20' 44"	109° 01' 45"					D-49-63-A-c
núi Hòn Máng	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 19' 12"	109° 00' 59"					D-49-63-A-c
núi Hòn Nia	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 18' 50"	108° 59' 29"					D-49-62-B-d
Hòn Khô	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 24' 56"	108° 57' 05"					D-49-62-B-b
sông Kỳ Lộ	TV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân			13° 28' 49"	108° 53' 17"	13° 21' 56"	109° 07' 54"	D-49-62-B-b; D-49-62-B-d; D-49-63-A-c
thôn Kỳ Lộ	DC	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 21' 53"	108° 58' 27"					D-49-62-B-d
Hòn Lầy	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 19' 50"	108° 59' 01"					D-49-62-B-d
Lộn Hiệu	DC	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 21' 09"	109° 01' 03"					D-49-63-A-c
Hòn Mái	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 20' 24"	108° 55' 41"					D-49-62-B-d
núi Mặt Đập	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 21' 05"	108° 58' 20"					D-49-62-B-d
Suối Mây	TV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân			13° 18' 44"	108° 57' 25"	13° 19' 53"	108° 58' 24"	D-49-62-B-d
đập dâng Mò O	KX	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 21' 21"	108° 58' 10"					D-49-62-B-d
Hòn Ông	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 19' 39"	108° 57' 30"					D-49-62-B-d
thôn Phú Tâm	DC	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 23' 06"	108° 56' 54"					D-49-62-B-b
Hòn Quanh	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 25' 30"	108° 58' 21"					D-49-62-B-b
Suối Rách	TV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân			13° 22' 08"	109° 01' 02"	13° 21' 19"	109° 00' 55"	D-49-63-A-c
Hòn Săng	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 21' 37"	109° 01' 19"					D-49-63-A-c
Suối Sỏ	TV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân			13° 24' 49"	109° 00' 22"	13° 22' 33"	108° 58' 52"	D-49-62-B-b; D-49-63-A-a
Hòn Sơn	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 25' 25"	108° 56' 34"					D-49-62-B-b
thôn Suối Cối 1	DC	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 21' 09"	108° 59' 41"					D-49-62-B-d
đập dâng Suối Cối 2	KX	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 21' 23"	108° 59' 8"					D-49-62-B-d
thôn Suối Cối 2	DC	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 19' 45"	109° 00' 29"					D-49-63-A-c
đập Suối Đập	KX	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 21' 16"	108° 58' 05"					D-49-62-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Suối Thùng	TV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân			13° 22' 38"	109° 00' 17"	13° 21' 29"	109° 00' 28"	D-49-63-A-a; D-49-63-A-c
Suối Trắng	TV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân			13° 19' 53"	108° 58' 24"	13° 21' 33"	108° 59' 08"	D-49-62-B-d
Hòn Tuôn	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 21' 36"	108° 56' 24"					D-49-62-B-d
U Cây Dầu	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 23' 45"	108° 55' 53"					D-49-62-B-b
Hòn Xuyên	SV	xã Xuân Quang 1	H. Đồng Xuân	13° 20' 07"	109° 01' 07"					D-49-63-A-c
núi Bằng Chinh	SV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 23' 26"	109° 04' 37"					D-49-63-A-a
Suối Cát	TV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân			13° 22' 14"	109° 02' 09"	13° 21' 20"	109° 02' 21"	D-49-63-A-c
Hòn Chinh	SV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 21' 39"	109° 03' 32"					D-49-63-A-c
hòn Cổ Tật	SV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 23' 11"	109° 00' 29"					D-49-63-A-a
Thác Dải	DC	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 21' 22"	109° 02' 04"					D-49-63-A-c
Hòn Dù	SV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 25' 36"	109° 01' 28"					D-49-63-A-a
núi Đá Mặt Quỷ	SV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 25' 27"	109° 01' 09"					D-49-63-A-a
Suối Đập	TV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân			13° 23' 50"	109° 02' 09"	13° 21' 45"	109° 03' 54"	D-49-63-A-a; D-49-63-A-c
Hòn Gõ	SV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 22' 23"	109° 02' 17"					D-49-63-A-c
Gò Cốc	DC	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 21' 06"	109° 04' 25"					D-49-63-A-c
Gò Ôi	DC	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 21' 03"	109° 03' 09"					D-49-63-A-c
Hồ Éch	DC	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 21' 39"	109° 01' 48"					D-49-63-A-c
núi Hòn Bò	SV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 20' 44"	109° 01' 45"					D-49-63-A-c
Hòn Khô	SV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 24' 46"	109° 01' 59"					D-49-63-A-a
thôn Kỳ Đu	DC	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 21' 53"	109° 03' 42"					D-49-63-A-c
sông Kỳ Lộ	TV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân			13° 28' 49"	108° 53' 17"	13° 21' 56"	109° 07' 54"	D-49-63-A-c
Suối Lạnh	TV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân			13° 25' 31"	109° 01' 29"	13° 23' 50"	109° 02' 09"	D-49-63-A-a
suối Lỗ Cá	TV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân			13° 19' 59"	109° 01' 33"	13° 20' 48"	109° 02' 26"	D-49-63-A-c
rọc Ông Quyền	SV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 24' 54"	109° 00' 33"					D-49-63-A-a
thôn Phú Sơn	DC	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 21' 07"	109° 02' 34"					D-49-63-A-c
thôn Phước Huệ	DC	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 22' 08"	109° 04' 46"					D-49-63-A-c
Hòn Sáng	SV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 21' 37"	109° 01' 19"					D-49-63-A-c
Suối Sỏ	TV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân			13° 24' 49"	109° 00' 22"	13° 22' 33"	108° 58' 52"	D-49-63-A-a
hòn Trà Ô	SV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 23' 27"	109° 03' 24"					D-49-62-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Suối Trầu	TV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân			13° 23' 11"	109° 01' 18"	13° 21' 27"	109° 01' 44"	D-49-63-A-a; D-49-63-A-c
Suối Tre	TV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân			13° 21' 51"	109° 03' 32"	13° 21' 25"	109° 04' 43"	D-49-63-A-c
thôn Triêm Đức	DC	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 21' 31"	109° 04' 08"					D-49-63-A-c
hòn U Bò	SV	xã Xuân Quang 2	H. Đồng Xuân	13° 24' 03"	109° 02' 28"					D-49-63-A-a
hòn Ba Bống	SV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 19' 43	109° 05' 29.					D-49-63-A-c
suối Bà Sào	TV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân			13° 19' 36"	109° 06' 27"	13° 19' 31"	109° 04' 13"	D-49-63-A-c
Hòn Bương	SV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 20' 19"	109° 06' 35"					D-49-63-A-c
xóm Chợ Lùng	DC	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 21' 15"	109° 04' 51"					D-49-63-A-c
núi Dàng Da	SV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 20' 11"	109° 02' 57"					D-49-63-A-c
chóp Dây Bằng	SV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 20' 16"	109° 02' 25"					D-49-63-A-c
Xóm Gò	DC	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 19' 24"	109° 03' 39"					D-49-63-A-c
suối Hóc Tre	TV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân			13° 20' 08"	109° 02' 01"	13° 20' 22"	109° 04' 22"	D-49-63-A-c
núi Hòn Bò	SV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 20' 44"	109° 01' 45"					D-49-63-A-c
sông Kỳ Lộ	TV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân			13° 28' 49"	108° 53' 17"	13° 21' 56"	109° 07' 54"	D-49-63-A-c
suối Lỗ Cá	TV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân			13° 19' 59"	109° 01' 33"	13° 20' 48"	109° 02' 26"	D-49-63-A-c
Núi Nưa	SV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 21' 04"	109° 06' 07"					D-49-63-A-c
suối Ông Sờ	TV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân			13° 20' 10"	109° 06' 44"	13° 20' 49"	109° 04' 54"	D-49-63-A-c
trục lộ Phía Tây	KX	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân			13° 22' 19"	109° 06' 40"	13° 11' 42"	109° 03' 40"	D-49-63-A-c
thôn Phước Lộc	DC	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 21' 06"	109° 05' 23"					D-49-63-A-c
thôn Phước Nhuận	DC	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 19' 52"	109° 04' 42"					D-49-63-A-c
Hòn Quế	SV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 19' 20"	109° 03' 13"					D-49-63-A-c
Xóm Soi	DC	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 19' 31"	109° 04' 02"					D-49-63-A-c
cầu Sông Trà Bương	KX	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 20' 50"	109° 04' 53"					D-49-63-A-c
thôn Thanh Đức	DC	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 20' 30"	109° 04' 09"					D-49-63-A-c
sông Trà Bương	TV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân			13° 17' 29"	109° 02' 03"	13° 19' 09"	109° 03' 47"	D-49-63-A-c
núi U Hòn Dơi	SV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 19' 31"	109° 06' 20"					D-49-63-A-c
Hòn Xả	SV	xã Xuân Quang 3	H. Đồng Xuân	13° 19' 36"	109° 03' 30"					D-49-63-A-c
đường tỉnh 642	KX	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân			13° 22' 28"	109° 06' 34"	13° 23' 46"	109° 12' 39"	D-49-63-A-d
Hòn Chùa	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 21' 32"	109° 10' 18"					D-49-63-A-d
Hòn Cầm	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 21' 02"	109° 11' 18"					D-49-63-A-d
núi Cây Cưa	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 21' 51"	109° 09' 12"					D-49-63-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hòn Danh	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 21' 34"	109° 10' 36"					D-49-63-A-d
Hòn Dồi	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 24' 00"	109° 07' 37"					D-49-63-A-b
núi Dốc Cốc	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 21' 14"	109° 10' 37"					D-49-63-A-d
Hòn Dung	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 24' 12"	109° 09' 59"					D-49-63-A-b
Hòn Đen	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 23' 25"	109° 10' 17"					D-49-63-A-b
hòn Đồng Bé	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 22' 29"	109° 10' 03"					D-49-63-A-b
núi Động Nước	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 23' 31"	109° 08' 17"					D-49-63-A-b
núi Giồng Cháy	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 22' 29"	109° 08' 09"					D-49-63-A-d
núi Giồng Dài	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 23' 37"	109° 08' 50"					D-49-63-A-b
suối Hà Dom	TV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân			13° 26' 00"	109° 08' 57"	13° 24' 54"	109° 08' 10"	D-49-63-A-b
suối Hải Tim	TV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân			13° 24' 54"	109° 08' 10"	13° 22' 48"	109° 08' 40"	D-49-63-A-b; D-49-63-A-d
núi Hang Ông	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 23' 18"	109° 08' 35"					D-49-63-A-b
suối Hồ Chinh	TV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân			13° 24' 43"	109° 10' 10"	13° 22' 08"	109° 08' 51"	D-49-63-A-b; D-49-63-A-d
núi Hòn Mua	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 21' 33"	109° 11' 14"					D-49-63-A-d
sông Kỳ Lộ	TV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân			13° 21' 56"	109° 07' 54"	13° 19' 41"	109° 12' 24"	D-49-63-A-d
Hòn Mang	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 24' 30"	109° 10' 12"					D-49-63-A-b
suối Ông Cẩu	TV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân			13° 21' 33"	109° 10' 51"	13° 21' 31"	109° 09' 30"	D-49-63-A-d
hòn Ông Kẹo	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 22' 50"	109° 07' 47"					D-49-63-A-b
chùa Phước Sơn	KX	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 21' 41"	109° 09' 55"					D-49-63-A-d
Hòn Song	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 24' 45"	109° 09' 35"					D-49-63-A-b
thôn Tân Bình	DC	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 22' 41"	109° 08' 23"					D-49-63-A-b; D-49-63-A-d
thôn Tân Phước	DC	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 21' 42"	109° 09' 49"					D-49-63-A-d
thôn Tân Thọ	DC	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 20' 56"	109° 10' 12"					D-49-63-A-d
núi U Đồng Bọ	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 22' 34"	109° 08' 53"					D-49-63-A-b
Núi Ước	SV	xã Xuân Sơn Bắc	H. Đồng Xuân	13° 25' 01"	109° 09' 03"					D-49-63-A-b
đường tỉnh 641	KX	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân			13° 31' 49"	109° 01' 13"	13° 18' 24"	109° 12' 51"	D-49-51-C-c; D-49-63-A-a; D-49-63-A-c; D-49-63-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Bà Trạc	SV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 19' 11"	109° 08' 41"					D-49-63-A-d
suối Bi Lỗ Sáu	TV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân			13° 20' 35"	109° 06' 37"	13° 21' 53"	109° 07' 51"	D-49-63-A-c D-49-63-A-d
Hòn Bương	SV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 20' 19"	109° 06' 35"					D-49-63-A-c
Sông Cái	TV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân			13° 21' 56"	109° 07' 54"	13° 19' 41"	109° 12' 24"	D-49-63-A-d
Xóm Cầu	DC	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 19' 57"	109° 09' 47"					D-49-63-A-d
Cầu Chùa	KX	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 19' 54"	109° 09' 45"					D-49-63-A-d
núi Dốc Lơn	SV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 19' 38"	109° 08' 21"					D-49-63-A-d
Hòn Định	SV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 21' 13"	109° 08' 47"					D-49-63-A-d
núi Hòn Bông	SV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 21' 29"	109° 08' 34"					D-49-63-A-d
núi Hòn Chùa	SV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 21' 43"	109° 08' 25"					D-49-63-A-d
núi Hòn Lễ	SV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 20' 47"	109° 06' 36"					D-49-63-A-c
núi Hòn Ngang	SV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 21' 17"	109° 08' 08"					D-49-63-A-d
núi Hòn Tháp	SV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 21' 06"	109° 07' 42"					D-49-63-A-d
núi Kỳ Sơn	SV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 21' 11"	109° 09' 19"					D-49-63-A-d
Núi Một	SV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 20' 29"	109° 09' 49"					D-49-63-A-d
Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Trỗi	KX	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 20' 58"	109° 08' 50"					D-49-63-A-d
chùa Phật Học	KX	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 21' 02"	109° 08' 40"					D-49-63-A-d
Bầu Sen	TV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 21' 01"	109° 09' 10"					D-49-63-A-d
thôn Tân An	DC	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 21' 32"	109° 08' 25"					D-49-63-A-d
thôn Tân Hoà	DC	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 20' 18"	109° 09' 55"					D-49-63-A-d
cầu sắt Tân Long	KX	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 20' 48"	109° 09' 05"					D-49-63-A-d
thôn Tân Long	DC	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 20' 49"	109° 09' 32"					D-49-63-A-d
thôn Tân Phú	DC	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 21' 10"	109° 08' 42"					D-49-63-A-d
thôn Tân Vinh	DC	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 20' 44"	109° 08' 57"					D-49-63-A-d
Bầu Vườn	TV	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 19' 58"	109° 09' 44"					D-49-63-A-d
thôn Xuân Sơn	DC	xã Xuân Sơn Nam	H. Đồng Xuân	13° 20' 42"	109° 08' 44"					D-49-63-A-d
quốc lộ 25	KX	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà			13° 08' 10"	108° 46' 10"	13° 05' 05"	109° 17' 45"	D-49-63-C-d
Sông Ba	TV	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-C-d
kênh chính Bắc Đồng Cam	TV	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà			13° 00' 16"	109° 07' 28"	13° 05' 20"	109° 17' 23"	D-49-63-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
kênh tiêu Bàu Đục	TV	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà			13° 01' 33"	109° 12' 26"	13° 03' 04"	109° 12' 36"	D-49-63-C-d
Suối Cái	TV	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà			13° 08' 08"	109° 08' 56"	13° 00' 35"	109° 10' 40"	D-49-63-C-d
xóm Cây Dừa	DC	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 2 ' 01"	109° 12' 37"					D-49-63-C-d
Hòn Dung	SV	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 07"	109° 11' 34"					D-49-63-C-d
khu phố Định Thắng 1	DC	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 53"	109° 12' 54"					D-49-63-C-d
khu phố Định Thắng 2	DC	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 46"	109° 12' 37"					D-49-63-C-d
khu phố Định Thọ 1	DC	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 13"	109° 12' 25"					D-49-63-C-d
khu phố Định Thọ 2	DC	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 31"	109° 13' 05"					D-49-63-C-d
cầu Đồng Dinh	KX	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 02"	109° 11' 21"					D-49-63-C-d
xóm Đồng Dinh	DC	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 25"	109° 11' 17"					D-49-63-C-d
Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Hoà	KX	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 23"	109° 12' 37"					D-49-63-C-d
chùa Long Sơn	KX	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 41"	109° 12' 56"					D-49-63-C-d
kênh tiêu Lù Ba	TV	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà			13° 05' 26"	109° 13' 25"	13° 01' 48"	109° 12' 07"	D-49-63-C-d
Cầu Máng	KX	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 04"	109° 10' 54"					D-49-63-C-d
núi Mặt Ông	SV	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 02' 09"	109° 11' 19"					D-49-63-C-d
Hòn Mốc	SV	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 18"	109° 12' 02"					D-49-63-C-d
Hòn Một	SV	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 20"	109° 10' 59"					D-49-63-C-d
kênh N1 Bắc Đồng Cam	TV	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà			13° 06' 32"	109° 14' 34"	13° 00' 58"	109° 11' 53"	D-49-63-C-d
kênh N3 Bắc Đồng Cam	TV	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà			13° 07' 45"	109° 15' 36"	13° 01' 47"	109° 13' 19"	D-49-63-C-d
Núi Sầm	SV	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 53"	109° 12' 46"					D-49-63-C-d
chùa Tây Sơn	KX	TT. Phú Hoà	H. Phú Hoà	13° 01' 34"	109° 12' 24"					D-49-63-C-d
quốc lộ 25	KX	xã Hoà An	H. Phú Hoà			13° 08' 10"	108° 46' 10"	13° 05' 05"	109° 17' 45"	D-49-63-D-c
Trung tâm Giải trí sinh thái Thuận Thảo	KX	xã Hoà An	H. Phú Hoà	13° 05' 01"	109° 17' 25"					D-49-63-D-c
thôn Ân Niên	DC	xã Hoà An	H. Phú Hoà	13° 03' 41"	109° 17' 05"					D-49-63-D-c
kênh chính Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà An	H. Phú Hoà			13° 00' 16"	109° 07' 28"	13° 05' 20"	109° 17' 23"	D-49-63-D-c
kênh tiêu Bàu Dài	TV	xã Hoà An	H. Phú Hoà			13° 04' 20"	109° 17' 24"	13° 03' 03"	109° 15' 10"	D-49-63-D-c
cầu Đà Rằng	KX	xã Hoà An	H. Phú Hoà	13° 03' 22"	109° 17' 30"					D-49-63-D-c
sông Đà Rằng	TV	xã Hoà An	H. Phú Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-D-c
Xóm Đồng	DC	xã Hoà An	H. Phú Hoà	13° 03' 57"	109° 15' 41"					D-49-63-D-c
thôn Đông Bình	DC	xã Hoà An	H. Phú Hoà	13° 04' 13"	109° 17' 22"					D-49-63-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Đông Phước	DC	xã Hoà An	H. Phú Hoà	13° 04' 35"	109° 17' 16"					D-49-63-D-c
Cụm công nghiệp Hoà An	KX	xã Hoà An	H. Phú Hoà	13° 03' 42"	109° 15' 58"					D-49-63-D-c
Trại giống nông nghiệp Hoà An	KX	xã Hoà An	H. Phú Hoà	13° 03' 31"	109° 15' 34"					D-49-63-D-c
kênh N4 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà An	H. Phú Hoà			13° 01' 37"	109° 13' 17"	13° 04' 19"	109° 17' 25"	D-49-63-D-c
kênh N6	TV	xã Hoà An	H. Phú Hoà			13° 03' 18"	109° 15' 21"	13° 04' 33"	109° 17' 21"	D-49-63-D-c
kênh N6 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà An	H. Phú Hoà			13° 03' 07"	109° 15' 06"	13° 02' 37"	109° 15' 44"	D-49-63-D-c
chùa Nghĩa Phú	KX	xã Hoà An	H. Phú Hoà	13° 04' 45"	109° 17' 33"					D-49-63-D-c
thôn Phú Ân	DC	xã Hoà An	H. Phú Hoà	13° 03' 44"	109° 16' 13"					D-49-63-D-c
Công ty Phú Trang	KX	xã Hoà An	H. Phú Hoà	13° 04' 28"	109° 16' 51"					D-49-63-D-c
cầu dẫn Số 5	KX	xã Hoà An	H. Phú Hoà	13° 04' 06"	109° 16' 54"					D-49-63-D-c
thôn Vĩnh Phú	DC	xã Hoà An	H. Phú Hoà	13° 03' 22"	109° 16' 27"					D-49-63-D-c
kênh tiêu Bàu Đục	TV	xã Hoà Định Đông	H. Phú Hoà			13° 01' 33"	109° 12' 26"	13° 03' 04"	109° 12' 36"	D-49-63-C-d
kênh tiêu Bến Lợi	TV	xã Hoà Định Đông	H. Phú Hoà			13° 03' 09"	109° 13' 12"	13° 05' 28"	109° 15' 28"	D-49-63-C-d; D-49-63-D-c
Suối Cái	TV	xã Hoà Định Đông	H. Phú Hoà			13° 08' 08"	109° 08' 56"	13° 00' 35"	109° 10' 40"	D-49-63-C-d; D-49-63-C-b
thôn Định Thái	DC	xã Hoà Định Đông	H. Phú Hoà	13° 02' 59"	109° 12' 47"					D-49-63-C-d
thôn Định Thành	DC	xã Hoà Định Đông	H. Phú Hoà	13° 02' 31"	109° 13' 33"					D-49-63-C-d
Hòn Đồn	SV	xã Hoà Định Đông	H. Phú Hoà	13° 03' 03"	109° 11' 29"					D-49-63-C-d
đồi Giếng Tiên	SV	xã Hoà Định Đông	H. Phú Hoà	13° 03' 26"	109° 10' 31"					D-49-63-C-d
núi Hòn Lá	SV	xã Hoà Định Đông	H. Phú Hoà	13° 04' 01"	109° 09' 07"					D-49-63-C-d
dòng Khoai Lang	TV	xã Hoà Định Đông	H. Phú Hoà	13° 02' 35"	109° 10' 11"					D-49-63-C-d
kênh tiêu Lù Ba	TV	xã Hoà Định Đông	H. Phú Hoà			13° 05' 26"	109° 13' 25"	13° 01' 48"	109° 12' 07"	D-49-63-C-d
kênh N3 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Định Đông	H. Phú Hoà			13° 07' 45"	109° 15' 36"	13° 01' 47"	109° 13' 19"	D-49-63-C-d
quốc lộ 25	KX	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà			13° 08' 10"	108° 46' 10"	13° 05' 05"	109° 17' 45"	D-49-63-C-d
kênh chính Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà			13° 00' 16"	109° 07' 28"	13° 05' 20"	109° 17' 23"	D-49-63-C-d; D-49-63-D-c
Suối Cái	TV	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà			13° 08' 08"	109° 08' 56"	13° 00' 35"	109° 10' 40"	D-49-63-C-d; D-49-63-C-b
thôn Cẩm Thạch	DC	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà	13° 00' 03"	109° 09' 44"					D-49-63-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
sông Đà Rằng	TV	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-C-c; D-49-75-A-b; D-49-63-C-d
Suối Gầm	TV	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà			13° 02' 46"	109° 06' 58"	13° 02' 05"	109° 06' 41"	D-49-63-C-c
núi Hồ Giếng	SV	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà	13° 02' 28"	109° 08' 05"					D-49-63-C-d
suối Hồ Giếng	TV	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà			13° 03' 01"	109° 09' 13"	13° 00' 59"	109° 09' 00"	D-49-63-C-d
núi Hồ Nhúi	SV	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà	13° 01' 07"	109° 07' 54"					D-49-63-C-d
núi Hòn Đình	SV	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà	13° 00' 29"	109° 10' 09"					D-49-63-C-d
núi Hòn Lá	SV	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà	13° 04' 01"	109° 09' 07"					D-49-63-C-d
núi Hòn Ngang	SV	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà	13° 01' 21"	109° 10' 00"					D-49-63-C-d
núi Mạch Dài	SV	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà	13° 01' 59"	109° 07' 07"					D-49-63-C-c
Xóm Mới	DC	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà	13° 00' 48"	109° 08' 12"					D-49-63-C-d
kênh N2 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà			13° 02' 38"	109° 05' 12"	13° 00' 16"	109° 07' 28"	D-49-63-C-c; D-49-63-C-d
thôn Phú Sen Đông	DC	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà	13° 00' 53"	109° 08' 41"					D-49-63-C-d
thôn Phú Sen Tây	DC	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà	13° 00' 33"	109° 07' 05"					D-49-63-C-d
Xóm Suối	DC	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà	13° 00' 42"	109° 10' 29"					D-49-63-C-d
cầu Suối Muồng	KX	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà	13° 00' 55"	109° 09' 01"					D-49-63-C-d
suối Trảng Tượng	TV	xã Hoà Định Tây	H. Phú Hoà			13° 03' 35"	109° 08' 24"	13° 00' 59"	109° 09' 00"	D-49-63-C-d
quốc lộ 25	KX	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà			13° 08' 10"	108° 46' 10"	13° 05' 05"	109° 17' 45"	D-49-63-C-c
Xóm Bến	DC	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà	13° 01' 56"	109° 05' 57"					D-49-63-C-c
Suối Cái	TV	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà			13° 09' 40"	109° 08' 32"	13° 02' 04"	109° 06' 25"	D-49-63-C-c; D-49-63-C-d; D-49-63-C-a; D-49-63-C-b
sông Đà Rằng	TV	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-C-c
đập Đồng Cam	KX	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà	13° 02' 42"	109° 05' 05"					D-49-63-C-c
Suối Gầm	TV	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà			13° 02' 46"	109° 06' 58"	13° 02' 05"	109° 06' 41"	D-49-63-C-c
Hòn Gáo	SV	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà	13° 02' 43"	109° 06' 53"					D-49-63-C-c
núi Hồ Giếng	SV	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà	13° 02' 28"	109° 08' 05"					D-49-63-C-d
buôn Hồ Hầm	DC	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà	13° 02' 41"	109° 05' 45"					D-49-63-C-c
núi Hòn Lá	SV	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà	13° 04' 01"	109° 09' 07"					D-49-63-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Mạch Dài	SV	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà	13° 01' 59"	109° 07' 07"					D-49-63-C-c
Hòn Một	SV	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà	13° 04' 35"	109° 07' 14"					D-49-63-C-c
kênh N2 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà			13° 02' 38"	109° 05' 12"	13° 00' 16"	109° 07' 28"	D-49-63-C-c;
thôn Nhất Sơn	DC	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà	13° 04' 19"	109° 07' 03"					D-49-63-C-c
thôn Phong Hậu	DC	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà	13° 02' 26"	109° 06' 02"					D-49-63-C-c
cầu Rù Rì A	KX	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà	13° 02' 11"	109° 06' 24"					D-49-63-C-c
cầu Rù Rì B	KX	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà	13° 02' 19"	109° 06' 11"					D-49-63-C-c
Hòn Tượng	SV	xã Hoà Hội	H. Phú Hoà	13° 05' 22"	109° 09' 01"					D-49-63-C-d
Núi Ếnh	SV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 34"	109° 13' 51"					D-49-63-C-d
núi Bà Diễm	SV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 46"	109° 13' 08"					D-49-63-C-d
núi Bà Diết	SV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 43"	109° 12' 43"					D-49-63-C-d
kênh tiêu Bầu Đục	TV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà			13° 05' 18"	109° 12' 55"	13° 13' 25"	109° 05' 26"	D-49-63-C-d
Suối Cái	TV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà			13° 08' 08"	109° 08' 56"	13° 00' 35"	109° 10' 40"	D-49-63-C-b; D-49-63-C-d
Hòn Cẩm	SV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 47"	109° 13' 35"					D-49-63-C-d
chùa Cẩm Sơn	KX	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 05"	109° 13' 52"					D-49-63-C-d
thôn Cẩm Sơn	DC	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 48"	109° 13' 29"					D-49-63-C-d
Hòn Dâu	SV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 06' 16"	109° 13' 27"					D-49-63-C-d
cầu Dúi Thê	KX	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 26"	109° 11' 47"					D-49-63-C-d
suối Đá Bàn	TV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà			13° 07' 40"	109° 10' 35"	13° 05' 18"	109° 12' 55"	D-49-63-C-b; D-49-63-C-d
cầu Đài Liệt Sĩ	KX	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 04' 41"	109° 12' 56"					D-49-63-C-d
Bầu Đăng	TV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà			13° 05' 26"	109° 13' 25"	13° 05' 43"	109° 15' 07"	D-49-63-C-d
Núi Diễm	SV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 39"	109° 13' 11"					D-49-63-C-d
cầu Đồng Hoà	KX	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 06' 12"	109° 12' 04"					D-49-63-C-d
xóm Đồng Hoà	DC	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 06' 02"	109° 12' 34"					D-49-63-C-d
thôn Đồng Lãnh	DC	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 06' 11"	109° 12' 51"					D-49-63-C-d
thôn Đồng Mỹ	DC	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 06' 38"	109° 12' 18"					D-49-63-C-d
xóm Hà Trung	DC	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 12"	109° 14' 06"					D-49-63-C-d
thôn Hạnh Lâm	DC	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 04' 53"	109° 12' 08"					D-49-63-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khu nông nghiệp áp dụng công nghệ cao Hoà Quang Bắc	KX	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 33"	109° 11' 35"					D-49-63-C-d
Hòn La	SV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 08' 39"	109° 09' 34"					D-49-63-C-b
cầu Lỗ Chải	KX	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 06' 49"	109° 11' 06"					D-49-63-C-d
kênh tiêu Lù Ba	TV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà			13° 05' 26"	109° 13' 25"	13° 01' 48"	109° 12' 07"	D-49-63-C-d
thôn Mậu Lâm Bắc	DC	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 04' 39"	109° 12' 35"					D-49-63-C-d
Núi Miếu	SV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 05"	109° 12' 57"					D-49-63-C-d
kênh tiêu Mỹ Hoà	TV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà			13° 05' 31"	109° 13' 41"	13° 03' 47"	109° 13' 54"	D-49-63-C-d
kênh N1 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà			13° 06' 32"	109° 14' 34"	13° 00' 58"	109° 11' 53"	D-49-63-C-d
Hòn Ngang	SV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 57"	109° 10' 33"					D-49-63-C-d
thôn Ngọc Sơn Đông	DC	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 11"	109° 12' 31"					D-49-63-C-d
thôn Ngọc Sơn Tây	DC	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 56"	109° 11' 51"					D-49-63-C-d
núi Ngũ Đài Sơn	SV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 05"	109° 12' 14"					D-49-63-C-d
xóm Núi Miếu	DC	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 00"	109° 13' 03"					D-49-63-C-d
Hòn O	SV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 59"	109° 13' 38"					D-49-63-C-d
Gò Sân	SV	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 06' 14"	109° 10' 39"					D-49-63-C-d
cầu Suối Mốc	KX	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 06' 15"	109° 11' 29"					D-49-63-C-d
thôn Thanh Lâm	DC	xã Hoà Quang Bắc	H. Phú Hoà	13° 05' 27"	109° 11' 51"					D-49-63-C-d
dòng Bà Lễ	TV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 18"	109° 11' 12"					D-49-63-C-d
Cầu Bàn	KX	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 03' 42"	109° 13' 19"					D-49-63-C-d
Xóm Bầu	DC	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 09"	109° 14' 12"					D-49-63-C-d
kênh tiêu Bến Lợi	TV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà			13° 03' 09"	109° 13' 12"	13° 05' 28"	109° 15' 28"	D-49-63-C-d
Suối Cái	TV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà			13° 08' 08"	109° 08' 56"	13° 00' 35"	109° 10' 40"	D-49-63-C-d
Núi Cam	SV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 06"	109° 13' 16"					D-49-63-C-d
xóm Cây Duối	DC	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 00"	109° 12' 38"					D-49-63-C-d
núi Chà Rang	SV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 00"	109° 11' 30"					D-49-63-C-d
Gò Chợ	SV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 19"	109° 10' 16"					D-49-63-C-d
Hòn Chùa	SV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 05' 07"	109° 11' 16"					D-49-63-C-d
Hòn Dung	SV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 47"	109° 11' 06"					D-49-63-C-d
thôn Đại Bình	DC	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 03' 38"	109° 13' 26"					D-49-63-C-d
cầu Đài Liệt Sĩ	KX	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 41"	109° 12' 56"					D-49-63-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Đại Phú	DC	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 08"	109° 14' 37"					D-49-63-C-d
Núi Đất	SV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 10"	109° 13' 04"					D-49-63-C-d
đồi Giếng Da	SV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 05' 06"	109° 10' 24"					D-49-63-C-d
đồi Giếng Tiên	SV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 03' 26"	109° 10' 31"					D-49-63-C-d
núi Gộp Đá Mòng	SV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 05' 19"	109° 10' 26"					D-49-63-C-d
núi Hòn Lá	SV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 01"	109° 09' 07"					D-49-63-C-d
kênh tiêu Lù Ba	TV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà			13° 05' 26"	109° 13' 25"	13° 01' 48"	109° 12' 07"	D-49-63-C-d
Suối Lụa	TV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà			13° 03' 38"	109° 11' 29"	13° 04' 11"	109° 12' 22"	D-49-63-C-d
thôn Mậu Lâm Nam	DC	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 18"	109° 12' 18"					D-49-63-C-d
kênh tiêu Mỹ Hoà	TV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà			13° 05' 31"	109° 13' 41"	13° 03' 47"	109° 13' 54"	D-49-63-C-d
kênh N1 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà			13° 06' 32"	109° 14' 34"	13° 00' 58"	109° 11' 53"	D-49-63-C-d
kênh N3 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà			13° 07' 45"	109° 15' 36"	13° 01' 47"	109° 13' 19"	D-49-63-C-d
Hòn Ngang	SV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 05' 57"	109° 10' 33"					D-49-63-C-d
thôn Nho Lâm	DC	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 20"	109° 13' 32"					D-49-63-C-d
thôn Phú Thạnh	DC	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 03' 25"	109° 12' 20"					D-49-63-C-d
thôn Quang Hưng	DC	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 03' 43"	109° 13' 12"					D-49-63-C-d
cầu Suối Lụa	KX	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 03' 35"	109° 11' 32"					D-49-63-C-d
Xóm Trinh	DC	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 04' 24"	109° 14' 36"					D-49-63-C-d
Xóm Trương	DC	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 03' 56"	109° 14' 30"					D-49-63-C-d
Hòn Tượng	SV	xã Hoà Quang	H. Phú Hoà	13° 05' 22"	109° 09' 01"					D-49-63-C-d
đường huyện 21	KX	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà			13° 04' 48"	109° 17' 44"	13° 03' 09"	109° 15' 09"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
đường huyện 25	KX	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà			13° 07' 09"	109° 11' 04"	13° 02' 14"	109° 14' 04"	D-49-63-C-d
quốc lộ 25	KX	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà			13° 08' 10"	108° 46' 10"	13° 05' 05"	109° 17' 45"	D-49-63-C-d
chùa Long Khánh	KX	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà	13° 02' 25"	109° 14' 37"					D-49-63-C-d
kênh chính Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà			13° 00' 16"	109° 07' 28"	13° 05' 20"	109° 17' 23"	D-49-63-C-d;
kênh tiêu Bầu Dài	TV	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà			13° 04' 20"	109° 17' 24"	13° 03' 03"	109° 15' 10"	D-49-63-D-c
kênh tiêu Bến Lợi	TV	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà			13° 03' 09"	109° 13' 12"	13° 05' 28"	109° 15' 28"	D-49-63-C-d
sông Đà Rằng	TV	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-C-d; D-49-63-D-c
thôn Đông Lộc	DC	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà	13° 03' 44"	109° 15' 09"					D-49-63-D-c
núi Gành Đá	SV	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà	13° 03' 14"	109° 14' 38"					D-49-63-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Mỹ Hoà	DC	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà	13° 03' 12"	109° 14' 17"					D-49-63-C-d
thôn Mỹ Thành	DC	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà	13° 02' 48	109° 14' 58					D-49-63-D-c D-49-63-C-d
kênh N3 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà			13° 07' 45"	109° 15' 36"	13° 01' 47"	109° 13' 19"	D-49-63-C-d
kênh N4 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà			13° 01' 37"	109° 13' 17"	13° 04' 19"	109° 17' 25"	D-49-63-D-c
kênh N5 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà			13° 04' 02"	109° 14' 57"	13° 03' 17"	109° 15' 16"	D-49-63-C-d; D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
kênh N6 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà			13° 03' 07"	109° 15' 06"	13° 02' 37"	109° 15' 44"	D-49-63-D-c
thôn Phong Niên	DC	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà	13° 02' 02"	109° 14' 21"					D-49-63-C-d
thôn Phú Lộc	DC	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà	13° 02' 19"	109° 14' 57"					D-49-63-D-c; D-49-63-C-d
chùa Phước Thàng	KX	xã Hoà Thắng	H. Phú Hoà	13° 01' 50"	109° 13' 24"					D-49-63-C-d
Quốc lộ 1	KX	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-D-c; D-49-75-B-a
sông Bầu Đăng	TV	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà			13° 05' 43"	109° 15' 07"	13° 05' 25"	109° 17' 26"	D-49-63-D-c
cầu Bến Lợi	KX	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà	13° 05' 37"	109° 14' 16"					D-49-63-C-d
kênh tiêu Bến Lợi	TV	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà			13° 03' 09"	109° 13' 12"	13° 05' 28"	109° 15' 28"	D-49-63-C-d; D-49-63-D-c
Suối Cái	TV	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà			13° 06' 28"	109° 14' 32"	13° 05' 44"	109° 14' 39"	D-49-63-C-d
Xóm Cát	DC	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà	13° 04' 36"	109° 15' 39"					D-49-63-D-c
Xóm Gò	DC	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà	13° 04' 46"	109° 14' 13"					D-49-63-C-d
Bầu Gổ	TV	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà			13° 05' 26"	109° 13' 25"	13° 05' 43"	109° 15' 07"	D-49-63-C-d
thôn Long Phụng	DC	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà	13° 05' 33"	109° 14' 22"					D-49-63-C-d
chùa Long Tường	KX	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà	13° 05' 08"	109° 14' 18"					D-49-63-C-d
đền Lương Văn Chánh	KX	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà	13° 05' 37"	109° 14' 08"					D-49-63-C-d
kênh tiêu Minh Đức	TV	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà			13° 04' 23"	109° 15' 42"	13° 05' 35"	109° 15' 52"	D-49-63-D-c
Xóm Mới	DC	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà	13° 04' 57"	109° 14' 14"					D-49-63-C-d
kênh N1 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà			13° 05' 43"	109° 13' 58"	13° 07' 42"	109° 15' 36"	D-49-63-C-d
kênh N3 Bắc Đồng Cam	TV	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà			13° 07' 45"	109° 15' 36"	13° 01' 47"	109° 13' 19"	D-49-63-C-d
Hòn Ngang	SV	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà	13° 06' 22"	109° 13' 57"					D-49-63-C-d
thôn Phụng Tường 1	DC	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà	13° 04' 29"	109° 15' 23"					D-49-63-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Phụng Tường 2	DC	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà	13° 05' 03"	109° 14' 31"					D-49-63-C-d
thôn Phước Khánh	DC	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà	13° 05' 14"	109° 16' 41"					D-49-63-D-c
thôn Quy Hậu	DC	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà	13° 04' 51"	109° 16' 03"					D-49-63-D-c
cầu dẫn Số 4	KX	xã Hoà Trị	H. Phú Hoà	13° 05' 55"	109° 15' 57"					D-49-63-D-c
đường huyện 24-3	KX	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà			13° 04' 13"	108° 59' 53"	13° 05' 37"	108° 55' 07"	D-49-62-D-d
đường tỉnh 646	KX	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà			13° 03' 20"	108° 56' 43"	13° 11' 46"	108° 57' 52"	D-49-62-D-d
Sông Ba	TV	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà			13° 07' 00"	108° 45' 32"	13° 01' 39"	109° 03' 19"	D-49-62-D-d
Bắc Lý	DC	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 02' 41"	108° 59' 05"					D-49-62-D-d
Bãi Điều	DC	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 01' 44"	108° 58' 51"					D-49-62-D-d
khu phố Đông Hoà	DC	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 02' 04"	108° 58' 30"					D-49-62-D-d
đôi Hòn Ngang	SV	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 03' 12"	108° 57' 52"					D-49-62-D-d
Cầu Móng	KX	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 02' 26"	108° 58' 43"					D-49-62-D-d
Núi Một	SV	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 02' 36"	108° 59' 40"					D-49-62-D-d
Suối Ngang	TV	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà			13° 03' 34"	108° 57' 33"	13° 02' 44"	108° 57' 11"	D-49-62-D-d
Dốc Quýt	KX	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 04' 04"	108° 56' 51"					D-49-62-D-d
cầu Sông Ba	KX	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 03' 07"	108° 56' 34"					D-49-62-D-d
cầu Suối Bùn	KX	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 02' 51"	108° 59' 27"					D-49-62-D-d
hồ Suối Bùn 1	TV	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 03' 10"	108° 58' 46"					D-49-62-D-d
hồ Suối Bùn 2	TV	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 03' 35"	108° 58' 35"					D-49-62-D-d
cầu Suối Cá	KX	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 02' 38"	108° 58' 14"					D-49-62-D-d
cầu Suối Ngang	KX	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 03' 07"	108° 57' 18"					D-49-62-D-d
cầu Suối Thá	KX	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 05' 30"	108° 55' 47"					D-49-62-D-d
khu phố Tây Hoà	DC	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 02' 27"	108° 58' 07"					D-49-62-D-d
Suối Thá	TV	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà			13° 05' 32"	108° 55' 46"	13° 03' 32"	108° 56' 15"	D-49-62-D-d
khu phố Tịnh Sơn	DC	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 03' 19"	108° 56' 46"					D-49-62-D-d
khu phố Trung Hoà	DC	TT. Cùng Sơn	H. Sơn Hoà	13° 03' 00"	108° 58' 26"					D-49-62-D-d
chư Ba Piang	SV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 13' 34"	108° 51' 46"					D-49-62-D-a
sông Cà Lúi	TV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà			13° 22' 11"	108° 51' 52"	13° 07' 01"	108° 45' 35"	D-49-62-D-a; D-49-62-D-b
suối Ca Pông	TV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà			13° 11' 03"	108° 52' 35"	13° 11' 35"	108° 51' 06"	D-49-62-D-b; D-49-62-D-a
sông Chrai	TV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà			13° 11' 11"	108° 52' 03"	13° 10' 06"	108° 50' 19"	D-49-62-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
hồ Cơ Hay	TV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 11' 46"	108° 53' 51"					D-49-62-D-b
sông Cơ Hay	TV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà			13° 11' 34"	108° 54' 15"	13° 12' 23"	108° 51' 48"	D-49-62-D-a, D-49-62-D-b
ea Cơ Má	TV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà			13° 14' 23"	108° 56' 37"	13° 13' 21"	108° 53' 45"	D-49-62-D-b
núi Hơ Tang	SV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 11' 45"	108° 51' 46"					D-49-62-D-a
khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai	KX	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 10' 20"	108° 50' 25"					D-49-62-D-a
buôn Ma Dao	DC	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 12' 17"	108° 51' 54"					D-49-62-D-a
buôn Ma Đĩa	DC	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 12' 46"	108° 53' 36"					D-49-62-D-b
buôn Ma Lãng	DC	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 12' 45"	108° 53' 52"					D-49-62-D-b
buôn Ma Lúa	DC	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 12' 37"	108° 52' 15"					D-49-62-D-a
buôn Ma Lưng	DC	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 12' 43"	108° 53' 24"					D-49-62-D-b
buôn Ma Nhe	DC	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 12' 41"	108° 54' 06"					D-49-62-D-b
buôn Ma Thín	DC	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 12' 37"	108° 53' 40"					D-49-62-D-b
chư Oi Liêng	SV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 13' 52"	108° 54' 14"					D-49-62-D-b
Chư Pơ Soi	SV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 13' 03"	108° 50' 52"					D-49-62-B-a
đồi Rau Đắng	SV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 10' 28"	108° 50' 47"					D-49-62-D-a
Chư Rông	SV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 10' 47"	108° 53' 30"					D-49-62-D-b
chư Sơ Tiêng	SV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 10' 04"	108° 52' 18"					D-49-62-D-a
Suối Thá	TV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà			13° 11' 25"	108° 54' 49"	13° 11' 41"	108° 55' 35"	D-49-62-D-b
chư Tong Khưng	SV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 12' 01"	108° 51' 33"					D-49-62-D-a
chư Tong Rong	SV	xã Cà Lúi	H. Sơn Hoà	13° 11' 10"	108° 51' 26"					D-49-62-D-a
quốc lộ 25	KX	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà			13° 08' 10"	108° 46' 10"	13° 05' 05"	109° 17' 45"	D-49-62-D-a; D-49-62-D-c; D-49-62-D-d
sông Cà Lúi	TV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà			13° 22' 11"	108° 51' 52"	13° 07' 01"	108° 45' 35"	D-49-62-D-a
cầu Chà Rang	KX	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 06' 00"	108° 52' 45"					D-49-62-D-d
suối Chà Rang	TV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà			13° 05' 07"	108° 50' 59"	13° 05' 33"	108° 55' 44"	D-49-62-D-d
suối Chư Sai	TV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà			13° 10' 35"	108° 51' 48"	13° 10' 05"	108° 50' 19"	D-49-62-D-a
Suối Đắc	TV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà			13° 07' 35"	108° 52' 23"	13° 07' 47"	108° 50' 30"	D-49-62-D-a; D-49-62-D-c
thôn Độc Lập A	DC	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 07' 34"	108° 50' 42"					D-49-62-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Độc Lập B	DC	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 07' 29"	108° 49' 59"					D-49-62-D-c
thôn Độc Lập C	DC	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 07' 27"	108° 51' 06"					D-49-62-D-c
núi Hà Gian	SV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 07' 58"	108° 54' 07"					D-49-62-D-b
cầu Hà Lang	KX	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 07' 29"	108° 50' 07"					D-49-62-D-c
suối Hà Lang	TV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà			13° 10' 15"	108° 53' 35"	13° 05' 40"	108° 48' 49"	D-49-62-D-a; D-49-62-D-b; D-49-62-D-c
núi Hòn Bà	SV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 06' 11"	108° 50' 55"					D-49-62-D-c
núi Hòn Găng	SV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 04' 36"	108° 54' 25"					D-49-62-D-d
núi Hòn Ó	SV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 03' 54"	108° 53' 24"					D-49-62-D-d
núi Hòn Ông	SV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 05' 21"	108° 50' 41"					D-49-62-D-c
núi Hòn Táo	SV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 06' 30"	108° 49' 44"					D-49-62-D-c
thôn Kiến Thiết	DC	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 05' 42"	108° 53' 18"					D-49-62-D-d
Ban quản lý Rừng đặc dụng Krông Trai	KX	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 05' 46"	108° 54' 09"					D-49-62-D-d
núi Mò O	SV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 07' 03"	108° 53' 33"					D-49-62-D-d
Suối Môn	TV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà			13° 07' 29"	108° 53' 20"	13° 06' 04"	108° 52' 52"	D-49-62-D-b; D-49-62-D-d
đồi Rau Đắng	SV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 10' 28"	108° 50' 47"					D-49-62-D-a
núi Sơ Tiêng	SV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 10' 04"	108° 52' 18"					D-49-62-D-a
cầu Suối Môn	KX	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 06' 38"	108° 52' 15"					D-49-62-D-c
Suối Tre	TV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà			13° 04' 36"	108° 53' 34"	13° 06' 00"	108° 53' 50"	D-49-62-D-d
núi Xa Ninh No Ro	SV	xã Eachà Rang	H. Sơn Hoà	13° 07' 06"	108° 51' 17"					D-49-62-D-c
quốc lộ 25	KX	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà			13° 08' 10"	108° 46' 10"	13° 05' 05"	109° 17' 45"	D-49-62-D-a; D-49-62-D-c
Sông Ba	TV	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà			13° 07' 00"	108° 45' 32"	13° 01' 39"	109° 03' 19"	D-49-62-D-c
cầu Cà Lúi	KX	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 08' 11"	108° 46' 10"					D-49-62-D-a
sông Cà Lúi	TV	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà			13° 22' 11"	108° 51' 52"	13° 07' 01"	108° 45' 35"	D-49-62-D-a; D-49-62-D-c
Buôn Chơ	DC	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 06' 36"	108° 46' 17"					D-49-62-D-c
suối Chư Cát	TV	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà			13° 07' 56"	108° 47' 31"	13° 06' 10"	108° 47' 19"	D-49-62-D-a; D-49-62-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Chư Đê	SV	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 08' 13"	108° 46' 44"					D-49-62-D-a
núi Dốc Dài	SV	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 09' 01"	108° 49' 03"					D-49-62-D-a
cầu Hà Lang	KX	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 07' 29"	108° 50' 07"					D-49-62-D-c
súoi Hà Lang	TV	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà			13° 10' 15"	108° 53' 35"	13° 05' 40"	108° 48' 49"	D-49-62-D-a; D-49-62-D-c
Buôn Học	DC	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 06' 30"	108° 46' 04"					D-49-62-D-c
Buôn Khăm	DC	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 06' 55"	108° 48' 27"					D-49-62-D-c
khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai	KX	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 08' 29"	108° 48' 56"					D-49-62-D-a
buôn Lé A	DC	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 07' 12"	108° 46' 53"					D-49-62-D-c
buôn Lé B	DC	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 07' 06"	108° 47' 12"					D-49-62-D-c
thôn Phú Sơn	DC	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 07' 18"	108° 47' 01"					D-49-62-D-c
cầu Số 1	KX	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 07' 00"	108° 48' 43"					D-49-62-D-c
cầu Số 2	KX	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 07' 01"	108° 47' 49"					D-49-62-D-c
cầu Số 3	KX	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 07' 03"	108° 47' 34"					D-49-62-D-c
cầu Số 4	KX	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 07' 09"	108° 47' 11"					D-49-62-D-c
cầu Số 5	KX	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 07' 35"	108° 46' 43"					D-49-62-D-a
cầu Súoi Tre	KX	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 07' 18"	108° 49' 34"					D-49-62-D-c
súoi Tà An	TV	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà			13° 08' 26"	108° 48' 48"	13° 06' 59"	108° 48' 43"	D-49-62-D-a; D-49-62-D-c
Buôn Thu	DC	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà	13° 08' 00"	108° 46' 15"					D-49-62-D-a
Súoi Tre	TV	xã Krông Pa	H. Sơn Hoà			13° 08' 24"	108° 49' 11"	13° 07' 05"	108° 49' 34"	D-49-62-D-a; D-49-62-D-c
đường tỉnh 646	KX	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà			13° 17' 38"	108° 52' 06"	13° 11' 46"	108° 57' 52"	D-49-62-B-c; D-49-62-B-d
dốc Bà Bèo	KX	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 15' 23"	108° 56' 09"					D-49-62-B-d
chư Ba Piang	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 13' 34"	108° 51' 46"					D-49-62-D-a
núi Bao Bên	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 16' 30"	108° 56' 02"					D-49-62-B-d
súoi Be Ton	TV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà			13° 15' 39"	108° 53' 43"	13° 14' 28"	108° 53' 40"	D-49-62-B-d; D-49-62-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
sông Cà Lúi	TV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà			13° 22' 11"	108° 51' 52"	13° 07' 01"	108° 45' 35"	D-49-62-B-c; D-49-62-B-d; D-49-62-D-b
núi Cham Chang	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 19' 31"	108° 55' 25"					D-49-62-B-d
Suối Ché	TV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà			13° 15' 47"	108° 56' 05"	13° 15' 35"	108° 54' 57"	D-49-62-B-d
suối Chợ Bốc	TV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà			13° 16' 31"	108° 55' 09"	13° 15' 40"	108° 54' 53"	D-49-62-B-d
suối Chợ Poong	TV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà			13° 16' 25"	108° 53' 51"	13° 15' 54"	108° 54' 16"	D-49-62-B-d
suối Chợ Trá	TV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà			13° 15' 09"	108° 54' 12"	13° 15' 57"	108° 54' 14"	D-49-62-B-d
núi Chóp Vung	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 18' 05"	108° 54' 59"					D-49-62-B-d
núi Cơ Pích	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 17' 10"	108° 51' 33"					D-49-62-B-c
Suối Do	TV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà			13° 14' 51"	108° 52' 41"	13° 14' 57"	108° 50' 05"	D-49-62-B-c; D-49-62-D-a; D-49-62-D-b
thôn Đá Bàn	DC	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 17' 13"	108° 54' 31"					D-49-62-B-d
thôn Gia Trụ	DC	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 18' 07"	108° 54' 05"					D-49-62-B-d
núi Hòn Bà	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 14' 59"	108° 54' 09"					D-49-62-B-d
núi Hòn Nhọn	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 24' 06"	108° 48' 20"					D-49-62-B-a
núi Hòn Ông	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 14' 36"	108° 56' 06"					D-49-62-D-b
Suối Lạnh	TV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà			13° 17' 35"	108° 55' 26"	13° 17' 17"	108° 54' 35"	D-49-62-B-d
thôn Ma Giấy	DC	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 15' 08"	108° 53' 09"					D-49-62-B-d
ea Ma Lá	TV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà			13° 24' 20"	108° 49' 06"	13° 18' 19"	108° 47' 10"	D-49-62-B-a; D-49-62-B-c
thôn Ma Y	DC	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 16' 06"	108° 54' 03"					D-49-62-B-d
núi Nhà Ca	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 16' 50"	108° 52' 17"					D-49-62-B-c
núi Nhà Tét	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 18' 50"	108° 55' 03"					D-49-62-B-d
chư Oi Liêng	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 13' 52"	108° 54' 14"					D-49-62-D-b
núi Plếch	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 17' 57"	108° 50' 42"					D-49-62-B-c
suối Prin	TV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà			13° 15' 05"	108° 50' 52"	13° 16' 08"	108° 52' 22"	D-49-62-B-c; D-49-62-B-d
chư Prông	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 22' 10"	108° 51' 14"					D-49-62-B-c
Núi Rá	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 20' 15"	108° 49' 32"					D-49-62-B-c
núi Rung Gia	SV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 22' 34"	108° 52' 13"					D-49-62-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Suối Đá	DC	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 16' 44"	108° 53' 40"					D-49-62-B-d
thôn Tân Hải	DC	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà	13° 15' 47"	108° 54' 50"					D-49-62-B-d
Suối Véch	TV	xã Phước Tân	H. Sơn Hoà			13° 18' 32"	108° 52' 18"	13° 17' 13"	108° 54' 36"	D-49-62-B-c; D-49-62-B-d
Đội 5	DC	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	13° 12' 01"	109° 02' 58"					D-49-63-C-a
đường tỉnh 643	KX	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà			13° 11' 46"	108° 57' 52"	13° 12' 13"	109° 16' 09"	D-49-63-C-a
Suối Dĩ	TV	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà			13° 10' 34"	109° 01' 49"	13° 12' 45"	109° 01' 28"	D-49-63-C-a
suối Đá Bàn	TV	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà			13° 13' 07"	109° 03' 22"	13° 16' 09"	109° 00' 55"	D-49-63-A-c; D-49-63-C-a
Hòn Đác	SV	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	13° 10' 12"	109° 02' 32"					D-49-63-C-a
Hòn Đoác	SV	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	13° 10' 30"	109° 02' 08"					D-49-63-C-a
cầu Hoà Bình	KX	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	13° 11' 37"	109° 02' 11"					D-49-63-C-a
suối Hoà Bình	TV	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà			13° 10' 27"	109° 02' 44"	13° 11' 56"	109° 01' 54"	D-49-63-C-a
thôn Hoà Bình	DC	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	13° 11' 43"	109° 03' 30"					D-49-63-C-a
thôn Hoà Ngãi	DC	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	13° 14' 12"	109° 03' 31"					D-49-63-C-a
thôn Hoà Nghĩa	DC	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	13° 12' 20"	109° 03' 45"					D-49-63-C-a
thôn Hoà Thuận	DC	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	13° 13' 13"	109° 02' 01"					D-49-63-C-a
thôn Hoà Trinh	DC	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	13° 13' 01"	109° 03' 45"					D-49-63-C-a
núi Hòn Cầm	SV	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	13° 15' 09"	109° 01' 11"					D-49-63-C-a
Suối Khế	TV	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà			13° 14' 07"	109° 03' 03"	13° 18' 29"	109° 02' 57"	D-49-63-C-a
suối La Cấn	TV	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà			13° 11' 56"	109° 01' 54"	13° 15' 02"	109° 00' 59"	D-49-63-A-c; D-49-63-C-a
hồ Nông Trường	TV	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	13° 12' 17"	109° 02' 58"					D-49-63-C-a
suối Ông Năm	TV	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà			13° 10' 45"	109° 06' 18"	13° 08' 33"	109° 03' 59"	D-49-63-C-a
cầu Suối Dĩ	KX	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	13° 11' 49"	109° 01' 24"					D-49-63-C-a
cầu Suối Trục	KX	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà	13° 11' 44"	109° 01' 37"					D-49-63-C-a
Suối Tía	TV	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà			13° 12' 02"	109° 05' 43"	13° 13' 55"	109° 04' 47"	D-49-63-C-a
sông Trà Bương	TV	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà			13° 15' 02"	109° 00' 59"	13° 16' 26"	109° 00' 49"	D-49-63-A-c
Suối Trục	TV	xã Sơn Định	H. Sơn Hoà			13° 11' 07"	109° 01' 52"	13° 11' 56"	109° 01' 53"	D-49-63-C-a
Đội 1	DC	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 04' 06"	109° 00' 29"					D-49-63-C-c
Xóm 1	DC	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 02' 52"	109° 01' 25"					D-49-63-C-c
đường huyện 24-3	KX	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà			13° 04' 13"	108° 59' 53"	13° 05' 37"	108° 55' 07"	D-49-62-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
quốc lộ 25	KX	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà			13° 08' 10"	108° 46' 10"	13° 05' 05"	109° 17' 45"	D-49-62-D-d; D-49-63-C-c
đường huyện 53	KX	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà			13° 03' 46"	109° 01' 56"	13° 09' 56"	109° 07' 47"	D-49-63-C-c
chùa An Lạc	KX	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 02' 04"	109° 02' 03"					D-49-63-C-c
Sông Ba	TV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà			13° 07' 00"	108° 45' 32"	13° 01' 39"	109° 03' 19"	D-49-62-D-d; D-49-63-C-c
suối Ba Vỡ	TV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà			13° 04' 43"	108° 59' 52"	13° 04' 46"	109° 00' 32"	D-49-62-D-d; D-49-63-C-c
Suối Cau	TV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà			13° 08' 46"	109° 05' 33"	13° 03' 50"	109° 02' 17"	D-49-63-C-c
Hòn Chùa	SV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 04' 26"	109° 03' 38"					D-49-63-C-c
Sông Con	TV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà			13° 03' 52"	109° 02' 15"	13° 01' 43"	109° 03' 04"	D-49-63-C-c
núi Da Tây	SV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 06' 33"	109° 04' 13"					D-49-63-C-c
Hòn Dọc	SV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 04' 56"	109° 03' 39"					D-49-63-C-c
thôn Dốc Cát	DC	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 04' 09"	109° 00' 49"					D-49-63-C-c
Hòn Dung	SV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 06' 17"	109° 03' 50"					D-49-63-C-c
Đồng Sim	DC	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 03' 08"	108° 59' 33"					D-49-62-D-d
thôn Hoà Sơn	DC	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 03' 18"	109° 01' 15"					D-49-63-C-c
núi Hòn Bỏ	SV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 03' 33"	109° 04' 24"					D-49-63-C-c
núi Hòn Hang	SV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 04' 21"	109° 02' 44"					D-49-63-C-c
núi Hòn Sang	SV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 03' 14"	109° 03' 19"					D-49-63-C-c
núi Lỗ Hòn Sen	SV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 05' 22"	109° 06' 13"					D-49-63-C-c
Hòn Lớn	SV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 02' 06"	109° 03' 33"					D-49-63-C-c
thôn Mặt Hàn	DC	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 03' 09"	109° 04' 28"					D-49-63-C-c
Hòn Một	SV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 02' 10"	109° 01' 31"					D-49-63-C-c
cầu Ngã Hai	KX	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 04' 20"	109° 02' 10"					D-49-63-C-c
suối Ngã Hai	TV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà			13° 04' 25"	109° 01' 39"	13° 04' 18"	109° 02' 13"	D-49-63-C-c
thôn Ngăn Điền	DC	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 03' 52	109° 01' 45					D-49-63-C-c
Hòn Ngang	SV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 03' 19"	109° 02' 36"					D-49-63-C-c
Hòn Ông	SV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 05' 49"	109° 03' 21"					D-49-63-C-c
chùa Phước Điền	KX	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 03' 54"	109° 01' 17"					D-49-63-C-c
Hòn Sặc	SV	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 02' 15"	109° 03' 58"					D-49-63-C-c
Xóm Sông	DC	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 03' 40"	109° 02' 23"					D-49-63-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
cầu Sông Con	KX	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 03' 41"	109° 02' 08"					D-49-63-C-c
thôn Suối Cau	DC	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 03' 57"	109° 03' 28"					D-49-63-C-c
thôn Thanh Hội	DC	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 02' 01"	109° 02' 13"					D-49-63-C-c
Trăng Sim	DC	xã Sơn Hà	H. Sơn Hoà	13° 02' 32"	109° 01' 23"					D-49-63-C-c
đường tỉnh 643	KX	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 11' 46"	108° 57' 52"	13° 12' 13"	109° 16' 09"	D-49-62-D-b; D-49-63-C-a
đường tỉnh 646	KX	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 03' 20"	108° 56' 43"	13° 11' 46"	108° 57' 52"	D-49-62-B-d; D-49-62-D-b
Hòn Bà	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 19' 15"	108° 57' 00"					D-49-62-B-d
dốc Bà Bèo	KX	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 15' 23"	108° 56' 09"					D-49-62-B-d
núi Bao Bên	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 16' 30"	108° 56' 02"					D-49-62-B-d
suối Cà La	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 13' 48"	108° 57' 07"	13° 13' 14"	108° 58' 17"	D-49-62-D-b
hòn Cây Cậy	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 18' 33"	108° 58' 41"					D-49-62-B-d
Suối Ché	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 15' 47"	108° 56' 05"	13° 15' 35"	108° 54' 57"	D-49-62-B-d
Suối Chó	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 15' 55"	108° 58' 29"	13° 15' 47"	108° 57' 49"	D-49-62-B-d
núi Chóp Vung	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 18' 05"	108° 54' 59"					D-49-62-B-d
ea Cơ Má	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 14' 23"	108° 56' 37"	13° 13' 21"	108° 53' 45"	D-49-62-D-b
Suối Cuối	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 17' 17"	108° 57' 59"	13° 18' 23"	108° 59' 42"	D-49-62-D-b
Suối Dĩ	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 10' 34"	109° 01' 49"	13° 12' 45"	109° 01' 28"	D-49-63-C-a
suối Đá Bàn	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 13' 07"	109° 03' 22"	13° 16' 09"	109° 00' 55"	D-49-63-A-c
núi Đá Chát	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 11' 02"	108° 58' 51"					D-49-62-D-b
núi Đá Mài	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 09' 48"	108° 59' 19"					D-49-62-D-b
Hòn Đất	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 10' 30"	108° 55' 45"					D-49-62-D-b
Hòn Đoác	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 10' 30"	109° 02' 08"					D-49-63-C-a
núi Hòn Ông	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 14' 36"	108° 56' 06"					D-49-62-D-b
suối La Cẩn	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 11' 56"	109° 01' 54"	13° 15' 02"	109° 00' 59"	D-49-63-A-c;
Suối Lạnh	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 17' 35"	108° 55' 26"	13° 17' 17"	108° 54' 35"	D-49-62-B-d
Hòn Lầy	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 19' 50"	108° 59' 01"					D-49-62-B-d
buôn Ma Sương	DC	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 13' 33"	108° 56' 49"					D-49-62-D-b
Suối Mây	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 19' 08"	108° 56' 47"	13° 19' 53"	108° 58' 24"	D-49-62-B-d
núi Nhà Tét	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 18' 50"	108° 55' 03"					D-49-62-B-d
Hòn Nĩa	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 18' 50"	108° 59' 29"					D-49-62-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
chư Oi Liêng	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 13' 52"	108° 54' 14"					D-49-62-D-b
Hòn Ô	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 19' 39"	108° 57' 30"					D-49-62-B-d
Dốc Quanh	KX	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 10' 54"	108° 57' 57"					D-49-62-D-b
Suối Quanh	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 11' 38"	108° 58' 20"	13° 10' 11"	108° 57' 16"	D-49-62-D-b
cầu Số 7	KX	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 11' 53"	108° 57' 57"					D-49-62-D-b
cầu Số 8	KX	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 12' 02"	108° 58' 04"					D-49-62-D-b
cầu Số 9	KX	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 13' 05"	108° 57' 38"					D-49-62-D-b
cầu Suối Dĩ	KX	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 11' 49"	109° 01' 24"					D-49-63-C-a
hồ Suối Dĩ	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 11' 47"	109° 01' 07"					D-49-63-C-a
cầu Suối Tre	KX	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 12' 17"	108° 57' 58"					D-49-62-D-b
thôn Tân Hiệp	DC	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 13' 27"	108° 56' 47"					D-49-62-D-b
thôn Tân Hoà	DC	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 15' 33"	108° 57' 40"					D-49-62-B-d
thôn Tân Hội	DC	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 11' 52"	108° 57' 33"					D-49-62-D-b
thôn Tân Hợp	DC	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 12' 27"	108° 56' 40"					D-49-62-D-b
thôn Tân Lương	DC	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 13' 42"	108° 57' 21"					D-49-62-D-b
thôn Tân Thành	DC	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 11' 42"	109° 00' 14"					D-49-63-C-a
thôn Tân Thuận	DC	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 13' 32"	108° 59' 05"					D-49-62-D-b
thôn Tân Tiến	DC	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 14' 56"	108° 57' 27"					D-49-62-D-b
Suối Thá	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 12' 06"	108° 55' 19"	13° 08' 15"	108° 56' 48"	D-49-62-D-b; D-49-62-D-d
núi Trà Bương	SV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 14' 46"	108° 58' 39"					D-49-62-D-b
sông Trà Bương	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 18' 41"	108° 55' 55"	13° 15' 02"	109° 00' 59"	D-49-62-B-d; D-49-62-D-b; D-49-63-A-c; D-49-63-C-a
suối Trà Kê	TV	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà			13° 11' 47"	108° 57' 19"	13° 12' 59"	108° 58' 51"	D-49-62-D-b
xóm Trại Lết	DC	xã Sơn Hội	H. Sơn Hoà	13° 12' 33"	108° 54' 59"					D-49-62-D-b
đường huyện 53	KX	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà			13° 03' 46"	109° 01' 56"	13° 09' 56"	109° 07' 47"	D-49-63-C-c
đường tỉnh 643	KX	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà			13° 11' 46"	108° 57' 52"	13° 12' 13"	109° 16' 09"	D-49-63-C-a; D-49-63-C-b
đường tỉnh 650	KX	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà			13° 11' 03"	109° 07' 25"	13° 18' 56"	109° 10' 57"	D-49-63-C-a; D-49-63-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Dinh Bà	KX	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà	13° 09' 54"	109° 07' 42"					D-49-63-C-b
Suối Cái	TV	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà			13° 09' 40"	109° 08' 32"	13° 02' 04"	109° 06' 25"	D-49-63-C-b
Suối Cầu	TV	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà			13° 11' 39"	109° 05' 18"	13° 13' 55"	109° 04' 47"	D-49-63-C-a
Suối Đá	TV	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà			13° 11' 28"	109° 06' 58"	13° 10' 45"	109° 06' 18"	D-49-63-C-a
Chợ Đồn	KX	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà	13° 09' 54"	109° 07' 53"					D-49-63-C-b
núi Đồng Càn	SV	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà	13° 13' 21"	109° 05' 16"					D-49-63-C-a
Suối Gấu	TV	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà			13° 10' 01"	109° 07' 28"	13° 10' 45"	109° 06' 18"	D-49-63-C-a
núi Hòn Lúp	SV	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà	13° 11' 28"	109° 06' 27"					D-49-63-C-a
suối Ông Năm	TV	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà			13° 10' 45"	109° 06' 18"	13° 08' 33"	109° 03' 59"	D-49-63-C-a
Phong Cao	DC	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà	13° 11' 36"	109° 05' 57"					D-49-63-C-a
thôn Phong Hậu	DC	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà	13° 11' 50"	109° 06' 24"					D-49-63-C-a
đập Suối Phên	KX	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà	13° 11' 28"	109° 07' 02"					D-49-63-C-a
hồ Suối Phên	TV	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà	13° 11' 30"	109° 07' 06"					D-49-63-C-a
thôn Suối Phên	DC	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà	13° 11' 07"	109° 07' 25"					D-49-63-C-a
Suối Tía	TV	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà			13° 11' 59"	109° 06' 32"	13° 13' 55"	109° 04' 47"	D-49-63-C-a
thôn Trung Trinh	DC	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà	13° 12' 27"	109° 06' 14"					D-49-63-C-a
hồ Vân Hoà	TV	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà	13° 10' 11"	109° 07' 46"					D-49-63-C-b
nông trường Vân Hoà	KX	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà	13° 11' 36"	109° 07' 02"					D-49-63-C-a
thôn Vân Hoà	DC	xã Sơn Long	H. Sơn Hoà	13° 10' 00"	109° 07' 54"					D-49-63-C-b
đường huyện 53	KX	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà			13° 03' 46"	109° 01' 56"	13° 09' 56"	109° 07' 47"	D-49-63-C-c
Hòn Bà	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 06' 28"	109° 02' 03"					D-49-63-C-c
Suối Bạc	TV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà			13° 09' 56"	109° 00' 49"	13° 04' 46"	109° 00' 32"	D-49-62-D-b; D-49-62-D-d; D-49-63-C-a; D-49-63-C-c
xóm Bò Nghé	DC	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 06' 36"	109° 02' 56"					D-49-63-C-c
Suối Cái	TV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà			13° 08' 33"	109° 03' 59"	13° 08' 00"	109° 02' 56"	D-49-63-C-a
Hòn Chai	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 07' 37"	109° 03' 04"					D-49-63-C-a
núi Da Tây	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 06' 33"	109° 04' 13"					D-49-63-C-c
Hòn Dung	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 06' 17"	109° 03' 50"					D-49-63-C-c
Hòn Đình	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 04' 49"	109° 01' 55"					D-49-63-C-c
Hòn Đoác	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 10' 30"	109° 02' 08"					D-49-63-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hòn Hàn	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 06' 26"	109° 00' 34"					D-49-63-C-c
Hòn Hiện	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 07' 08"	109° 01' 21"					D-49-63-C-c
suối Hồ Lở	TV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà			13° 08' 00"	109° 02' 56"	13° 07' 32"	109° 02' 30"	D-49-62-C-a
núi Hốc Cối	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 06' 56"	109° 00' 28"					D-49-63-C-c
núi Hòn Hang	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 04' 21"	109° 02' 44"					D-49-63-C-c
núi Hòn Me	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 05' 54"	109° 01' 47"					D-49-63-C-c
Hòn Lầu	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 08' 11"	108° 59' 57"					D-49-63-C-c
chùa Linh Sơn	KX	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 04' 52"	109° 02' 13"					D-49-63-C-c
Hòn Một	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 05' 32"	109° 01' 05"					D-49-63-C-c
cầu Ngã Hai	KX	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 04' 20"	109° 02' 10"					D-49-63-C-c
suối Ngã Hai	TV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà			13° 04' 46"	109° 00' 32"	13° 04' 18"	109° 02' 13"	D-49-63-C-c
thôn Nguyễn An	DC	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 04' 42"	109° 02' 15"					D-49-63-C-c
thôn Nguyễn Cam	DC	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 04' 54"	109° 01' 13"					D-49-63-C-c
thôn Nguyễn Hà	DC	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 04' 47"	109° 00' 50"					D-49-63-C-c
thôn Nguyễn Trang	DC	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 05' 19"	109° 02' 15"					D-49-63-C-c
thôn Nguyễn Xuân	DC	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 06' 52"	109° 02' 29"					D-49-63-C-c
Hòn Ông	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 05' 49"	109° 03' 21"					D-49-63-C-c
suối Ông Năm	TV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà			13° 10' 45"	109° 06' 18"	13° 08' 33"	109° 03' 59"	D-49-63-C-a
Suối Sâu	TV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà			13° 07' 10"	109° 00' 49"	13° 04' 25"	109° 01' 38"	D-49-63-C-a; D-49-63-C-c
nhà thờ Sơn Nguyên	KX	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 05' 05"	109° 01' 13"					D-49-63-C-c
cầu Suối Vực	KX	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 06' 19"	109° 02' 31"					D-49-63-C-c
Hòn Trầu	SV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà	13° 05' 50"	109° 00' 21"					D-49-63-C-c
sông Vực Cui	TV	xã Sơn Nguyên	H. Sơn Hoà			13° 07' 29"	109° 02' 31"	13° 04' 18"	109° 02' 13"	D-49-63-C-a; D-49-63-C-c
đường tỉnh 646	KX	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà			13° 03' 20"	108° 56' 43"	13° 11' 46"	108° 57' 52"	D-49-62-D-b; D-49-62-D-d
Núi Bà	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 07' 22"	108° 58' 21"					D-49-62-D-b; D-49-62-D-d
suối Bà Mến	TV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà			13° 10' 10"	108° 54' 33"	13° 08' 15"	108° 56' 48"	D-49-62-D-d
Suối Bạc	TV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà			13° 09' 56"	109° 00' 49"	13° 04' 46"	109° 00' 32"	D-49-63-C-a; D-49-62-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Đá Mài	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 09' 48"	108° 59' 19"					D-49-62-D-b
Hòn Đác	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 10' 30"	109° 02' 08"					D-49-63-C-a
Hòn Đát	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 10' 30"	108° 55' 45"					D-49-62-D-b
núi Gạc Nai	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 10' 43"	108° 57' 39"					D-49-62-D-b
cầu Gò Rộng 1	KX	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 09' 38"	108° 57' 03"					D-49-62-D-b
cầu Gò Rộng 2	KX	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 09' 59"	108° 57' 10"					D-49-62-D-b
núi Hà Gian	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 07' 58"	108° 54' 07"					D-49-62-D-b
suối Hà Lang	TV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà			13° 10' 15"	108° 53' 35"	13° 05' 40"	108° 48' 49"	D-49-62-D-b
cầu Hiệp Lai	KX	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 08' 16"	108° 56' 52"					D-49-62-D-b
núi Hòn Bà	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 10' 20"	108° 56' 23"					D-49-62-D-b
núi Hòn Lô	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 09' 00"	108° 58' 05"					D-49-62-D-b
núi Hòn Nón	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 08' 12"	108° 58' 15"					D-49-62-D-b
núi Hòn Ông	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 08' 39"	108° 57' 16"					D-49-62-D-b
thôn Hòn Ông	DC	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 06' 56"	108° 56' 53"					D-49-62-D-b
khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai	KX	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 07' 37"	108° 54' 06"					D-49-62-D-b
buôn Ma Gú	DC	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 10' 18"	108° 57' 34"					D-49-62-D-b
núi Mò Hon	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 07' 01"	108° 58' 01"					D-49-62-D-d
núi Mò O	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 07' 03"	108° 53' 33"					D-49-62-D-d
Suối Quanh	TV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà			13° 11' 38"	108° 58' 20"	13° 10' 11"	108° 57' 16"	D-49-62-D-b
Chư Rông	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 10' 47"	108° 53' 30"					D-49-62-D-b
cầu Số 2	KX	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 06' 15"	108° 56' 49"					D-49-62-D-d
cầu Số 3	KX	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	3° 06' 46"	108° 56' 52"					D-49-62-D-d
cầu Số 4	KX	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 07' 32"	108° 56' 57"					D-49-62-D-b
cầu Số 5	KX	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 08' 02"	108° 56' 53"					D-49-62-D-b
núi Sơ Tiêng	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 10' 04"	108° 52' 18"					D-49-62-D-a; D-49-62-D-b
thôn Tân Bình	DC	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 07' 24"	108° 56' 57"					D-49-62-D-d
cầu Tân Hiên	KX	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 10' 18"	108° 57' 18"					D-49-62-D-b
thôn Tân Hiên	DC	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 09' 41"	108° 57' 03"					D-49-62-D-b
thôn Tân Hoà	DC	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 08' 52"	108° 56' 42"					D-49-62-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Suối Thá	TV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà			13° 11' 41"	108° 55' 35"	13° 05' 32"	108° 55' 46"	D-49-62-D-b; D-49-62-D-d
núi Trà Lung	SV	xã Sơn Phước	H. Sơn Hoà	13° 08' 05"	108° 58' 21"					D-49-62-D-b
đường huyện 53	KX	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà			13° 03' 46"	109° 01' 56"	13° 09' 56"	109° 07' 47"	D-49-63-C-a; D-49-63-C-c
Suối Cái	TV	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà			13° 08' 33"	109° 03' 59"	13° 08' 00"	109° 02' 56"	D-49-63-C-a
Hòn Chai	SV	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà	13° 07' 37"	109° 03' 04"					D-49-63-C-a
núi Da Tây	SV	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà	13° 06' 33"	109° 04' 13"					D-49-63-C-c
Dòng Cui	SV	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà	13° 07' 38"	109° 04' 32"					D-49-63-C-a
Dòng Dâu	SV	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà	13° 07' 21"	109° 04' 49"					D-49-63-C-c
xóm Dốc Đỏ	DC	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà	13° 09' 49"	109° 07' 11"					D-49-63-C-a
suối Đá Chát	TV	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà			13° 07' 57"	109° 04' 49"	13° 06' 20"	109° 05' 25"	D-49-63-C-a; D-49-63-C-c
đồi Động Yên	SV	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà	13° 06' 56"	109° 03' 46"					D-49-63-C-c
Suối Đục	TV	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà			13° 08' 16"	109° 05' 40"	13° 06' 20"	109° 05' 25"	D-49-63-C-a; D-49-63-C-c
Suối Gấu	TV	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà			13° 10' 01"	109° 07' 28"	13° 10' 45"	109° 06' 18"	D-49-63-C-a
thôn Liên Sơn	DC	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà	13° 09' 46"	109° 06' 33"					D-49-63-C-a
thôn Lương Sơn	DC	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà	13° 09' 28"	109° 06' 06"					D-49-63-C-a
suối Ông Năm	TV	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà			13° 10' 45"	109° 06' 18"	13° 08' 33"	109° 03' 59"	D-49-63-C-a
xóm Phú Tân	DC	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà	13° 09' 58"	109° 06' 30"					D-49-63-C-a
thôn Xuân Sơn	DC	xã Sơn Xuân	H. Sơn Hoà	13° 07' 26"	109° 04' 04"					D-49-63-C-c
quốc lộ 25	KX	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà			13° 08' 10"	108° 46' 10"	13° 05' 05"	109° 17' 45"	D-49-62-D-d
đường tỉnh 646	KX	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà			13° 03' 20"	108° 56' 43"	13° 11' 46"	108° 57' 52"	D-49-62-D-d
Núi Bà	SV	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 06' 39"	108° 59' 06"					D-49-62-D-d
hồ Ba Vỡ	TV	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 05' 47"	108° 57' 56"					D-49-62-D-d
suối Ba Vỡ	TV	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà			13° 04' 43"	108° 59' 52"	13° 04' 46"	109° 00' 32"	D-49-62-D-d; D-49-63-C-c
Suối Bạc	TV	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà			13° 09' 56"	109° 00' 49"	13° 04' 25"	109° 01' 39"	D-49-62-D-d; D-49-63-C-c
hòn Cà Te	SV	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 07' 07"	108° 59' 10"					D-49-62-D-d
suối Chà Rang	TV	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà			13° 05' 07"	108° 50' 59"	13° 05' 33"	108° 55' 44"	D-49-62-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
cầu Châm Mâm	KX	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 05' 22"	108° 56' 38"					D-49-62-D-d
suối Châm Mâm	TV	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà			13° 06' 11"	108° 56' 45"	13° 04' 29"	108° 56' 19"	D-49-62-D-d
núi Mò O	SV	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 07' 03"	108° 53' 33"					D-49-62-D-d
Năm Ba	DC	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 05' 07"	109° 00' 09"					D-49-62-C-c
Hòn O	SV	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 05' 50"	108° 58' 09"					D-49-62-D-d
thôn Phú Hữu	DC	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 04' 19"	108° 59' 26"					D-49-62-D-d
Dốc Quýt	KX	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 04' 04"	108° 56' 51"					D-49-62-D-d
cầu Số 1	KX	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 05' 30"	108° 57' 00"					D-49-62-D-d
cầu Số 2	KX	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 06' 15"	108° 56' 49"					D-49-62-D-d
thôn Suối Bạc	DC	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 05' 51"	108° 59' 14"					D-49-62-D-d
thôn Tân An	DC	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 04' 48"	108° 05' 16"					D-49-62-D-d
thôn Tân Lập	DC	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 05' 49"	108° 56' 58"					D-49-62-D-d
thôn Tân Phú	DC	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 04' 33"	108° 58' 39"					D-49-62-D-d
thôn Tân Thành	DC	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà	13° 04' 48"	108° 58' 01"					D-49-62-D-d
Suối Thá	TV	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà			13° 11' 41"	108° 55' 35"	13° 05' 32"	108° 55' 46"	D-49-62-D-b; D-49-62-D-d
Suối Thá	TV	xã Suối Bạc	H. Sơn Hoà			13° 05' 32"	108° 55' 46"	13° 03' 32"	108° 56' 15"	D-49-62-D-d
Sông Ba	TV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà			13° 07' 00"	108° 45' 32"	13° 01' 39"	109° 03' 19"	D-49-62-D-c; D-49-62-D-d
suối Chư Quan	TV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà			13° 05' 59"	108° 50' 01"	13° 06' 03"	108° 48' 43"	D-49-62-D-c
Suối Cúc	TV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà			13° 06' 25"	108° 49' 55"	13° 06' 43"	108° 49' 16"	D-49-62-D-c
Núi Dài	SV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 03' 41"	108° 49' 54"					D-49-62-D-c
núi Dốc Nặng	SV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 03' 23"	108° 51' 35"					D-49-62-D-c
buôn Đoàn Kết	DC	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 02' 29"	108° 51' 09"					D-49-62-D-c
Suối Gào	TV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà			13° 02' 21"	108° 54' 05"	13° 02' 18"	108° 54' 50"	D-49-62-D-d
suối Hà Lang	TV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà			13° 10' 15"	108° 53' 35"	13° 05' 40"	108° 48' 49"	D-49-62-D-c
buôn Hoàn Thành	DC	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 02' 40"	108° 51' 33"					D-49-62-D-c
núi Hòn Bà	SV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 06' 11"	108° 50' 55"					D-49-62-D-c
núi Hòn Dung	SV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 01' 43"	108° 52' 30"					D-49-62-D-d
núi Hòn Đất	SV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 01' 58"	108° 53' 57"					D-49-62-D-d
núi Hòn Găng	SV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 04' 36"	108° 54' 25"					D-49-62-D-d
núi Hòn Ó	SV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 03' 54"	108° 53' 24"					D-49-62-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Hòn Ông	SV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 05' 21"	108° 50' 41"					D-49-62-D-c
núi Hòn Táo	SV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 06' 30"	108° 49' 44"					D-49-62-D-c
cầu Kênh Dẫn	KX	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 02' 40"	108° 53' 26"					D-49-62-D-d
khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai	KX	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 01' 44"	108° 52' 30"					D-49-62-D-c; D-49-62-D-d
Suối Năng	TV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà			13° 03' 52"	108° 51' 30"	13° 04' 19"	108° 48' 45"	D-49-62-D-c
hồ thủy điện Sông Ba Hạ	TV	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 03' 56"	108° 54' 38"					D-49-62-D-d
buôn Thống Nhất	DC	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 02' 31"	108° 54' 02"					D-49-62-D-d
buôn Xây Dựng	DC	xã Suối Trai	H. Sơn Hoà	13° 02' 42"	108° 52' 56"					D-49-62-D-d
Khu phố 1	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 59' 49"	108° 55' 04"					D-49-74-B-b
Khu phố 2	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 59' 26"	108° 54' 39"					D-49-74-B-b
Khu phố 3	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 59' 13	108° 54' 16"					D-49-74-B-b
Khu phố 4	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 58' 57"	108° 53' 58"					D-49-74-B-b
Khu phố 5	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 58' 44	108° 54' 01"					D-49-74-B-b
Khu phố 6	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 58' 49"	108° 53' 32"					D-49-74-B-b
Khu phố 7	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 59' 10"	108° 53' 41"					D-49-74-B-b
Khu phố 8	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 59' 20"	108° 53' 24"					D-49-74-B-b
Khu phố 9	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 59' 38"	108° 53' 10"					D-49-74-B-b
Khu phố 10	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 59' 46"	108° 52' 40"					D-49-74-B-b
quốc lộ 29	KX	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh			12° 59' 49"	108° 55' 06"	12° 58' 58"	108° 59' 19"	D-49-74-B-b
đường tỉnh 649	KX	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh			12° 48' 43"	108° 55' 32"	13° 03' 20"	108° 56' 43"	D-49-62-D-d; D-49-74-B-b
Sông Ba	TV	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh			13° 07' 00"	108° 45' 34"	13° 01' 39"	109° 03' 19"	D-49-62-D-d
chư Ba Men	SV	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 57' 52"	108° 52' 42"					D-49-62-D-d
Buôn Bách	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 58' 07"	108° 52' 10"					D-49-74-B-a
suối Bệnh Viện	TV	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh			12° 58' 17"	108° 53' 30"	12° 58' 28"	108° 55' 12"	D-49-74-B-b
Ea Bia	TV	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh			12° 58' 19"	108° 50' 26"	12° 58' 01"	108° 53' 05"	D-49-74-B-a; D-49-74-B-b
cầu Buôn Thô	KX	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 59' 19"	108° 54' 26"					D-49-74-B-b
Ea Din	TV	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh			12° 56' 24"	108° 50' 23"	12° 57' 55"	108° 52' 01"	D-49-74-B-a
cầu Ea Bia	KX	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 58' 35"	108° 54' 19"					D-49-74-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
hồ Ea Din	TV	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 58' 20"	108° 51' 58"					D-49-74-B-a
suối Ea Mơ Núr	TV	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh			12° 59' 30"	108° 52' 11"	12° 58' 41"	108° 53' 12"	D-49-74-B-a; D-49-74-B-b
buôn Hai Klóc	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 58' 49"	108° 54' 58"					D-49-74-B-b
buôn Hai Riêng	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 58' 45"	108° 54' 16"					D-49-74-B-b
buôn Lê Diêm	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 58' 25"	108° 53' 10"					D-49-74-B-b
hồ thủy điện Sông Ba Hạ	TV	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	13° 01' 22"	108° 53' 35"					D-49-62-D-d
Bệnh viện Đa khoa Sông Hinh	KX	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 58' 36"	108° 54' 07"					D-49-74-B-b
buôn Suối Mây	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	13° 00' 12"	108° 53' 36"					D-49-62-D-d
Buôn Thồ	DC	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 59' 29"	108° 54' 33"					D-49-74-B-b
Suối Tre	TV	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh			12° 59' 14"	108° 51' 32"	12° 59' 12"	108° 52' 45"	D-49-74-B-a; D-49-74-B-b
hồ Trung Tâm	TV	TT. Hai Riêng	H. Sông Hinh	12° 58' 26"	108° 53' 35"					D-49-74-B-b
quốc lộ 29	KX	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh			12° 59' 49"	108° 55' 06"	12° 58' 58"	108° 59' 19"	D-49-74-B-b
Chư Một	SV	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	12° 58' 04"	108° 56' 19"					D-49-74-B-b
Sông Ba	TV	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh			13° 07' 00"	108° 45' 34"	13° 01' 39"	109° 03' 19"	D-49-62-D-d
Suối Beo	TV	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh			12° 58' 57"	108° 58' 13"	12° 58' 41"	108° 59' 37"	D-49-74-B-b
Suối Biều	TV	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh			12° 58' 41"	108° 59' 37"	12° 58' 22"	109° 01' 36"	D-49-74-B-b; D-49-75-A-a
thôn Bình Giang	DC	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	12° 57' 05"	108° 56' 46"					D-49-74-B-b
đèo Bình Thào	KX	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	12° 58' 57"	108° 58' 24"					D-49-74-B-b
Suối Cái	TV	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh			13° 00' 30"	108° 58' 27"	13° 01' 24"	108° 58' 41"	D-49-62-D-d
Suối Châu	TV	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh			12° 59' 00"	108° 57' 26"	12° 59' 51"	108° 57' 32"	D-49-62-D-d
thôn Chí Thán	DC	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	13° 01' 43"	108° 57' 37"					D-49-62-D-d
Suối Dầu	TV	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh			12° 59' 51"	108° 57' 32"	13° 01' 01"	108° 56' 59"	D-49-62-D-d; D-49-74-B-b
Núi Đất	SV	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	12° 58' 46"	108° 57' 05"					D-49-74-B-b
thôn Đức Hiệp	DC	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	13° 00' 48"	108° 57' 55"					D-49-62-D-d
thôn Đức Hoà	DC	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	13° 00' 58"	108° 57' 27"					D-49-62-D-d
Sông Hinh	TV	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh			12° 50' 25"	108° 58' 33"	13° 01' 49"	108° 58' 21"	D-49-62-D-d; D-49-74-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Núi Lá	SV	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	13° 00' 17"	108° 59' 28"					D-49-62-D-d
kênh N1	TV	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh			13° 01' 02"	108° 57' 10"	13° 01' 46"	108° 58' 11"	D-49-62-D-d
kênh N2	TV	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh			13° 01' 03"	108° 57' 23"	13° 01' 02"	108° 56' 58"	D-49-62-D-d
đập Số 7	KX	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	12° 57' 3"	108° 58' 29"					D-49-74-B-b
đập Số 8	KX	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	12° 56' 17"	108° 58' 43"					D-49-74-B-b
đập Số 9	KX	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	12° 56' 23"	108° 58' 38"					D-49-74-B-b
đập Số 10	KX	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	12° 55' 47"	108° 59' 28"					D-49-74-B-b
cầu Sông Hinh	KX	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	12° 59' 26"	108° 56' 42"					D-49-74-B-b
hồ thủy điện Sông Hinh	TV	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	12° 55' 16"	108° 58' 16"					D-49-74-B-b
thôn Tân Lập	DC	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	12° 59' 20"	108° 57' 22"					D-49-74-B-b
Buôn Thung	DC	xã Đức Bình Đông	H. Sông Hinh	12° 56' 58"	108° 57' 31"					D-49-74-B-b
đường tỉnh 649	KX	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh			12° 48' 43"	108° 55' 32"	13° 03' 20"	108° 56' 43"	D-49-62-D-d
thôn An Hoà	DC	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 02' 23"	108° 56' 27"					D-49-62-D-d
Sông Ba	TV	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh			13° 07' 00"	108° 45' 34"	13° 01' 39"	109° 03' 19"	D-49-62-D-d
Suối Cả	TV	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh			13° 00' 20"	108° 54' 50"	13° 01' 44"	108° 57' 04"	D-49-62-D-d
núi Du Di	SV	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 00' 55"	108° 54' 39"					D-49-62-D-d
Suối Đá	TV	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh			13° 01' 25"	108° 56' 20"	13° 01' 34"	108° 56' 55"	D-49-62-D-d
núi Đá Đen	SV	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 00' 30"	108° 55' 57"					D-49-62-D-d
Núi Đất	SV	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 01' 53"	108° 55' 35"					D-49-62-D-d
thôn Đồng Phú	DC	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 02' 44"	108° 56' 26"					D-49-62-D-d
Sông Hinh	TV	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh			12° 50' 25"	108° 58' 33"	13° 01' 49"	108° 58' 21"	D-49-62-D-d
núi Hòn Giăng	SV	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 03' 08"	108° 55' 00"					D-49-62-D-d
núi Hòn Mò O	SV	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 01' 27"	108° 56' 41"					D-49-62-D-d
suối Lạch Cây Sung	TV	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh			13° 00' 38"	108° 55' 50"	13° 01' 15"	108° 56' 51"	D-49-62-D-d
buôn Mã Voi	DC	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 03' 08"	108° 56' 00"					D-49-62-D-d
Hòn Một	SV	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 02' 26"	108° 55' 23"					D-49-62-D-d
Hòn Ngãng	SV	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 01' 13"	108° 56' 29"					D-49-62-D-d
cầu Ông Này	KX	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 02' 16"	108° 56' 00"					D-49-62-D-d
buôn Quang Dù	DC	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 01' 44"	108° 55' 22"					D-49-62-D-d
Cầu Sắt	KX	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 00' 48"	108° 55' 21"					D-49-62-D-d
cầu Sông Ba	KX	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 03' 07"	108° 56' 35"					D-49-62-D-d
hồ thủy điện Sông Ba Hạ	TV	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 01' 22"	108° 53' 35"					D-49-62-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Tuy Bình	DC	xã Đức Bình Tây	H. Sông Hinh	13° 02' 27"	108° 57' 02"					D-49-62-D-d
quốc lộ 29	KX	xã Ea Bá	H. Sông Hinh			12° 57' 12"	108° 43' 17"	12° 59' 49"	108° 55' 06"	D-49-74-B-b
Sông Ba	TV	xã Ea Bá	H. Sông Hinh			13° 07' 00"	108° 45' 34"	13° 01' 39"	109° 03' 19"	D-49-62-D-c; D-49-62-D-d
Buôn Bá	DC	xã Ea Bá	H. Sông Hinh	13° 01' 46"	108° 50' 14"					D-49-62-D-c
Ea Bar	TV	xã Ea Bá	H. Sông Hinh			12° 52' 51"	108° 47' 49"	13° 02' 16"	108° 50' 31"	D-49-62-D-c
Buôn Bàu	DC	xã Ea Bá	H. Sông Hinh	13° 00' 40"	108° 51' 09"					D-49-62-D-c
Buôn Chao	DC	xã Ea Bá	H. Sông Hinh	13° 01' 50"	108° 49' 25"					D-49-62-D-c
chứ Cơ Mút	SV	xã Ea Bá	H. Sông Hinh	13° 01' 51"	108° 46' 44"					D-49-62-D-c
suối Đá	TV	xã Ea Bá	H. Sông Hinh			13° 01' 33"	108° 45' 28"	13° 03' 31"	108° 48' 48"	D-49-62-D-c
chứ Hơ Bó	SV	xã Ea Bá	H. Sông Hinh	12° 59' 23"	108° 49' 53"					D-49-74-B-a
Buôn Ken	DC	xã Ea Bá	H. Sông Hinh	13° 01' 23"	108° 50' 56"					D-49-62-D-c
suối Lơ Bon	TV	xã Ea Bá	H. Sông Hinh			12° 58' 02"	108° 49' 21"	13° 01' 18"	108° 51' 07"	D-49-62-D-c; D-49-74-B-a
hồ thủy điện Sông Ba Hạ	TV	xã Ea Bá	H. Sông Hinh	13° 01' 22"	108° 53' 35"					D-49-62-D-d
ea Thông Bư	TV	xã Ea Bá	H. Sông Hinh			13° 01' 29"	108° 46' 43"	13° 01' 20"	108° 48' 27"	D-49-62-D-c
chứ Tri Ang	SV	xã Ea Bá	H. Sông Hinh	13° 01' 09"	108° 49' 28"					D-49-62-D-c
quốc lộ 29	KX	xã Ea Bar	H. Sông Hinh			12° 57' 12"	108° 43' 17"	12° 59' 49"	108° 55' 06"	D-49-74-B-a
chứ Bang Krút	SV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 59' 40"	108° 46' 36"					D-49-74-B-a
Ea Bar	TV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh			12° 52' 51"	108° 47' 49"	13° 02' 16"	108° 50' 31"	D-49-62-D-c; D-49-74-B-a
Ea Bia	TV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh			12° 58' 19"	108° 50' 26"	12° 58' 01"	108° 53' 05"	D-49-74-B-a
thôn Chư Blôi	DC	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 56' 28"	108° 48' 18"					D-49-74-B-a
thôn Chư Blôi	DC	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 56' 02"	108° 47' 57"					D-49-74-B-a
hồ Chư Y Nhánh Đông	TV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 56' 16"	108° 48' 55"					D-49-74-B-a
hồ Chư Y Nhánh Tây	TV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 56' 40"	108° 48' 28"					D-49-74-B-a
Buôn Chung	DC	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 59' 14"	108° 47' 25"					D-49-74-B-a
chứ Cơ Mút	SV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	13° 01' 51"	108° 46' 44"					D-49-62-D-c
chứ Cơ Tú	SV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 58' 45"	108° 48' 10"					D-49-74-B-a
Ea Din	TV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh			12° 56' 24"	108° 50' 23"	12° 57' 55"	108° 52' 01"	D-49-74-B-a
suối Đá	TV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh			13° 01' 33"	108° 45' 28"	13° 03' 31"	108° 48' 48"	D-49-62-D-c
cầu Ea Bar	KX	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 59' 17"	108° 46' 57"					D-49-74-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Ea Din	DC	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 56' 01"	108° 49' 52"					D-49-74-B-a
hồ Ea Din	TV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 56' 21"	108° 49' 51"					D-49-74-B-a
cầu Ea Lơ Sá	KX	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 58' 16"	108° 49' 21"					D-49-74-B-a
thôn Ea MKeng	DC	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 57' 42"	108° 48' 50"					D-49-74-B-a
chứ Hơ Bó	SV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 59' 24"	108° 49' 52"					D-49-74-B-a
ea Lơ Bon	TV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh			12° 58' 02"	108° 49' 21"	13° 01' 18"	108° 51' 07"	D-49-74-B-a
chứ Lơ Má	SV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 58' 10"	108° 48' 53"					D-49-74-B-a
Ea Ly	TV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh			12° 56' 32"	108° 46' 54"	13° 02' 12"	108° 44' 37"	D-49-62-C-d; D-49-62-D-c; D-49-74-B-a
chứ Mờ Tâu Drâm	SV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 59' 39"	108° 47' 31"					D-49-74-B-a
Buôn Quen	DC	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 58' 04"	108° 48' 29"					D-49-74-B-a
thôn Tân An	DC	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 58' 59"	108° 46' 28"					D-49-74-B-a
ea Thông Bư	TV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh			13° 01' 29"	108° 46' 43"	13° 01' 20"	108° 48' 27"	D-49-62-D-c
Buôn Thứ	DC	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 58' 14"	108° 48' 28"					D-49-74-B-a
Buôn Trinh	DC	xã Ea Bar	H. Sông Hinh	12° 58' 01"	108° 48' 41"					D-49-74-B-a
Ea Trol	TV	xã Ea Bar	H. Sông Hinh			12° 48' 55"	108° 52' 36"	12° 56' 48"	108° 54' 34"	D-49-74-B-a
quốc lộ 29	KX	xã Ea Bia	H. Sông Hinh			12° 59' 49"	108° 55' 06"	12° 58' 58"	108° 59' 19"	D-49-74-B-b
đường tỉnh 649	KX	xã Ea Bia	H. Sông Hinh			12° 48' 43"	108° 55' 32"	13° 03' 20"	108° 56' 43"	D-49-74-B-b
sườn Bệnh Viện	TV	xã Ea Bia	H. Sông Hinh			12° 58' 17"	108° 53' 30"	12° 58' 28"	108° 55' 12"	D-49-74-B-b
Ea Bia	TV	xã Ea Bia	H. Sông Hinh			12° 58' 19"	108° 50' 26"	12° 58' 01"	108° 53' 05"	D-49-74-B-b
Chứ Canh	SV	xã Ea Bia	H. Sông Hinh	12° 59' 05"	108° 55' 51"					D-49-74-B-b
buôn Dành A	DC	xã Ea Bia	H. Sông Hinh	12° 57' 17"	108° 54' 12"					D-49-74-B-b
buôn Dành B	DC	xã Ea Bia	H. Sông Hinh	12° 57' 18"	108° 53' 59"					D-49-74-B-b
buôn Dôn Chách	DC	xã Ea Bia	H. Sông Hinh	12° 56' 34"	108° 56' 08"					D-49-74-B-b
cầu Ea Bia	KX	xã Ea Bia	H. Sông Hinh	12° 58' 35"	108° 54' 19"					D-49-74-B-b
buôn Hai Klóc	DC	xã Ea Bia	H. Sông Hinh	12° 58' 45"	108° 55' 01"					D-49-74-B-b
Sông Hinh	TV	xã Ea Bia	H. Sông Hinh			12° 50' 25"	108° 58' 33"	13° 01' 49"	108° 58' 21"	D-49-74-B-b
buôn Krông	DC	xã Ea Bia	H. Sông Hinh	12° 58' 14"	108° 54' 38"					D-49-74-B-b
buôn Ma Sung	DC	xã Ea Bia	H. Sông Hinh	12° 58' 49"	108° 55' 23"					D-49-74-B-b
Sườn Mây	TV	xã Ea Bia	H. Sông Hinh			12° 59' 37"	108° 55' 46"	12° 59' 59"	108° 56' 59"	D-49-74-B-b
Chư Một	SV	xã Ea Bia	H. Sông Hinh	12° 58' 04"	108° 56' 19"					D-49-74-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Buôn Nhum	DC	xã Ea Bia	H. Sông Hinh	12° 59' 37"	108° 56' 13"					D-49-74-B-b
cầu Sông Hinh	KX	xã Ea Bia	H. Sông Hinh	12° 59' 26"	108° 56' 42"					D-49-74-B-b
hồ Trung Tâm	TV	xã Ea Bia	H. Sông Hinh	12° 58' 26"	108° 53' 35"					D-49-74-B-b
đồi 75	SV	xã Ea Lâm	H. Sông Hinh	13° 02' 55"	108° 46' 20"					D-49-74-B-a
Sông Ba	TV	xã Ea Lâm	H. Sông Hinh			13° 07' 00"	108° 45' 34"	13° 01' 39"	109° 03' 19"	D-49-62-D-c
Buôn Bai	DC	xã Ea Lâm	H. Sông Hinh	13° 04' 21"	108° 46' 37"					D-49-62-D-c
buôn Bung A	DC	xã Ea Lâm	H. Sông Hinh	13° 04' 25"	108° 46' 09"					D-49-62-D-c
buôn Bung B	DC	xã Ea Lâm	H. Sông Hinh	13° 04' 30"	108° 46' 18"					D-49-62-D-c
ea Drá	TV	xã Ea Lâm	H. Sông Hinh			13° 01' 33"	108° 45' 28"	13° 03' 31"	108° 48' 48"	D-49-62-D-c
Ea Đố	TV	xã Ea Lâm	H. Sông Hinh			13° 04' 31"	108° 45' 57"	13° 05' 15"	108° 47' 44"	D-49-62-D-c
Buôn Gao	DC	xã Ea Lâm	H. Sông Hinh	13° 04' 34"	108° 45' 36"					D-49-62-D-c
Buôn Học	DC	xã Ea Lâm	H. Sông Hinh	13° 05' 17"	108° 45' 26"					D-49-62-D-c
Ea Ô	TV	xã Ea Lâm	H. Sông Hinh			13° 03' 45"	108° 45' 10"	13° 06' 00"	108° 45' 20"	D-49-62-D-c
Ea Sái	TV	xã Ea Lâm	H. Sông Hinh			13° 02' 43"	108° 45' 28"	13° 04' 45"	108° 48' 12"	D-49-62-D-c
quốc lộ 29	KX	xã Ea Ly	H. Sông Hinh			12° 57' 12"	108° 43' 17"	12° 59' 49"	108° 55' 06"	D-49-74-A-b;
chư Hồng Di Ao	SV	xã Ea Ly	H. Sông Hinh	13° 00' 54"	108° 42' 24"					D-49-74-B-a
thôn 2-4	DC	xã Ea Ly	H. Sông Hinh	12° 58' 30"	108° 44' 29"					D-49-74-A-b
suối Cơ Bang	TV	xã Ea Ly	H. Sông Hinh			12° 58' 24"	108° 43' 36"	12° 57' 17"	108° 43' 06"	D-49-74-A-b
suối Cơ Men	TV	xã Ea Ly	H. Sông Hinh			12° 54' 45"	108° 46' 36"	12° 56' 11"	108° 43' 53"	D-49-74-B-a
Buôn Dô	DC	xã Ea Ly	H. Sông Hinh	12° 59' 07"	108° 43' 06"					D-49-74-A-b
suối Đông Reng	TV	xã Ea Ly	H. Sông Hinh			12° 56' 11"	108° 45' 49"	12° 56' 36"	108° 42' 35"	D-49-74-A-b;
cầu Ea Đông Reng	KX	xã Ea Ly	H. Sông Hinh	12° 57' 12"	108° 43' 17"					D-49-74-A-b
cầu Ea Ly	KX	xã Ea Ly	H. Sông Hinh	12° 58' 16"	108° 44' 12"					D-49-74-A-b
sông Hơ Năng	TV	xã Ea Ly	H. Sông Hinh			12° 56' 25"	108° 42' 41"	13° 06' 10"	108° 45' 14"	D-49-62-C-d; D-49-74-A-b
Suối Hoan	TV	xã Ea Ly	H. Sông Hinh			13° 01' 7"	108° 43' 48"	13° 03' 05"	108° 43' 32"	D-49-62-C-d
Ea Ly	TV	xã Ea Ly	H. Sông Hinh			12° 56' 32"	108° 46' 54"	13° 02' 13"	108° 44' 37"	D-49-62-C-d; D-49-62-D-c; D-49-74-B-a
Hòn Một	SV	xã Ea Ly	H. Sông Hinh	13° 00' 15"	108° 45' 35"					D-49-62-D-c
Hòn Nhọn	SV	xã Ea Ly	H. Sông Hinh	13° 00' 32"	108° 44' 37"					D-49-62-C-d
thôn Tân Bình	DC	xã Ea Ly	H. Sông Hinh	12° 56' 39"	108° 46' 45"					D-49-74-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
hồ Tân Lập	TV	xã Ea Ly	H. Sông Hinh	12° 56' 23"	108° 46' 21"					D-49-74-B-a
thôn Tân Lập	DC	xã Ea Ly	H. Sông Hinh	12° 58' 24"	108° 46' 06"					D-49-74-B-a
thôn Tân Sơn	DC	xã Ea Ly	H. Sông Hinh	12° 57' 19"	108° 45' 20"					D-49-74-A-b
thôn Tân Yên	DC	xã Ea Ly	H. Sông Hinh	12° 58' 51"	108° 45' 50"					D-49-74-B-a
đường tỉnh 649	KX	xã Ea Trol	H. Sông Hinh			12° 48' 43"	108° 55' 32"	13° 03' 20"	108° 56' 43"	D-49-74-B-b; D-49-74-B-d
Chứ Bát	SV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 54' 22"	108° 54' 14"					D-49-74-B-b
Ea Din	TV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh			12° 56' 24"	108° 50' 23"	12° 57' 55"	108° 52' 01"	D-49-74-B-a
Chứ Dú	SV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 53' 39"	108° 52' 34"					D-49-74-B-b
Chứ Sắt	SV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 53' 37"	108° 53' 13"					D-49-74-B-b
Buôn Bàu	DC	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 56' 15"	108° 53' 08"					D-49-74-B-b
Ea Bia	TV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh			12° 58' 19"	108° 50' 26"	12° 58' 01"	108° 53' 05"	D-49-74-B-a; D-49-74-B-b
Hòn Chò	SV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 51' 27"	108° 53' 52"					D-49-74-B-d
thôn Chứ Sai	DC	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 56' 14"	108° 51' 11"					D-49-74-B-a
Hòn Cồ	SV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 50' 59"	108° 53' 17"					D-49-74-B-d
Buôn Đức	DC	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 54' 54"	108° 55' 20"					D-49-74-B-b
núi Ea Pác	SV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 54' 15"	108° 54' 42"					D-49-74-B-b
cầu Ea So	KX	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 51' 24"	108° 55' 31"					D-49-74-B-d
cầu Ea Trol	KX	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 56' 01"	108° 53' 53"					D-49-74-B-b
Sông Hinh	TV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh			12° 50' 25"	108° 58' 33"	13° 01' 49"	108° 58' 21"	D-49-74-B-b
chư Hơ Bãy	SV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 52' 16"	108° 50' 44"					D-49-74-B-c
thôn Kinh tế 2	DC	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 55' 54"	108° 56' 08"					D-49-74-B-b
Suối Lạnh	TV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh			12° 55' 04"	108° 52' 47"	12° 55' 56"	108° 53' 14"	D-49-74-B-b
Buôn Ly	DC	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 56' 40"	108° 52' 32"					D-49-74-B-b; D-49-74-B-a
chư Mơ Quy	SV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 49' 06"	108° 53' 06"					D-49-74-B-d
Buôn Mùi	DC	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 54' 46"	108° 55' 12"					D-49-74-B-b
mỏ đá Nhất Lam	KX	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 55' 31"	108° 56' 18"					D-49-74-B-b
Chư Pác	SV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 53' 07"	108° 54' 58"					D-49-74-B-b
chứ Ploi	SV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 53' 21"	108° 51' 28"					D-49-74-B-a
Hòn Que	SV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 50' 31"	108° 52' 52"					D-49-74-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Chư So	SV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 51' 26"	108° 54' 12"					D-49-74-B-d
Ea So	TV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh			12° 53' 09"	108° 54' 22"	12° 50' 44"	108° 55' 52"	D-49-74-B-b, D-49-74-B-d
hồ Sông Hinh	TV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 55' 16"	108° 58' 16"					D-49-74-B-b
Chư Su	SV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 54' 23"	108° 51' 42"					D-49-74-B-a
Buôn Thinh	DC	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 56' 10"	108° 53' 19"					D-49-74-B-b
Buôn Thu	DC	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 56' 11"	108° 53' 39"					D-49-74-B-b
Suối Tre	TV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh			12° 50' 45"	108° 55' 53"	12° 51' 46"	108° 56' 24"	D-49-74-B-d
Ea Trol	TV	xã Ea Trol	H. Sông Hinh			12° 48' 55"	108° 52' 36"	12° 56' 48"	108° 54' 34"	D-49-74-B-a; D-49-74-B-b; D-49-74-B-c; D-49-74-B-d
thôn Vĩnh Sơn	DC	xã Ea Trol	H. Sông Hinh	12° 51' 21"	108° 55' 47"					D-49-74-B-d
thôn 2A	DC	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 49' 26"	108° 58' 31"					D-49-74-B-d
thôn 2B	DC	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 49' 52"	108° 58' 28"					D-49-74-B-d
Thôn 3	DC	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 49' 14"	108° 58' 09"					D-49-74-B-d
đường tỉnh 649	KX	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh			12° 48' 43"	108° 55' 32"	13° 03' 20"	108° 56' 43"	D-49-74-B-d
Chư Sao	SV	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 52' 50"	108° 58' 46"					D-49-74-B-b
thôn Bình Sơn	DC	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 49' 16"	108° 56' 11"					D-49-74-B-d
Hòn Chò	SV	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 51' 27"	108° 53' 52"					D-49-74-B-d
Hòn Cồ	SV	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 50' 59"	108° 53' 17"					D-49-74-B-d
Chư Dan	SV	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 49' 09"	109° 02' 36"					D-49-75-A-c
Hòn Đác	SV	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 49' 52"	108° 56' 27"					D-49-74-B-d
cầu Ea So	KX	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 51' 24"	108° 55' 31"					D-49-74-B-d
Đơn vị tinh đội Ea So	KX	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 48' 52"	108° 55' 41"					D-49-74-B-d
Hòn Gió	SV	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 51' 44"	108° 59' 15"					D-49-74-B-d
Sông Hinh	TV	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh			12° 50' 25"	108° 58' 33"	13° 01' 49"	108° 58' 21"	D-49-74-B-b; D-49-74-B-d
cầu Hơ Ly	KX	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 49' 54"	108° 55' 00"					D-49-74-B-d
ea Hơ Ly	TV	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh			12° 50' 36"	108° 54' 17"	12° 50' 40"	108° 55' 53"	D-49-74-B-d
thôn Hoà Sơn	DC	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 50' 12"	108° 55' 13"					D-49-74-B-d
núi Hòn Vú	SV	xã Sông Hinh	H. Sông Hinh	12° 44' 41"	109° 05' 01"					D-49-75-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Buôn Kít	DC	xã Sông Hình	H. Sông Hình	12° 49' 53"	108° 54' 40"					D-49-74-B-d
Ea Ly	TV	xã Sông Hình	H. Sông Hình			12° 49' 30"	108° 55' 30"	12° 49' 49"	108° 55' 03"	D-49-74-B-d
chư Mơ Quy	SV	xã Sông Hình	H. Sông Hình	12° 49' 06"	108° 53' 06"					D-49-74-B-d
núi Mông Công	SV	xã Sông Hình	H. Sông Hình	12° 43' 26"	109° 01' 04"					D-49-75-C-a
Hòn Que	SV	xã Sông Hình	H. Sông Hình	12° 50' 31"	108° 52' 52"					D-49-74-B-d
Hòn Râm	SV	xã Sông Hình	H. Sông Hình	12° 49' 49"	108° 56' 56"					D-49-74-B-d
Suối Râm	TV	xã Sông Hình	H. Sông Hình			12° 49' 26"	108° 57' 25"	12° 49' 48"	108° 58' 11"	D-49-74-B-d
Chư So	SV	xã Sông Hình	H. Sông Hình	12° 51' 26"	108° 54' 12"					D-49-74-B-d
Ea So	TV	xã Sông Hình	H. Sông Hình			12° 53' 09"	108° 54' 22"	12° 50' 44"	108° 55' 52"	D-49-74-B-d
hồ Sông Hình	TV	xã Sông Hình	H. Sông Hình	12° 55' 16"	108° 58' 16"					D-49-74-B-b; D-49-74-B-d
thôn Suối Dừa	DC	xã Sông Hình	H. Sông Hình	12° 49' 11"	108° 57' 14"					D-49-74-B-d
ea Tà Ngao	TV	xã Sông Hình	H. Sông Hình			12° 45' 14"	109° 01' 29"	12° 46' 44"	108° 59' 10"	D-49-74-B-d; D-49-75-A-c; D-49-75-C-a
ea Tà Nghè	TV	xã Sông Hình	H. Sông Hình			12° 45' 20"	109° 05' 05"	12° 49' 47"	108° 59' 13"	D-49-74-B-d; D-49-75-A-c
chư Ta Ninh	SV	xã Sông Hình	H. Sông Hình	12° 46' 50"	109° 00' 53"					D-49-75-A-c
Chư Tanh	SV	xã Sông Hình	H. Sông Hình	12° 43' 48"	108° 59' 14"					D-49-74-D-b
Ea Thao	TV	xã Sông Hình	H. Sông Hình			12° 47' 36"	109° 05' 40"	12° 51' 38"	108° 59' 58"	D-49-74-B-d;
Suối Tre	TV	xã Sông Hình	H. Sông Hình			12° 50' 45"	108° 55' 53"	12° 51' 46"	108° 56' 24"	D-49-74-B-d
thôn Yên Sơn	DC	xã Sông Hình	H. Sông Hình	12° 49' 06"	108° 55' 18"					D-49-74-B-d
quốc lộ 29	KX	xã Sơn Giang	H. Sông Hình			12° 58' 58"	108° 59' 19"	12° 59' 45"	109° 07' 24"	D-49-74-B-b; D-49-75-A-a
Sông Ba	TV	xã Sơn Giang	H. Sông Hình			13° 07' 00"	108° 45' 34"	13° 01' 39"	109° 03' 19"	D-49-62-D-d; D-49-63-C-c
Suối Beo	TV	xã Sơn Giang	H. Sông Hình			12° 58' 57"	108° 58' 13"	12° 58' 41"	108° 59' 37"	D-49-74-B-b
Suối Biều	TV	xã Sơn Giang	H. Sông Hình			12° 58' 41"	108° 59' 37"	12° 58' 22"	109° 01' 36"	D-49-74-B-b; D-49-75-A-a
đèo Bình Thào	KX	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	12° 58' 57"	108° 58' 24"					D-49-74-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông Con	TV	xã Sơn Giang	H. Sông Hình			12° 53' 06"	109° 00' 00"	13° 01' 29"	109° 03' 06"	D-49-63-C-c; D-49-74-B-b; D-49-75-A-a
thôn Hà Giang	DC	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	13° 00' 54"	109° 02' 06"					D-49-63-C-c
Hòn Lá	SV	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	13° 01' 33"	109° 00' 56"					D-49-63-C-c
Núi Lá	SV	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	13° 00' 17"	108° 59' 28"					D-49-62-D-d
thôn Lộc Giang	DC	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	13° 00' 25"	109° 01' 51"					D-49-63-C-c
Hòn Một	SV	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	12° 58' 25"	109° 00' 45"					D-49-75-A-a
thôn Nam Giang	DC	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	12° 58' 40"	109° 01' 20"					D-49-75-A-a
thôn Phước Giang	DC	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	13° 00' 27"	109° 02' 07"					D-49-63-C-c
ngã ba Sơn Giang	KX	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	12° 58' 50"	109° 01' 55"					D-49-75-A-a
cầu Sông Nhau	KX	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	12° 58' 24"	109° 00' 40"					D-49-75-A-a
cầu Suối Biều	KX	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	12° 58' 36"	109° 00' 51"					D-49-75-A-a
thôn Suối Biều	DC	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	12° 58' 50"	108° 59' 37"					D-49-74-B-b
thôn Tân Giang	DC	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	13° 00' 10"	109° 01' 50"					D-49-63-C-c
thôn Vạn Giang	DC	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	12° 59' 07"	109° 01' 50"					D-49-75-A-a
thôn Vĩnh Giang	DC	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	13° 00' 07"	109° 01' 41"					D-49-63-C-c
thôn Vĩnh Lương	DC	xã Sơn Giang	H. Sông Hình	12° 59' 54"	109° 01' 53"					D-49-75-A-a
quốc lộ 29	KX	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà			12° 59' 45"	109° 07' 24"	13° 00' 04"	109° 19' 35"	D-49-63-C-d; D-49-63-D-c; D-49-75-A-b; D-49-75-B-a
đường tỉnh 645	KX	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà			13° 02' 34"	109° 18' 32"	12° 59' 51"	109° 15' 04"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-d; D-49-75-A-b; D-49-75-B-a
Bệnh viện Đa khoa huyện	KX	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà	13° 00' 00"	109° 14' 15"					D-49-63-C-d
kênh tiêu Bầu Năng	TV	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà			12° 58' 13"	109° 16' 03"	12° 59' 56"	109° 13' 00"	D-49-63-C-d;
sông Đà Rằng	TV	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-C-d;
Di tích Lịch sử văn hóa	KX	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà	12° 59' 51"	109° 15' 04"					D-49-75-B-a
cầu Gò Mắm	KX	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà	12° 59' 50"	109° 15' 04"					D-49-75-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Trạm Kênh Nam Đồng Cam	KX	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà	12° 59' 55"	109° 15' 03"					D-49-75-B-a
khu phố Mỹ Lệ Đông	DC	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà	13° 00' 21"	109° 14' 47"					D-49-63-C-d
khu phố Mỹ Lệ Tây	DC	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà	13° 00' 21"	109° 14' 34"					D-49-63-C-d
kênh chính Nam Đồng Cam	TV	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà			13° 02' 27"	109° 05' 02"	13° 03' 26"	109° 18' 56"	D-49-63-C-d; D-49-63-D-c
khu phố Phú Thứ	DC	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà	13° 00' 25"	109° 14' 05"					D-49-63-C-d
khu phố Phước Mỹ Tây	DC	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà	13° 00' 32"	109° 15' 08"					D-49-63-D-c
khu phố Phước Thịnh	DC	TT. Phú Thứ	H. Tây Hoà	13° 00' 21"	109° 13' 22"					D-49-63-C-d
đường tỉnh 645	KX	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà			13° 02' 34"	109° 18' 32"	12° 59' 51"	109° 15' 04"	D-49-63-D-c; D-49-63-D-d
cầu 4 Chân	KX	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà	13° 00' 59"	109° 16' 21"					D-49-63-D-c
kênh tiêu Bầu Bèo	TV	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà			13° 00' 06"	109° 16' 03"	13° 00' 21"	109° 17' 28"	D-49-63-D-c
Bầu Bèo	TV	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà			13° 00' 45"	109° 16' 49"	13° 00' 21"	109° 17' 28"	D-49-63-D-c
chùa Bửu Ân	KX	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà	13° 01' 31"	109° 17' 02"					D-49-63-D-c
sông Đà Rằng	TV	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-D-c
thôn Lạc Nghiệp	DC	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà	13° 01' 10"	109° 16' 04"					D-49-63-D-c
kênh chính Nam Đồng Cam	TV	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà			13° 02' 27"	109° 05' 02"	13° 03' 26"	109° 18' 56"	D-49-63-D-c
thôn Nông Nghiệp	DC	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà	13° 00' 28"	109° 16' 28"					D-49-63-D-c
cầu Phú Nông	KX	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà	13° 01' 30"	109° 17' 16"					D-49-75-B-a
thôn Phú Nông	DC	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà	13° 01' 41"	109° 16' 54"					D-49-63-D-c
thôn Phước Mỹ	DC	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà	13° 00' 43"	109° 15' 37"					D-49-63-D-c
cầu Phước Nông	KX	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà	13° 01' 08"	109° 16' 26"					D-49-63-D-c
thôn Phước Nông	DC	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà	13° 01' 17"	109° 16' 18"					D-49-63-D-c
hợp tác xã Tân Hoà Bình	KX	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà	13° 01' 28"	109° 16' 45"					D-49-63-D-c
chùa Thanh Long	KX	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà	13° 00' 54"	109° 16' 04"					D-49-63-D-c
Công ty trách nhiệm hữu hạn Giang Nam	KX	xã Hoà Bình 1	H. Tây Hoà	13° 00' 37"	109° 16' 35"					D-49-63-D-c
sông Bánh Lái	TV	xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà			12° 55' 10"	109° 08' 40"	12° 57' 54"	109° 15' 51"	D-49-75-A-b
kênh tiêu Bầu Năng	TV	xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà			12° 58' 13"	109° 16' 03"	12° 59' 56"	109° 13' 00"	D-49-75-A-b; D-49-75-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
kênh tiêu Cầu Tre	TV	xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà			12° 59' 06"	109° 12' 22"	12° 57' 16"	109° 14' 10"	D-49-75-A-b
Cầu Cháy	KX	xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà	12° 58' 22"	109° 13' 19"					D-49-75-A-b
Xóm Đào	DC	xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà	12° 57' 54"	109° 15' 23"					D-49-75-B-a
chợ Hoà Đồng	KX	xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà	12° 58' 59"	109° 13' 47"					D-49-75-A-b
thôn Mỹ Thuận Ngoài	DC	xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà	12° 59' 10"	109° 14' 09"					D-49-75-A-b
thôn Mỹ Thuận Trong	DC	xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà	12° 58' 29"	109° 14' 10"					D-49-75-A-b
thôn Phú Diễn Ngoài	DC	xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà	12° 59' 14"	109° 13' 47"					D-49-75-A-b
thôn Phú Diễn Trong	DC	xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà	12° 58' 27"	109° 13' 58"					D-49-75-A-b
thôn Phú Mỹ	DC	xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà	12° 58' 31"	109° 14' 51"					D-49-75-A-b
thôn Phú Phong	DC	xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà	12° 57' 38"	109° 14' 25"					D-49-75-A-b
thôn Vinh Ba	DC	xã Hoà Đồng	H. Tây Hoà	12° 59' 12"	109° 13' 06"					D-49-75-A-b
Hòn Ông	SV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 51' 08"	109° 11' 51"					D-49-75-A-d
Hòn Giu	SV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 49' 39"	109° 09' 52"					D-49-75-A-d
Gò Lây	SV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 58' 49"	109° 12' 10"					D-49-75-A-b
Cầu Bạ	KX	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 57' 14"	109° 12' 31"					D-49-75-A-b
sông Bánh Lái	TV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà			12° 55' 10"	109° 08' 40"	12° 57' 54"	109° 15' 51"	D-49-75-A-b
Bầu Trạch	DC	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 58' 19"	109° 12' 48"					D-49-75-A-b
cầu Bến Lội	KX	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 58' 05"	109° 12' 46"					D-49-75-A-b
cầu Bến Trâu	KX	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 56' 05"	109° 12' 14"					D-49-75-A-b
kênh tiêu Cầu Tre	TV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà			12° 59' 06"	109° 12' 22"	12° 57' 16"	109° 14' 10"	D-49-75-A-b
Hòn Chảo	SV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 54' 38"	109° 09' 48"					D-49-75-A-b
Cầu Cháy	KX	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 58' 22"	109° 13' 19"					D-49-75-A-b
Bầu Da	TV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà			12° 55' 33"	109° 13' 13"	12° 56' 35"	109° 13' 31"	D-49-75-A-b
núi Hòn Bỏ	SV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 58' 25"	109° 11' 12"					D-49-75-A-b
Bầu Hương	TV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà			12° 58' 18"	109° 10' 14"	12° 57' 58"	109° 12' 34"	D-49-75-A-b
Núi Hương	SV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 58' 36"	109° 11' 25"					D-49-75-A-b
Xóm Huỳnh	DC	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 58' 05"	109° 12' 39"					D-49-75-A-b
Núi Lá	SV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 56' 29"	109° 11' 44"					D-49-75-A-b
thôn Lạc Chi	DC	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 56' 00"	109° 12' 44"					D-49-75-A-b
chùa Long Tường	KX	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 56' 42"	109° 13' 26"					D-49-75-A-b
Suối Mua	TV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà			12° 53' 57"	109° 12' 43"	12° 56' 35"	109° 13' 31"	D-49-75-A-b
thôn Phú Nhiêu	DC	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 57' 36"	109° 12' 40"					D-49-75-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Phú Thọ	DC	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 57' 09"	109° 13' 28"					D-49-75-A-b
đình Phú Thuận	KX	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 57' 55"	109° 13' 21"					D-49-75-A-b
thôn Phú Thuận	DC	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 58' 15"	109° 13' 15"					D-49-75-A-b
Suối Phương	TV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà			12° 54' 13"	109° 10' 42"	12° 55' 29"	109° 11' 32"	D-49-75-A-b
Bàu Quay	TV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà			12° 57' 08"	109° 13' 52"	12° 58' 42"	109° 09' 00"	D-49-75-A-b
Bàu Trạnh	TV	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà			12° 58' 25"	109° 13' 11"	12° 57' 58"	109° 12' 34"	D-49-75-A-b
thôn Vạn Lộc	DC	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 58' 31"	109° 12' 05"					D-49-75-A-b
thôn Xuân Mỹ	DC	xã Hoà Mỹ Đông	H. Tây Hoà	12° 56' 38"	109° 12' 22"					D-49-75-A-b
sông Bánh Lái	TV	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà			12° 55' 10"	109° 08' 40"	12° 57' 54"	109° 15' 51"	D-49-75-A-b
Bến Đá	DC	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 55' 43"	109° 08' 10"					D-49-75-A-b
danh lam thắng cảnh Chùa	KX	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 06"	109° 12' 02"					D-49-75-A-b
Suối Dừa	TV	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà			12° 55' 42"	109° 07' 26"	12° 55' 51"	109° 08' 41"	D-49-75-A-b
Khu du lịch sinh thái Đá Đen	KX	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 55' 11"	109° 08' 31"					D-49-75-A-b
suối Đá Đen	TV	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà			12° 47' 52"	109° 08' 16"	12° 55' 10"	109° 08' 40"	D-49-75-A-b; D-49-75-A-c; D-49-75-A-d
Đồng Mâu	DC	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 55' 39"	109° 07' 38"					D-49-75-A-b
Hòn Giu	SV	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 49' 39"	109° 09' 52"					D-49-75-A-d
núi Hòn Bò	SV	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 25"	109° 11' 12"					D-49-75-A-b
núi Hòn Chảo	SV	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 54' 38"	109° 09' 48"					D-49-75-A-b
núi Hòn Trông	SV	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 54' 10"	109° 08' 03"					D-49-75-A-b
Bàu Hương	TV	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà			12° 58' 18"	109° 10' 14"	12° 57' 58"	109° 12' 34"	D-49-75-A-b
Núi Hương	SV	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 36"	109° 11' 25"					D-49-75-A-b
hòn Kỳ Đà	SV	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 53' 25"	109° 06' 55"					D-49-75-A-a
Núi Lá	SV	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 56' 29"	109° 11' 44"					D-49-75-A-b
núi Mật Cật	SV	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 56' 29"	109° 08' 05"					D-49-75-A-b
thôn Mỹ Phú	DC	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 57' 41"	109° 10' 55"					D-49-75-A-b
thôn Mỹ Thành	DC	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 56' 02"	109° 09' 14"					D-49-75-A-b
thôn Ngọc Lâm	DC	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 56' 16"	109° 11' 11"					D-49-75-A-b
thôn Quảng Mỹ	DC	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 56' 59"	109° 11' 19"					D-49-75-A-b
Bàu Quay	TV	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà			12° 57' 08"	109° 13' 52"	12° 58' 42"	109° 09' 00"	D-49-75-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Thạnh Phú	DC	xã Hoà Mỹ Tây	H. Tây Hoà	12° 57' 57"	109° 11' 53"					D-49-75-A-b
quốc lộ 29	KX	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà			12° 59' 45"	109° 07' 24"	13° 00' 04"	109° 19' 35"	D-49-63-C-d; D-49-75-A-b
Bàu Hương	TV	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà			12° 58' 18"	109° 10' 14"	12° 57' 58"	109° 12' 34"	D-49-75-A-b
Núi Bà	SV	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	13° 00' 33"	109° 12' 17"					D-49-63-C-d
kênh tiêu Bàu Năng	TV	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà			12° 58' 13"	109° 16' 03"	12° 59' 56"	109° 13' 00"	D-49-63-C-d
kênh tiêu Cầu Tre	TV	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà			12° 59' 06"	109° 12' 22"	12° 57' 16"	109° 14' 10"	D-49-75-A-b
sông Đà Rằng	TV	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-C-d
Núi Đất	SV	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	12° 59' 08"	109° 11' 43"					D-49-75-A-b
xóm Đông Thuyền	DC	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	12° 59' 28"	109° 12' 24"					D-49-75-A-b
đường Hoà Phong-Phú Nhiêu	KX	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà			12° 59' 11"	109° 11' 33"	12° 59' 44"	109° 11' 30"	D-49-63-C-d; D-49-75-A-b
Núi Hương	SV	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	12° 58' 36"	109° 11' 25"					D-49-75-A-b
bãi rác huyện Tây Hoà	KX	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	12° 58' 41"	109° 11' 07"					D-49-75-A-b
nghĩa trang huyện Tây Hoà	KX	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	12° 58' 50"	109° 11' 05"					D-49-75-A-b
Núi Miếu	SV	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	13° 00' 36"	109° 12' 28"					D-49-63-C-d
thôn Mỹ Thạnh Đông 1	DC	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	13° 00' 08"	109° 12' 17"					D-49-63-C-d
thôn Mỹ Thạnh Đông 2	DC	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	12° 59' 56"	109° 12' 15"					D-49-63-C-d
thôn Mỹ Thạnh Nam	DC	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	12° 59' 16"	109° 11' 05"					D-49-75-A-b
thôn Mỹ Thạnh Tây	DC	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	12° 59' 54"	109° 11' 16"					D-49-75-A-b
thôn Mỹ Thạnh Trung 1	DC	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	12° 59' 42"	109° 11' 46"					D-49-75-A-b
thôn Mỹ Thạnh Trung 2	DC	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	12° 59' 02"	109° 11' 50"					D-49-75-A-b
đường N4	KX	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà			12° 59' 52"	109° 11' 32"	12° 59' 27"	109° 10' 39"	D-49-63-C-d; D-49-75-A-b
đường N6	KX	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà			12° 58' 09"	109° 15' 48"	13° 00' 01"	109° 12' 18"	D-49-63-C-d; D-49-75-A-b
kênh chính Nam Đồng Cam	TV	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà			13° 02' 27"	109° 05' 02"	13° 03' 26"	109° 18' 56"	D-49-63-C-d; D-49-75-A-b
thôn Phước Thành Đông	DC	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	13° 00' 28"	109° 13' 01"					D-49-63-C-d
thôn Phước Thành Nam	DC	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	12° 59' 37"	109° 12' 50"					D-49-75-A-b
Núi Sặc	SV	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	12° 59' 39"	109° 10' 51"					D-49-75-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Núi Thơm	SV	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	12° 59' 05"	109° 10' 52"					D-49-75-A-b
Núi Trại	SV	xã Hoà Phong	H. Tây Hoà	13° 00' 25"	109° 12' 13"					D-49-63-C-d
quốc lộ 29	KX	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà			12° 58' 58"	108° 59' 19"	12° 59' 45"	109° 07' 24"	D-49-75-A-a; D-49-75-A-b
Cơ sở Giáo dưỡnɡ A1	KX	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 58' 29"	109° 07' 07"					D-49-75-A-a
bàu Bến Cát	TV	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà			12° 58' 28"	109° 10' 01"	12° 58' 15"	109° 09' 38"	D-49-75-A-b
cầu Bình Sơn	KX	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 58' 20"	109° 07' 12"					D-49-75-A-b
trạm bơm điện Bình Sơn	KX	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 58' 18"	109° 07' 10"					D-49-75-A-a
Bàu Chợ	TV	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà			12° 58' 15"	109° 09' 38"	12° 58' 42"	109° 09' 00"	D-49-75-A-b
sông Đà Rằng	TV	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-C-c; D-49-63-C-d; D-49-75-A-a; D-49-75-A-b
sông Đông Bò	TV	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà			12° 58' 29"	109° 06' 57"	12° 59' 04"	109° 09' 33"	D-49-75-A-a; D-49-75-A-b
cầu Đồng Bò	KX	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 58' 52"	109° 09' 22"					D-49-75-A-a
Bàu Gốc	TV	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà			12° 57' 56"	109° 10' 06"	12° 58' 15"	109° 09' 38"	D-49-75-A-b
Núi Hương	SV	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 58' 36"	109° 11' 25"					D-49-75-A-b
cầu Lạc Mỹ	KX	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 59' 45"	109° 07' 23"					D-49-75-A-a
thôn Lạc Mỹ	DC	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 59' 39"	109° 07' 36"					D-49-75-A-b
thôn Liên Thạch	DC	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 59' 23"	109° 08' 05"					D-49-75-A-b
thôn Lương Phước	DC	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 58' 57"	109° 09' 48"					D-49-75-A-b
núi Mật Cật	SV	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 56' 17"	109° 07' 34"					D-49-75-A-b
Núi Một	SV	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 58' 57"	109° 08' 40"					D-49-75-A-b
kênh chính Nam Đồng Cam	TV	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà			13° 02' 27"	109° 05' 02"	13° 03' 26"	109° 18' 56"	D-49-63-C-c; D-49-75-A-a; D-49-75-A-b
Núi Sặc	SV	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 59' 39"	109° 10' 51"					D-49-75-A-b
Bàu Sen	TV	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà			12° 58' 18"	109° 10' 14"	12° 58' 58"	109° 10' 56"	D-49-75-A-b
cầu Sếp Thông	KX	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 58' 49"	109° 09' 47"					D-49-75-A-b
đường huyện 83	KX	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà			12° 58' 49"	109° 09' 47"	12° 56' 39"	109° 11' 29"	D-49-75-A-b
thôn Tân Mỹ	DC	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 59' 30"	109° 10' 28"					D-49-75-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Thạch Bàn	DC	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 58' 56"	109° 09' 08"					D-49-75-A-b
Núi Vải	SV	xã Hoà Phú	H. Tây Hoà	12° 58' 29"	109° 10' 15"					D-49-75-A-b
quốc lộ 29	KX	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà			12° 59' 45"	109° 07' 24"	13° 00' 04"	109° 19' 35"	D-49-75-A-a
sông Bàn Thạch	TV	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà			12° 58' 22"	109° 16' 11"	12° 57' 03"	109° 25' 25"	D-49-75-B-a
sông Bánh Lái	TV	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà			12° 55' 10"	109° 08' 40"	12° 57' 54"	109° 15' 51"	D-49-75-A-b
kênh tiêu Bầu Bèo	TV	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà			13° 00' 06"	109° 16' 03"	13° 00' 21"	109° 17' 28"	D-49-63-D-c
kênh tiêu Bầu Năng	TV	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà			12° 58' 13"	109° 16' 03"	12° 59' 56"	109° 13' 00"	D-49-75-B-a
cầu Bến Sách	KX	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 22"	109° 16' 11"					D-49-75-B-a
Suối Cùng	TV	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà			12° 54' 30"	109° 17' 29"	12° 56' 37"	109° 15' 52"	D-49-75-B-a
hồ Hóc Răm	TV	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà	12° 56' 20"	109° 16' 57"					D-49-75-B-a
thôn Hội Cư	DC	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà	12° 59' 27"	109° 16' 20"					D-49-75-B-a
Núi Một	SV	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà	12° 59' 22"	109° 15' 48"					D-49-75-B-a
kênh chính Nam Đồng Cam	TV	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà			12° 59' 50"	109° 15' 05"	12° 58' 56"	109° 21' 17"	D-49-63-D-c
thôn Phú Khánh	DC	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà	12° 59' 20"	109° 15' 29"					D-49-75-B-a
Xóm Trần	DC	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 59"	109° 15' 12"					D-49-75-B-a
Sông Trong	TV	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà			12° 57' 13"	109° 16' 17"	12° 58' 41"	109° 16' 30"	D-49-75-B-a
thôn Xuân Thạnh 1	DC	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà	12° 59' 47"	109° 16' 29"					D-49-75-B-a
thôn Xuân Thạnh 2	DC	xã Hoà Tân Tây	H. Tây Hoà	12° 59' 44"	109° 15' 47"					D-49-75-B-a
đập An San	KX	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 55' 06"	109° 14' 01"					D-49-75-A-b
sông Bánh Lái	TV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà			12° 55' 10"	109° 08' 40"	12° 57' 54"	109° 15' 51"	D-49-75-A-b; D-49-75-B-a
cầu Bến Cùi	KX	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 57' 24"	109° 13' 54"					D-49-75-A-b
Bầu Cả	TV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà			12° 56' 19"	109° 15' 06"	12° 56' 40"	109° 15' 27"	D-49-75-A-b
thôn Cảnh Tịnh	DC	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 56' 31"	109° 13' 50"					D-49-75-A-b
Hòn Chuối	SV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 54' 32"	109° 14' 43"					D-49-75-A-b;
Suối Cùng	TV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà			12° 54' 30"	109° 17' 29"	12° 56' 37"	109° 15' 52"	D-49-75-B-a
Bầu Đá	TV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 55' 45"	109° 15' 53"					D-49-75-B-a
Khu du lịch Đá Bàn	KX	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 52' 47"	109° 14' 26"					D-49-75-A-b
núi Đá Chồng	SV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 53' 53"	109° 15' 48"					D-49-75-B-a
Khu di tích lịch sử Đồng Khởi-Hoà Thịnh	KX	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 54' 53"	109° 14' 58"					D-49-75-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Hòn Ông	SV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 51' 08"	109° 11' 51"					D-49-75-A-d
núi Hóc Nôm	SV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 55' 04"	109° 18' 10"					D-49-75-B-a
núi Hòn Quay	SV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 53' 59"	109° 14' 14"					D-49-75-A-b
Sông Mới	TV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà			12° 51' 53"	109° 17' 23"	12° 54' 43"	109° 22' 23"	D-49-75-B-a; D-49-75-B-c
Suối Mua	TV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà			12° 53' 57"	109° 12' 43"	12° 56' 35"	109° 13' 31"	D-49-75-A-b
thôn Mỹ Cảnh	DC	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 55' 9"	109° 13' 50"					D-49-75-A-b
thôn Mỹ Điền	DC	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 55' 40"	109° 15' 29"					D-49-75-B-a
thôn Mỹ Hoà	DC	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 56' 29"	109° 14' 26"					D-49-75-A-b
hồ chứa nước Mỹ Lâm	TV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 53' 37"	109° 13' 59"					D-49-75-A-b
thôn Mỹ Lâm	DC	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 55' 14"	109° 14' 17"					D-49-75-A-b
thôn Mỹ Phú	DC	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 55' 38"	109° 14' 34"					D-49-75-A-b
thôn Mỹ Trung	DC	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 56' 01"	109° 14' 38"					D-49-75-A-b
thôn Mỹ Xuân 1	DC	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 56' 01"	109° 14' 4"					D-49-75-A-b
thôn Mỹ Xuân 2	DC	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 55' 39"	109° 14' 09"					D-49-75-A-b
Hòn Ngang	SV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 48' 48"	109° 13' 35"					D-49-75-A-d
chùa Phi Lai	KX	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 56' 08"	109° 14' 33"					D-49-75-A-b
đập Phú Hữu	KX	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 56' 40"	109° 13' 59"					D-49-75-A-b
thôn Phú Hữu	DC	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 56' 52"	109° 14' 27"					D-49-75-A-b
Bầu Sét	TV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 56' 17"	109° 14' 19"					D-49-75-A-b
Khu du lịch Suối Lạnh	KX	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà	12° 55' 07"	109° 15' 47"					D-49-75-B-a
Sông Trong	TV	xã Hoà Thịnh	H. Tây Hoà			12° 50' 19"	109° 14' 49"	12° 55' 02"	109° 14' 02"	D-49-75-B-a; D-49-75-A-d
quốc lộ 29	KX	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà			12° 58' 58"	108° 59' 19"	12° 59' 45"	109° 07' 24"	D-49-75-A-a
Suối Bà	TV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà			12° 57' 49"	109° 04' 29"	12° 57' 23"	109° 05' 54"	D-49-75-A-a
thôn Bình Thắng	DC	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	12° 58' 57"	109° 05' 38"					D-49-75-A-a
sông Chổng Gậy	TV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà			12° 52' 51"	109° 04' 19"	12° 58' 29"	109° 06' 57"	D-49-75-A-a
sông Đà Rằng	TV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-C-c
đập Đồng Cam	KX	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	13° 02' 42"	109° 05' 05"					D-49-63-C-c
hồ Đồng Tròn	TV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	12° 58' 23"	109° 04' 29"					D-49-75-A-a
núi Hòn Cát	SV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	13° 00' 27"	109° 06' 08"					D-49-63-C-c
núi Hòn Cát Trên	SV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	13° 01' 51"	109° 04' 28"					D-49-63-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Hòn Hàn	SV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	13° 02' 29"	109° 04' 50"					D-49-63-C-c
núi Hòn Hiền	SV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	13° 00' 17"	109° 04' 47"					D-49-63-C-c
núi Hòn Ông	SV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	13° 00' 11"	109° 06' 28"					D-49-63-C-c
núi Hòn Sặc	SV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	12° 59' 50"	109° 05' 00"					D-49-63-A-a
Núi Kén	SV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	12° 59' 16"	109° 06' 57"					D-49-75-A-a
hòn Kỳ Đà	SV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	12° 53' 25"	109° 06' 55"					D-49-75-A-a
thôn Lạc Điền	DC	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	12° 59' 24"	109° 05' 58"					D-49-75-A-a
suối Lạch Sanh	TV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà			12° 55' 37"	109° 05' 16"	12° 56' 32"	109° 05' 57"	D-49-75-A-a
thôn Lễ Lộc Bình	DC	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	12° 59' 30"	109° 06' 19"					D-49-75-A-a
thôn Mỹ Bình	DC	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	12° 58' 55"	109° 05' 08"					D-49-75-A-a
kênh chính Nam Đồng Cam	TV	xã Sơn Thành Đông	H. Tây Hoà			13° 02' 27"	109° 05' 02"	13° 03' 26"	109° 18' 56"	D-49-63-C-c
thôn Phú Thịnh	DC	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	12° 59' 04"	109° 06' 17"					D-49-75-A-a
núi Quy Hội	SV	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	13° 00' 58"	109° 06' 08"					D-49-63-C-c
thôn Thân Bình Đông	DC	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	12° 59' 24"	109° 06' 55"					D-49-75-A-a
thôn Thành An	DC	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	13° 01' 24"	109° 05' 38"					D-49-63-C-c
thôn Trường Thành	DC	xã Sơn Thành	H. Tây Hoà	12° 59' 28"	109° 05' 25"					D-49-75-A-a
quốc lộ 29	KX	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà			12° 58' 58"	108° 59' 19"	12° 59' 45"	109° 07' 24"	D-49-75-A-a
Sông Ba	TV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà			13° 01' 39"	109° 03' 19"	13° 05' 03"	109° 19' 52"	D-49-63-C-c
cầu Bà Sào	KX	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 57' 59"	109° 02' 16"					D-49-75-A-a
Suối Buôn	TV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà			12° 55' 09"	109° 02' 47"	12° 56' 59"	109° 01' 39"	D-49-75-A-a
Sông Con	TV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà			12° 53' 06"	109° 00' 00"	13° 01' 29"	109° 03' 06"	D-49-63-C-c; D-49-75-A-a
thôn Đá Mài	DC	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 01"	109° 01' 55"					D-49-75-A-a
núi Hòn Cát Trên	SV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	13° 01' 51"	109° 04' 28"					D-49-63-C-c
núi Hòn Chúa	SV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 52' 48"	109° 02' 40"					D-49-75-A-a
núi Hòn Hiền	SV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	13° 00' 17"	109° 04' 47"					D-49-63-C-c
núi Hòn Ngang	SV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 59' 04"	109° 02' 34"					D-49-63-C-c; D-49-75-A-a
núi Hòn Sặc	SV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 59' 50"	109° 05' 00"					D-49-75-A-a
cầu Lạc Đạo	KX	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 56' 38"	109° 01' 43"					D-49-75-A-a
thôn Lạc Đạo	DC	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 56' 37"	109° 01' 38"					D-49-75-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
hồ Lạc Phong	TV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 06"	109° 03' 51"					D-49-75-A-a
núi Mái Nhà	SV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 59' 27"	109° 04' 13"					D-49-75-A-a
thôn Sơn Nghiệp	DC	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	13° 00' 08"	109° 04' 34"					D-49-63-C-c
thôn Sơn Tây	DC	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 45"	109° 03' 29"					D-49-75-A-a
hồ Sơn Tây Hạ	TV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 42"	109° 03' 19"					D-49-75-A-a
hồ Sơn Tây Thượng	TV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 59' 09"	109° 03' 16"					D-49-75-A-a
thôn Sơn Thọ	DC	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 23"	109° 03' 59"					D-49-75-A-a
thôn Sơn Trường	DC	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 59' 27"	109° 03' 31"					D-49-75-A-a
cầu Sông Nhau	KX	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 23"	109° 01' 40"					D-49-75-A-a
cầu Suối Bà	KX	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 20"	109° 03' 28"					D-49-75-A-a
hồ Suối Hiền	TV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 59' 46"	109° 04' 50"					D-49-75-A-a
thôn Tịnh Thọ	DC	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 46"	109° 04' 41"					D-49-75-A-a
hồ Trường Lạc	TV	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	13° 00' 19"	109° 03' 09"					D-49-63-C-c
Công ty Vina Coffee Sơn Thành	KX	xã Sơn Thành Tây	H. Tây Hoà	12° 58' 37"	109° 03' 52"					D-49-75-A-a
Quốc lộ 1	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-A-d
đường tỉnh 641	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An			13° 31' 49"	109° 01' 13"	13° 18' 24"	109° 12' 51"	D-49-63-A-d
Núi Bà	SV	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 17' 25"	109° 12' 12"					D-49-63-A-d
Sông Cái	TV	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An			13° 21' 56"	109° 07' 54"	13° 21' 28"	109° 15' 46"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
chùa Cánh Phước	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 19' 20"	109° 12' 41"					D-49-63-A-d
khu phố Chí Đức	DC	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 17' 42"	109° 13' 36"					D-49-63-A-d
ga Chí Thạnh	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 18' 21"	109° 13' 03"					D-49-63-A-d
khu phố Chí Thạnh	DC	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 18' 35"	109° 12' 46"					D-49-63-A-d
núi Đá Chác	SV	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 18' 56"	109° 12' 29"					D-49-63-A-d
suối Đông Sa	TV	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An			13° 16' 18"	109° 13' 08"	13° 18' 59"	109° 13' 04"	D-49-63-A-d
đập Hà Yến	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 19' 03"	109° 13' 03"					D-49-63-A-d
sông Hà Yến	TV	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An			13° 19' 03"	109° 13' 03"	13° 19' 38"	109° 12' 48"	D-49-63-A-d
cầu Lò Gốm	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 19' 38"	109° 12' 49"					D-49-63-A-d
cầu Long Bình	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 17' 54"	109° 12' 48"					D-49-63-A-d
khu phố Long Bình	DC	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 18' 10"	109° 12' 48"					D-49-63-A-d
cầu Ngân Sơn	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 19' 41"	109° 12' 27"					D-49-63-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khu phố Ngân Sơn	DC	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 19' 22"	109° 12' 48"					D-49-63-A-d
sông Ngân Sơn	TV	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An			13° 17' 47"	109° 15' 01"	13° 19' 03"	109° 13' 03"	D-49-63-A-d
đập Ông Tấn	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 18' 27"	109° 13' 21"					D-49-63-A-d
đèo Tam Giang	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 17' 52"	109° 13' 56"					D-49-63-A-d
đồi Tam Giang	SV	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 17' 12"	109° 13' 40"					D-49-63-A-d
chùa Thanh Bình	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 18' 05"	109° 12' 50"					D-49-63-A-d
chùa Thanh Sơn	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 17' 36"	109° 13' 45"					D-49-63-A-d
Đèo Thị	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 18' 38"	109° 12' 12"					D-49-63-A-d
nhà thờ Tin Lành	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 18' 31"	109° 12' 26"					D-49-63-A-d
khu phố Trường Xuân	DC	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 18' 54"	109° 12' 54"					D-49-63-A-d
Bệnh viện Tuy An	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 18' 56"	109° 13' 04"					D-49-63-A-d
Đài tưởng niệm Vụ thảm sát Ngân Sơn-Chí Thạnh	KX	TT. Chí Thạnh	H. Tuy An	13° 18' 30"	109° 12' 44"					D-49-63-A-d
Quốc lộ 1	KX	xã An Chấn	H. Tuy An			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-D-a
Khu du lịch Bãi Xếp	KX	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 11' 28"	109° 17' 59"					D-49-63-D-a
trụ Chiến Công	KX	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 11' 23"	109° 16' 25"					D-49-63-D-a
Hòn Chùa	SV	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 10' 43"	109° 18' 34"					D-49-63-D-a
mỏ đá Diệp Minh	KX	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 11' 19"	109° 15' 40"					D-49-63-D-a
bầu Đồng Nai	TV	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 10' 38"	109° 17' 21"					D-49-63-D-a
Gành Bà	TV	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 11' 19"	109° 18' 08"					D-49-63-D-a
mỏ đá Hải Thạch	KX	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 10' 59"	109° 15' 46"					D-49-63-D-a
Áp Lý	DC	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 11' 08"	109° 16' 25"					D-49-63-D-a
thôn Mỹ Quang Bắc	DC	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 11' 10"	109° 17' 48"					D-49-63-D-a
thôn Mỹ Quang Nam	DC	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 10' 38"	109° 17' 34"					D-49-63-D-a
Gành Ông	TV	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 11' 41"	109° 17' 53"					D-49-63-D-a
thôn Phú Phong	DC	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 11' 25"	109° 17' 00"					D-49-63-D-a
thôn Phú Quý	DC	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 11' 13"	109° 17' 09"					D-49-63-D-a
thôn Phú Thạnh	DC	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 10' 59"	109° 16' 55"					D-49-63-D-a
Nhà máy xi măng Phú Yên	KX	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 11' 22"	109° 16' 29"					D-49-63-D-a
Hòn Than	SV	xã An Chấn	H. Tuy An	13° 10' 22"	109° 19' 06"					D-49-63-D-a
Quốc lộ 1	KX	xã An Cư	H. Tuy An			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Đội 9	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 18' 30"	109° 13' 42"					D-49-63-A-d
Trường Mầm non An Cư	KX	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 04"	109° 14' 45"					D-49-63-A-d
Xóm Cầu	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 33"	109° 15' 06"					D-49-63-B-c
đôi Cây Kén	SV	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 12"	109° 13' 40"					D-49-63-A-d
Chi Khu	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 16' 19"	109° 14' 54"					D-49-63-B-c; D-49-63-A-d
Xóm Chùa	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 18' 06"	109° 15' 20"					D-49-63-B-c
môm Cỏ Ống	SV	xã An Cư	H. Tuy An	13° 16' 34"	109° 15' 27"					D-49-63-B-c
Hòn Dầm	SV	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 46"	109° 16' 22"					D-49-63-B-c
Đốc Chùa	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 16' 53"	109° 14' 39"					D-49-63-A-d
Xóm Đá	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 34"	109° 15' 40"					D-49-63-B-c
sông Đá Hàn	TV	xã An Cư	H. Tuy An			13° 17' 55"	109° 14' 41"	13° 19' 38"	109° 12' 48"	D-49-63-A-d
Trường Trung học cơ sở Đình Tiên Hoàng	KX	xã An Cư	H. Tuy An	13° 16' 38"	109° 14' 45"					D-49-63-A-d
nhà thờ Đồng Cháy	KX	xã An Cư	H. Tuy An	13° 18' 29"	109° 14' 08"					D-49-63-A-d
sông Đồng Cò	TV	xã An Cư	H. Tuy An			13° 18' 05"	109° 14' 12"	13° 17' 18"	109° 15' 05"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
sông Hà Yên	TV	xã An Cư	H. Tuy An			13° 18' 27"	109° 13' 22"	13° 17' 47"	109° 15' 00"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
thôn Hoà Thạnh	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 16' 40"	109° 13' 30"					D-49-63-A-d
xóm Hoà Tú	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 18' 17"	109° 15' 02"					D-49-63-B-c
nghĩa trang liệt sĩ huyện Tuy	KX	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 49"	109° 13' 57"					D-49-63-A-d
cầu Long Phú	KX	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 17"	109° 15' 11"					D-49-63-B-c
Xóm Mới	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 16' 35"	109° 14' 44"					D-49-63-A-d
đầm Ô Loan	TV	xã An Cư	H. Tuy An	13° 16' 38"	109° 16' 02"					D-49-63-B-c
thôn Phú Tân 1	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 00"	109° 15' 12"					D-49-63-B-c
thôn Phú Tân 2	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 16' 53"	109° 14' 39"					D-49-63-A-d
chùa Phước Đồng	KX	xã An Cư	H. Tuy An	13° 18' 11"	109° 15' 45"					D-49-63-B-c
thôn Phước Lương	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 39"	109° 14' 09"					D-49-63-A-d
đèo Quán Cau	KX	xã An Cư	H. Tuy An	13° 16' 00"	109° 14' 54"					D-49-63-A-d; D-49-63-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Trường Tiểu học Số 1 An Cư	KX	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 08"	109° 14' 27"					D-49-63-A-d
Trường Tiểu học Số 2 An Cư	KX	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 26"	109° 15' 18"					D-49-63-B-c
Xóm Sứa	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 18' 03"	109° 15' 47"					D-49-63-B-c
đèo Tam Giang	KX	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 52"	109° 13' 56"					D-49-63-A-d
Khu công nghiệp Tam Giang	KX	xã An Cư	H. Tuy An	13° 18' 04"	109° 13' 53"					D-49-63-A-d
thôn Tân Long	DC	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 39"	109° 15' 05"					D-49-63-B-c
đồi Thỏ Đo	SV	xã An Cư	H. Tuy An	13° 16' 58"	109° 15' 05"					D-49-63-B-c
núi Xóm Câu	SV	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 44"	109° 15' 33"					D-49-63-B-c
núi Xóm Gõ	SV	xã An Cư	H. Tuy An	13° 17' 00"	109° 15' 29"					D-49-63-B-c
Quốc lộ 1	KX	xã An Dân	H. Tuy An			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-A-d
thôn An Thổ	DC	xã An Dân	H. Tuy An	13° 20' 45"	109° 12' 55"					D-49-63-A-d
niệm phật đường Bình Chính	KX	xã An Dân	H. Tuy An	13° 20' 58"	109° 12' 51"					D-49-63-A-d
thôn Bình Chính	DC	xã An Dân	H. Tuy An	13° 21' 02"	109° 12' 48"					D-49-63-A-d
thôn Bình Hoà	DC	xã An Dân	H. Tuy An	13° 20' 23"	109° 12' 48"					D-49-63-A-d
Sông Cái	TV	xã An Dân	H. Tuy An			13° 21' 56"	109° 07' 54"	13° 21' 28"	109° 15' 46"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
Hòn Cầm	SV	xã An Dân	H. Tuy An	13° 21' 02"	109° 11' 18"					D-49-63-A-d
thôn Cần Luông	DC	xã An Dân	H. Tuy An	13° 21' 35"	109° 13' 24"					D-49-63-A-d
Di tích Lịch sử - nghệ thuật cấp quốc gia chùa Từ Quang (chùa Đá Trắng)	KX	xã An Dân	H. Tuy An	13° 21' 36"	109° 13' 04"					D-49-63-A-d
núi Côn Lôn	SV	xã An Dân	H. Tuy An	13° 22' 10"	109° 11' 54"					D-49-63-A-d
cầu Cửa Tà	TV	xã An Dân	H. Tuy An	13° 20' 55"	109° 12' 51"					D-49-63-A-d
Hòn Dựng	SV	xã An Dân	H. Tuy An	13° 20' 25"	109° 11' 33"					D-49-63-A-d
suối Đá Bàn	TV	xã An Dân	H. Tuy An			13° 21' 37"	109° 11' 21"	13° 21' 20"	109° 13' 23"	D-49-63-A-d
đập Đồng Kho	KX	xã An Dân	H. Tuy An	13° 20' 41"	109° 12' 34"					D-49-63-A-d
đập Giới Dện	KX	xã An Dân	H. Tuy An	13° 21' 07"	109° 13' 07"					D-49-63-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
nhà thờ Gò Chung	KX	xã An Dân	H. Tuy An	13° 20' 00"	109° 12' 52"					D-49-63-A-d
Hòn Hàn	SV	xã An Dân	H. Tuy An	13° 21' 59"	109° 13' 10"					D-49-63-A-d
suối Hồ Chuối	TV	xã An Dân	H. Tuy An			13° 20' 41"	109° 11' 43"	13° 20' 46"	109° 12' 34"	D-49-63-A-d
suối Hồ Vạn	TV	xã An Dân	H. Tuy An			13° 21' 09"	109° 11' 51"	13° 20' 56"	109° 12' 34"	D-49-63-A-d
núi Hòn Mua	SV	xã An Dân	H. Tuy An	13° 21' 33"	109° 11' 14"					D-49-63-A-d
niệm phật đường Long Uyên	KX	xã An Dân	H. Tuy An	13° 20' 43"	109° 13' 12"					D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
thôn Long Uyên	DC	xã An Dân	H. Tuy An	13° 20' 56"	109° 13' 10"					D-49-63-A-d
thôn Mỹ Long	DC	xã An Dân	H. Tuy An	13° 19' 47"	109° 11' 02"					D-49-63-A-d
cầu Ngân Sơn	KX	xã An Dân	H. Tuy An	13° 19' 41"	109° 12' 27"					D-49-63-A-d
cầu Nhân Mỹ	KX	xã An Dân	H. Tuy An	13° 20' 10"	109° 12' 17"					D-49-63-A-d
sông Nhân Mỹ	TV	xã An Dân	H. Tuy An			13° 19' 51"	109° 11' 51"	13° 21' 45"	109° 14' 09"	D-49-63-A-d
niệm phật đường Phú Mỹ	KX	xã An Dân	H. Tuy An	13° 19' 58"	109° 12' 37"					D-49-63-A-d
thôn Phú Mỹ	DC	xã An Dân	H. Tuy An	13° 19' 57"	109° 12' 38"					D-49-63-A-d
đập Tam Giang	KX	xã An Dân	H. Tuy An	13° 19' 58"	109° 12' 59"					D-49-63-A-d
Di tích Lịch sử quốc gia Thành An Thổ	KX	xã An Dân	H. Tuy An	13° 20' 47"	109° 12' 55"					D-49-63-A-d
đường tỉnh 641	KX	xã An Định	H. Tuy An			13° 31' 49"	109° 01' 14"	13° 18' 24"	109° 12' 51"	D-49-63-A-d
đường tỉnh 650	KX	xã An Định	H. Tuy An			13° 11' 02"	109° 07' 25"	13° 18' 56"	109° 10' 57"	D-49-63-A-d
Núi Bà	SV	xã An Định	H. Tuy An	13° 17' 25"	109° 12' 12"					D-49-63-A-d
núi Bà Trạc	SV	xã An Định	H. Tuy An	13° 19' 32"	109° 09' 10"					D-49-63-A-d
cầu Bến Nhát	KX	xã An Định	H. Tuy An	13° 18' 44"	109° 11' 22"					D-49-63-A-d
Sông Cái	TV	xã An Định	H. Tuy An			13° 21' 56"	109° 07' 54"	13° 21' 28"	109° 15' 46"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
cầu Cây Cam	KX	xã An Định	H. Tuy An	13° 18' 56"	109° 10' 56"					D-49-63-A-d
núi Đại Hàn	SV	xã An Định	H. Tuy An	13° 18' 55"	109° 10' 06"					D-49-63-A-d
thôn Định Trung 1	DC	xã An Định	H. Tuy An	13° 18' 46"	109° 09' 48"					D-49-63-A-d
thôn Định Trung 2	DC	xã An Định	H. Tuy An	13° 19' 04"	109° 10' 53"					D-49-63-A-d
thôn Định Trung 3	DC	xã An Định	H. Tuy An	13° 19' 25"	109° 11' 15"					D-49-63-A-d
suối Đồng Sa	TV	xã An Định	H. Tuy An			13° 17' 07"	109° 11' 30"	13° 18' 53"	109° 11' 25"	D-49-63-A-d
suối Hồ Lô	TV	xã An Định	H. Tuy An			13° 16' 40"	109° 10' 50"	13° 17' 07"	109° 11' 30"	D-49-63-A-d
xóm Hoà Lạc	DC	xã An Định	H. Tuy An	13° 17' 01"	109° 11' 15"					D-49-63-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Hòn Đình	SV	xã An Định	H. Tuy An	13° 18' 28"	109° 10' 41"					D-49-63-A-d
núi Hòn Đồn	SV	xã An Định	H. Tuy An	13° 18' 49"	109° 11' 02"					D-49-63-A-d
thôn Long Hoà	DC	xã An Định	H. Tuy An	13° 19' 17"	109° 11' 57"					D-49-63-A-d
chùa Phổ Bảo	KX	xã An Định	H. Tuy An	13° 18' 49"	109° 10' 17"					D-49-63-A-d
mỏ sắt Phong Hanh	KX	xã An Định	H. Tuy An	13° 17' 44"	109° 11' 19"					D-49-63-A-d
thôn Phong Hanh	DC	xã An Định	H. Tuy An	13° 18' 15"	109° 11' 20"					D-49-63-A-d
thôn Phong Hậu	DC	xã An Định	H. Tuy An	13° 18' 51"	109° 11' 42"					D-49-63-A-d
thôn Phong Niên	DC	xã An Định	H. Tuy An	13° 18' 22"	109° 10' 53"					D-49-63-A-d
thôn Phong Thắng	DC	xã An Định	H. Tuy An	13° 17' 47"	109° 11' 48"					D-49-63-A-d
Đèo Thị	KX	xã An Định	H. Tuy An	13° 18' 38"	109° 12' 12"					D-49-63-A-d
núi Trảng Đế	SV	xã An Định	H. Tuy An	13° 17' 36"	109° 11' 20"					D-49-63-A-d
núi U Ông Gạo	SV	xã An Định	H. Tuy An	13° 19' 31"	109° 09' 57"					D-49-63-A-d
chùa Viên Quang	KX	xã An Định	H. Tuy An	13° 18' 18"	109° 10' 41"					D-49-63-A-d
cầu An Hải	KX	xã An Hải	H. Tuy An	13° 17' 06"	109° 17' 20"					D-49-63-B-c
Núi Cẩm	SV	xã An Hải	H. Tuy An	13° 15' 08"	109° 17' 50"					D-49-63-B-c
núi Cao Biều	SV	xã An Hải	H. Tuy An	13° 15' 21"	109° 18' 40"					D-49-63-B-c
Núi Cháy	SV	xã An Hải	H. Tuy An	13° 16' 26"	109° 16' 49"					D-49-63-B-c
môm Đầu Mũi	SV	xã An Hải	H. Tuy An	13° 16' 57"	109° 16' 35"					D-49-63-B-c
hồ Đồng Môn	TV	xã An Hải	H. Tuy An	13° 15' 30"	109° 17' 56"					D-49-63-B-c
thôn Đồng Môn	DC	xã An Hải	H. Tuy An	13° 15' 29"	109° 17' 40"					D-49-63-B-c
hồ Đồng Nổ	TV	xã An Hải	H. Tuy An	13° 16' 20"	109° 17' 43"					D-49-63-B-c
thôn Đồng Nổ	DC	xã An Hải	H. Tuy An	13° 16' 26"	109° 17' 38"					D-49-63-B-c
Đồi Hoa	SV	xã An Hải	H. Tuy An	13° 15' 28"	109° 18' 05"					D-49-63-B-c
sông Lễ Thịnh	TV	xã An Hải	H. Tuy An			13° 17' 06"	109° 17' 20"	13° 20' 15"	109° 17' 12"	D-49-63-B-c
chùa Long Hải	KX	xã An Hải	H. Tuy An	13° 16' 20"	109° 17' 34"					D-49-63-B-c
cù lao Mái Nhà	SV	xã An Hải	H. Tuy An	13° 16' 47"	109° 19' 59"					D-49-63-B-c
đầm Ô Loan	TV	xã An Hải	H. Tuy An	13° 16' 38"	109° 16' 02"					D-49-63-B-c
thôn Phước Đồng	DC	xã An Hải	H. Tuy An	13° 16' 29"	109° 18' 23"					D-49-63-B-c
thôn Tân Quy	DC	xã An Hải	H. Tuy An	13° 17' 00"	109° 17' 22"					D-49-63-B-c
Công ty trách nhiệm hữu hạn An Hải	KX	xã An Hải	H. Tuy An	13° 16' 45"	109° 18' 08"					D-49-63-B-c
Núi Tranh	SV	xã An Hải	H. Tuy An	13° 15' 58"	109° 17' 46"					D-49-63-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
gành Vũng Bầu	TV	xã An Hải	H. Tuy An	13° 16' 37"	109° 18' 26"					D-49-63-B-c
đồi Xây Dựng	SV	xã An Hải	H. Tuy An	13° 17' 18"	109° 17' 38"					D-49-63-B-c
Gành Xim	TV	xã An Hải	H. Tuy An	13° 16' 14"	109° 18' 31"					D-49-63-B-c
thôn Xóm Cát	DC	xã An Hải	H. Tuy An	13° 15' 39"	109° 18' 27"					D-49-63-B-c
thôn Xuân Hoà	DC	xã An Hải	H. Tuy An	13° 17' 10"	109° 17' 34"					D-49-63-B-c
Quốc lộ 1	KX	xã An Hiệp	H. Tuy An			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c; D-49-63-D-a
Xóm 9	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 15' 13"	109° 15' 08"					D-49-63-B-c
xóm 11	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 15' 12"	109° 15' 35"					D-49-63-B-c
xóm 12	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 16' 16"	109° 15' 05"					D-49-63-B-c
đường tỉnh 643	KX	xã An Hiệp	H. Tuy An			13° 11' 46"	108° 57' 52"	13° 12' 13"	109° 16' 09"	D-49-62-D-b; D-49-63-C-a; D-49-63-C-b; D-49-63-D-a
cầu An Hiệp	KX	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 14' 36"	109° 15' 18"					D-49-63-D-a
Núi Cát	SV	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 14' 43"	109° 13' 04"					D-49-63-C-b
núi Cây Cui	SV	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 13' 20"	109° 13' 41"					D-49-63-C-b
núi Chà Rang	SV	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 13' 35"	109° 14' 52"					D-49-63-C-b
Suối Đá	TV	xã An Hiệp	H. Tuy An			13° 12' 14"	109° 12' 21"	13° 14' 52"	109° 16' 07"	D-49-63-C-b; D-49-63-D-a; D-49-63-B-c
đồi Đại Hàn	SV	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 15' 44"	109° 15' 11"					D-49-63-B-c
Núi Đất	SV	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 12' 21"	109° 14' 27"					D-49-63-C-b
núi Động Cầm	SV	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 14' 55"	109° 11' 54"					D-49-63-A-d
xứ đồng Đồng Con Chàng	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 15' 16"	109° 14' 43"					D-49-63-A-d
xứ đồng Đồng Đức	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 15' 57"	109° 15' 01"					D-49-63-B-c
Xóm Đường	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 14' 26"	109° 13' 18"					D-49-63-C-b
xóm Hậu Đức	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 13' 49"	109° 13' 34"					D-49-63-C-b
xóm Khoan Đức	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 13' 42"	109° 14' 15"					D-49-63-C-b
Hòn Lao	SV	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 15' 37"	109° 16' 01"					D-49-63-B-c
xứ đồng Mom Cây Xoài	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 15' 59"	109° 15' 22"					D-49-63-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
cầu Mỹ Phú	KX	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 14' 51"	109° 15' 12"					D-49-63-D-a
thôn Mỹ Phú 1	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 15' 43"	109° 15' 21"					D-49-63-B-c
thôn Mỹ Phú 2	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 14' 46"	109° 14' 48"					D-49-63-B-c; D-49-63-A-d; D-49-63-C-b
đầm Ô Loan	TV	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 16' 38"	109° 16' 02"					D-49-63-B-c; D-49-63-D-a
thôn Phong Phú	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 14' 24"	109° 15' 21"					D-49-63-D-a
thôn Phú Xuân	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 14' 43"	109° 12' 08"					D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
thôn Phước Hậu	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 13' 59"	109° 13' 57"					D-49-63-C-b
cầu Quán Cau	KX	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 14' 41"	109° 15' 16"					D-49-63-D-a
đèo Quán Cau	KX	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 16' 00"	109° 14' 54"					D-49-63-A-d
chùa Quang Sơn	KX	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 14' 12"	109° 15' 04"					D-49-63-D-a
Xóm Sờ	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 14' 13"	109° 13' 26"					D-49-63-C-b
chùa Thiên Sơn	KX	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 15' 15"	109° 15' 02"					D-49-63-B-c
Chùa Tổ	KX	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 16' 09"	109° 14' 03"					D-49-63-A-d
Xóm Trảng	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 13' 47"	109° 14' 40"					D-49-63-C-b
thôn Tuy Dương	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 14' 31"	109° 13' 59"					D-49-63-C-b
chùa Vĩnh Phước	KX	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 15' 08"	109° 15' 14"					D-49-63-B-c
Hòn Vung	SV	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 13' 22"	109° 14' 28"					D-49-63-C-b
xóm Vườn Hoi	DC	xã An Hiệp	H. Tuy An	13° 14' 11"	109° 14' 22"					D-49-63-C-b
Quốc lộ 1	KX	xã An Hoà	H. Tuy An			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-D-a
đốc Bà Ếnh	KX	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 13' 00"	109° 15' 53"					D-49-63-D-a
Núi Cẩm	SV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 15' 08"	109° 17' 50"					D-49-63-B-c
núi Cao Biều	SV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 15' 21"	109° 18' 40"					D-49-63-B-c
mom Cây Xanh	SV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 16' 11"	109° 16' 36"					D-49-63-B-c
núi Chà Rang	SV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 13' 35"	109° 14' 52"					D-49-63-C-b
xóm Chòm Đồng	DC	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 13' 41"	109° 15' 53"					D-49-63-D-a
Núi Chùa	SV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 14' 38"	109° 17' 12"					D-49-63-D-a
núi Chùa Hạng	SV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 13' 24"	109° 15' 50"					D-49-63-D-a
thôn Diêm Hội	DC	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 14' 59"	109° 17' 21"					D-49-63-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
mom Đá Trắng	SV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 15' 37"	109° 16' 49"					D-49-63-B-c
Núi Đất	SV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 12' 21"	109° 14' 27"					D-49-63-C-b
thôn Hội Sơn	DC	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 13' 25"	109° 17' 40"					D-49-63-D-a
chùa Linh Sơn	KX	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 13' 43"	109° 16' 34"					D-49-63-D-a
núi Mò O Lớn	SV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 14' 15"	109° 17' 26"					D-49-63-D-a
núi Mò O Nhỏ	SV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 14' 02"	109° 17' 38"					D-49-63-D-a
Núi Một	SV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 14' 05"	109° 16' 01"					D-49-63-D-a
Núi Mỹ	SV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 14' 20"	109° 15' 59"					D-49-63-D-a
thôn Nhơn Hội	DC	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 13' 45"	109° 17' 45"					D-49-63-D-a
đầm Ô Loan	TV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 16' 38"	109° 16' 02"					D-49-63-B-c; D-49-63-D-a
Lăng Ông	KX	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 13' 40"	109° 18' 10"					D-49-63-D-a
thôn Phú Diêm	DC	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 13' 14"	109° 15' 46"					D-49-63-D-a
thôn Phú Thường	DC	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 14' 44"	109° 17' 54"					D-49-63-D-a
Suối Ré	TV	xã An Hoà	H. Tuy An			13° 12' 25"	109° 14' 29"	13° 14' 10"	109° 15' 52"	D-49-63-C-b; D-49-63-D-a
cầu Tân An	KX	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 13' 49"	109° 16' 56"					D-49-63-D-a
thôn Tân An	DC	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 14' 11"	109° 16' 59"					D-49-63-D-a
thôn Tân Định	DC	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 13' 34"	109° 16' 09"					D-49-63-D-a
thôn Tân Hoà	DC	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 14' 52"	109° 16' 40"					D-49-63-B-c
xóm Tân Lập	DC	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 14' 02"	109° 16' 29"					D-49-63-D-a
Hòn Yến	SV	xã An Hoà	H. Tuy An	13° 13' 36"	109° 18' 24"					D-49-63-D-a
đường tỉnh 643	KX	xã An Lĩnh	H. Tuy An			13° 11' 46"	108° 57' 52"	13° 12' 13"	109° 16' 09"	D-49-63-C-b
Suối Cái	TV	xã An Lĩnh	H. Tuy An			13° 09' 25"	109° 10' 05"	13° 18' 53"	109° 11' 25"	D-49-63-C-c; D-49-63-C-d
xóm Cây Cậu	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 13' 47"	109° 10' 52"					D-49-63-C-b
Xóm Chợ	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 13' 26"	109° 11' 44"					D-49-63-C-b
Xóm Chùa	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 13' 48"	109° 11' 08"					D-49-63-C-b
Xóm Cống	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 14' 18"	109° 08' 37"					D-49-63-C-b
xóm Đồng Sắt	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 12' 05"	109° 09' 37"					D-49-63-C-b
xóm Đất Bàu	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 13' 34"	109° 09' 40"					D-49-63-C-b
xóm Đồng Cát	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 14' 06"	109° 10' 54"					D-49-63-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
xóm Đồng Rạng	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 14' 16"	109° 09' 11"					D-49-63-C-b
Hòn Đụn	SV	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 10' 52"	109° 10' 20"					D-49-63-C-b
Xóm Giếng	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 13' 50"	109° 11' 46"					D-49-63-C-b
xóm Giếng Dông	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 15' 33"	109° 09' 57"					D-49-63-A-d
xóm Giếng Mầu	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 14' 22"	109° 11' 29"					D-49-63-C-b
Xóm Giurong	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 14' 28"	109° 11' 04"					D-49-63-C-b
Xóm Gò	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 12' 42"	109° 11' 15"					D-49-63-C-b
núi Hòn Chùa	SV	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 14' 22"	109° 08' 17"					D-49-63-C-b
xóm Hòn Mỏ	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 12' 57"	109° 08' 57"					D-49-63-C-b
núi Hòn O	SV	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 12' 49"	109° 11' 14"					D-49-63-C-b
xóm Long Hoà	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 14' 15"	109° 09' 54"					D-49-63-C-b
xóm Long Quang	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 14' 04"	109° 09' 48"					D-49-63-C-b
xóm Long Sơn	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 13' 10"	109° 10' 07"					D-49-63-C-b
thôn Phong Lành	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 15' 57"	109° 12' 11"					D-49-63-A-d
xóm Phong Mỹ	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 16' 11"	109° 10' 35"					D-49-63-A-d
thôn Phong Thái	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 14' 51"	109° 10' 34"					D-49-63-A-d
thôn Quang Thuận	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 14' 06"	109° 11' 17"					D-49-63-C-b
Hòn Rùa	SV	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 10' 41"	109° 09' 32"					D-49-63-C-b
xóm Thái Bình	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 15' 55"	109° 11' 27"					D-49-63-A-d
xóm Thái Hưng	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 15' 30"	109° 10' 37"					D-49-63-A-d
thôn Thái Long	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 14' 01"	109° 10' 06"					D-49-63-C-b
Xóm Tiến	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 11' 29"	109° 10' 47"					D-49-63-C-b
suối To Ó	TV	xã An Lĩnh	H. Tuy An			13° 10' 40"	109° 10' 19"	13° 16' 26"	109° 10' 43"	D-49-63-C-b
Xóm Trại	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 13' 59"	109° 08' 50"					D-49-63-C-b
thôn Tư Thạnh	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 11' 47"	109° 10' 43"					D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
thôn Vĩnh Xuân	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 11' 42"	109° 09' 08"					D-49-63-C-b
xóm Xuân Phước	DC	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 11' 13"	109° 09' 03"					D-49-63-C-b
Núi Yang	SV	xã An Lĩnh	H. Tuy An	13° 12' 57"	109° 08' 19"					D-49-63-C-b
Quốc lộ 1	KX	xã An Mỹ	H. Tuy An			13° 41' 01"	109° 10' 31"	12° 50' 42"	109° 23' 09"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
Xóm 6	DC	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 11' 37"	109° 16' 05"					D-49-63-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 643	KX	xã An Mỹ	H. Tuy An			13° 11' 46"	108° 57' 52"	13° 12' 13"	109° 16' 09"	D-49-63-C-b; D-49-63-D-a
Bà Non	DC	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 12' 05"	109° 15' 30"					D-49-63-D-a
Núi Đất	SV	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 12' 21"	109° 14' 27"					D-49-63-D-a
Đồng Muồng	DC	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 11' 51"	109° 15' 28"					D-49-63-D-a
Gành Dưa	DC	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 13' 04"	109° 17' 26"					D-49-63-D-a
thôn Giai Sơn	DC	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 12' 41"	109° 17' 06"					D-49-63-D-a
ga Hoà Đa	KX	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 12' 25"	109° 16' 06"					D-49-63-D-a
thôn Hoà Đa	DC	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 12' 33"	109° 16' 22"					D-49-63-D-a
Công ty Ô tô JRD	KX	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 12' 02"	109° 15' 52"					D-49-63-D-a
chùa Linh Đài	KX	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 12' 28"	109° 16' 29"					D-49-63-D-a
chùa Long Sơn	KX	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 13' 15"	109° 16' 40"					D-49-63-D-a
Xóm Mới	DC	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 12' 23"	109° 16' 09"					D-49-63-D-a
thôn Phú Hoà	DC	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 13' 12"	109° 16' 33"					D-49-63-D-a
thôn Phú Long	DC	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 12' 11"	109° 16' 36"					D-49-63-D-a
Xóm Quán	DC	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 12' 43"	109° 15' 54"					D-49-63-D-a
Cầu Sắt	KX	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 11' 57"	109° 15' 19"					D-49-63-D-a
Xóm Soi	DC	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 11' 53"	109° 15' 59"					D-49-63-D-a
chùa Thiên Long	KX	xã An Mỹ	H. Tuy An	13° 12' 13"	109° 16' 27"					D-49-63-D-a
đường tỉnh 650	KX	xã An Nghiệp	H. Tuy An			13° 11' 02"	109° 07' 25"	13° 18' 56"	109° 10' 57"	D-49-63-A-d
núi Bà Trạc	SV	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 19' 32"	109° 09' 10"					D-49-63-A-d
núi Bằng Chinh	SV	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 18' 53"	109° 06' 45"					D-49-63-A-c
Suối Cái	TV	xã An Nghiệp	H. Tuy An			13° 09' 25"	109° 10' 05"	13° 18' 53"	109° 11' 25"	D-49-63-C-c; D-49-63-C-d
suối Dáng Hương	TV	xã An Nghiệp	H. Tuy An			13° 16' 32"	109° 06' 31"	13° 18' 02"	109° 07' 39"	D-49-63-A-d; D-49-63-A-c
Hòn Do	SV	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 18' 34"	109° 08' 08"					D-49-63-A-d
Hòn Dung	SV	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 16' 16"	109° 06' 34"					D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
Suối Đá	TV	xã An Nghiệp	H. Tuy An			13° 16' 16"	109° 07' 07"	13° 17' 41"	109° 07' 30"	D-49-63-A-d
thôn Định Phong	DC	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 18' 01"	109° 10' 13"					D-49-63-A-d
đập Đồng Tròn	KX	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 16' 29"	109° 09' 42"					D-49-63-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
hồ Đồng Tròn	TV	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 16' 05"	109° 09' 35"					D-49-63-A-d
núi Hồ Tính	SV	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 18' 31"	109° 08' 48"					D-49-63-A-d
xóm Hóc Bò	DC	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 18' 23"	109° 09' 25"					D-49-63-A-d
cầu Kilômet 1	KX	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 18' 24"	109° 09' 53"					D-49-63-A-d
xóm Lương Gia	DC	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 18' 01"	109° 09' 24"					D-49-63-A-d
Hòn Lúp	SV	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 17' 59"	109° 08' 07"					D-49-63-A-d
xóm Phú Nông	DC	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 17' 49"	109° 10' 40"					D-49-63-A-d
xóm Phú Quý	DC	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 17' 35"	109° 10' 27"					D-49-63-A-d
đập Thế Hiền	KX	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 17' 07"	109° 09' 42"					D-49-63-A-d
thôn Thế Hiền	DC	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 17' 37"	109° 09' 47"					D-49-63-A-d
núi Trán Cản	SV	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 17' 46"	109° 07' 20"					D-49-63-A-c
núi Trảng Đẻ	SV	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 17' 36"	109° 11' 20"					D-49-63-A-d
Hòn Trọi	SV	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 17' 45"	109° 07' 58"					D-49-63-A-d
thôn Trung Lương 1	DC	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 18' 15"	109° 09' 46"					D-49-63-A-d
thôn Trung Lương 2	DC	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 17' 56"	109° 07' 46"					D-49-63-A-d
chùa Từ Ân	KX	xã An Nghiệp	H. Tuy An	13° 18' 04"	109° 10' 08"					D-49-63-A-d
cầu An Hải	KX	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 17' 06"	109° 17' 20"					D-49-63-B-c
trạm An Hải	KX	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 21' 28"	109° 15' 51"					D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
đồi Bà Cánh	SV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 20' 47"	109° 16' 55"					D-49-63-B-c
đồi Bà Xuân	SV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 20' 10"	109° 16' 23"					D-49-63-B-c
chùa Bảo Sơn Thiên Hải	KX	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 21' 31"	109° 16' 56"					D-49-63-B-c
Sông Cái	TV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An			13° 21' 56"	109° 07' 54"	13° 21' 28"	109° 15' 46"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
mũi Cào Cỏ	SV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 20' 10"	109° 17' 50"					D-49-63-B-c
Xóm Cát	DC	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 19' 16"	109° 16' 35"					D-49-63-B-c
đồi Cây Me	SV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 21' 29"	109° 16' 27"					D-49-63-B-c
núi Côi Qui	SV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 20' 32"	109° 17' 21"					D-49-63-B-c
núi Cột Cờ	SV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 20' 18"	109° 17' 36"					D-49-63-B-c
Hòn Dầm	SV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 17' 46"	109° 16' 22"					D-49-63-B-c
Di tích thắng cảnh cấp quốc gia Gành Đá Đĩa	KX	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 21' 20"	109° 17' 34"					D-49-63-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Hòn Bù	SV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 21' 13"	109° 15' 54"					D-49-63-B-c
cửa Lễ Thịnh	TV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 20' 15"	109° 17' 12"					D-49-63-B-c
sông Lễ Thịnh	TV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An			13° 17' 06"	109° 17' 20"	13° 20' 15"	109° 17' 12"	D-49-63-B-c
động Mu Rùa	TV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 19' 38"	109° 15' 30"					D-49-63-B-c
đầm Ô Loan	TV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 16' 38"	109° 16' 02"					D-49-63-B-c
Lăng Ông	KX	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 21' 18"	109° 17' 29"					D-49-63-B-c
thôn Phú Hạnh	DC	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 21' 17"	109° 16' 40"					D-49-63-B-c
thôn Phú Hội	DC	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 20' 33"	109° 15' 57"					D-49-63-B-c
xóm Phú Hội 2	DC	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 20' 33"	109° 15' 57"					D-49-63-B-c
xóm Phú Hội 3	DC	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 20' 42"	109° 15' 45"					D-49-63-B-c
xóm Phú Hội 4	DC	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 21' 02"	109° 15' 42"					D-49-63-B-c
xóm Phú Hội 5	DC	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 21' 20"	109° 15' 45"					D-49-63-B-c
thôn Phú Lương	DC	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 20' 12"	109° 16' 48"					D-49-63-B-c
xóm Phú Nhuận	DC	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 20' 00"	109° 15' 50"					D-49-63-B-c
thôn Phú Sơn	DC	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 19' 04"	109° 16' 01"					D-49-63-B-c
đình Thanh Minh	KX	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 20' 22"	109° 17' 01"					D-49-63-B-c
sông Vạn Cùi	TV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An			13° 20' 58"	109° 15' 32"	13° 21' 02"	109° 15' 38"	D-49-63-B-c
cửa Xuân Đài	TV	xã An Ninh Đông	H. Tuy An	13° 21' 28"	109° 15' 46"					D-49-63-B-c
cầu gỗ Bình Thạnh	KX	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 21' 49"	109° 14' 22"					D-49-63-A-d
thôn Bình Thạnh	DC	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 21' 10"	109° 14' 43"					D-49-63-A-d
Sông Cái	TV	xã An Ninh Tây	H. Tuy An			13° 21' 56"	109° 07' 54"	13° 21' 28"	109° 15' 46"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
thánh thất Cao Đài	KX	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 20' 32"	109° 13' 25"					D-49-63-A-d
thôn Diêm Điền	DC	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 20' 29"	109° 14' 13"					D-49-63-A-d
Sông Đầm	TV	xã An Ninh Tây	H. Tuy An			13° 20' 22"	109° 14' 24"	13° 20' 53"	109° 14' 41"	D-49-63-A-d
thôn Hội Phú	DC	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 20' 30"	109° 13' 33"					D-49-63-A-d
chùa Hưng Thiện	KX	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 20' 22"	109° 14' 53"					D-49-63-A-d
núi Lò Dầu	SV	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 19' 48"	109° 14' 40"					D-49-63-A-d
động Mu Rùa	TV	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 19' 38"	109° 15' 30"					D-49-63-B-c
chùa Phật Thánh	KX	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 21' 04"	109° 15' 13"					D-49-63-B-c
núi Sơn Chà	SV	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 20' 14"	109° 13' 48"					D-49-63-A-d
chùa Thiên Hưng	KX	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 21' 07"	109° 14' 17"					D-49-63-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
chùa Thiên Phước	KX	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 20' 27"	109° 15' 08"					D-49-63-B-c
cảng cá Tiên Châu	KX	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 21' 14"	109° 15' 17"					D-49-63-B-c
thôn Tiên Châu	DC	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 21' 04"	109° 15' 18"					D-49-63-B-c
cầu Vạn Cùi	KX	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 20' 56"	109° 15' 11"					D-49-63-B-c
sông Vạn Cùi	TV	xã An Ninh Tây	H. Tuy An			13° 20' 53"	109° 14' 41"	13° 21' 02"	109° 15' 38"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
cửa Xuân Đài	TV	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 21' 28"	109° 15' 46"					D-49-63-B-c
thôn Xuân Phú	DC	xã An Ninh Tây	H. Tuy An	13° 20' 28"	109° 15' 00"					D-49-63-B-c
núi A Mang	SV	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 19' 51"	109° 13' 16"					D-49-63-A-d
Sông Cái	TV	xã An Thạch	H. Tuy An			13° 21' 56"	109° 07' 54"	13° 21' 28"	109° 15' 46"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
chùa Châu Lâm	KX	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 19' 27"	109° 13' 08"					D-49-63-A-d
nhà thờ Chợ Mới	KX	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 18' 54"	109° 13' 31"					D-49-63-A-d
chùa Hà Yến	KX	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 18' 30"	109° 13' 29"					D-49-63-A-d
đập Hà Yến	KX	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 19' 03"	109° 13' 03"					D-49-63-A-d
sông Hà Yến	TV	xã An Thạch	H. Tuy An			13° 18' 27"	109° 13' 22"	13° 17' 47"	109° 15' 00"	D-49-63-A-d; D-49-63-B-c
thôn Hà Yến	DC	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 18' 53"	109° 13' 30"					D-49-63-A-d
thôn Hoà Hậu	DC	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 18' 48"	109° 15' 07"					D-49-99-A-b; D-49-63-B-c
thôn Hội Tín	DC	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 20' 07"	109° 13' 25"					D-49-63-A-d
chùa Liên Trì	KX	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 19' 51"	109° 13' 35"					D-49-63-A-d
núi Lò Dầu	SV	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 19' 48"	109° 14' 40"					D-49-63-A-d
cầu Lò Gốm	KX	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 19' 38"	109° 12' 49"					D-49-63-A-d
núi Mái Nhà	SV	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 19' 22"	109° 15' 46"					D-49-63-B-c
nhà thờ Mằng Lăng	KX	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 20' 09"	109° 13' 14"					D-49-63-A-d
Núi Một	SV	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 18' 56"	109° 14' 05"					D-49-63-A-d
động Mu Rùa	SV	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 19' 38"	109° 15' 30"					D-49-63-B-c
đầm Ông Kinh	TV	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 19' 00"	109° 15' 06"					D-49-63-B-c
đập Ông Tấn	KX	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 18' 27"	109° 13' 21"					D-49-63-A-d
thôn Phú Thịnh	DC	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 19' 42"	109° 14' 05"					D-49-63-A-d
thôn Quảng Đức	DC	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 19' 23"	109° 13' 24"					D-49-63-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đập Tam Giang	KX	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 19' 58"	109° 12' 59"					D-49-63-A-d
chùa Thiên Tôn	KX	xã An Thạch	H. Tuy An	13° 19' 24"	109° 15' 09"					D-49-63-B-c
đường tỉnh 643	KX	xã An Thọ	H. Tuy An			13° 11' 46"	108° 57' 52"	13° 12' 13"	109° 16' 09"	D-49-63-C-b
động Bà Lành	SV	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 11' 12"	109° 11' 20"					D-49-63-C-b
suối Bà Mót	TV	xã An Thọ	H. Tuy An			13° 08' 10"	109° 12' 39"	13° 10' 02"	109° 10' 48"	D-49-63-C-b
suối Bà Mười	TV	xã An Thọ	H. Tuy An			13° 09' 51"	109° 13' 14"	13° 09' 22"	109° 14' 52"	D-49-63-C-b
xóm Bà Ngồi	DC	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 09' 23"	109° 09' 56"					D-49-63-C-b
Suối Cái	TV	xã An Thọ	H. Tuy An			13° 09' 25"	109° 10' 05"	13° 18' 53"	109° 11' 25"	D-49-63-C-b
Xóm Dưới	DC	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 11' 07"	109° 12' 13"					D-49-63-C-b
Suối Đá	TV	xã An Thọ	H. Tuy An			13° 12' 14"	109° 12' 21"	13° 14' 52"	109° 16' 07"	D-49-63-C-b
Núi Đất	SV	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 12' 21"	109° 14' 27"					D-49-63-C-b
Hòn Đụn	SV	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 10' 52"	109° 10' 20"					D-49-63-C-b
Hòn Gió	SV	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 10' 22"	109° 12' 29"					D-49-63-C-b
núi Hòn Chuông	SV	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 10' 10"	109° 10' 28"					D-49-63-C-b
xóm Hòn Gió	DC	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 10' 33"	109° 12' 46"					D-49-63-C-b
xóm Hòn Lá	DC	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 09' 15"	109° 09' 35"					D-49-63-C-b
thôn Kim Sơn	DC	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 09' 23"	109° 10' 39"					D-49-63-C-b
Hòn La	SV	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 08' 39"	109° 09' 34"					D-49-63-C-b
thôn Lam Sơn	DC	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 10' 13"	109° 11' 56"					D-49-63-C-b
Xóm Mới	DC	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 09' 17"	109° 10' 20"					D-49-63-C-b
thôn Phú Cẩn	DC	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 11' 06"	109° 14' 01"					D-49-63-C-b
thôn Phú Mỹ	DC	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 10' 10"	109° 14' 01"					D-49-63-C-b
thôn Quảng Đức	DC	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 11' 19"	109° 11' 47"					D-49-63-C-b
Hòn Rùa	SV	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 10' 41"	109° 09' 32"					D-49-63-C-b
Suối Sâu	TV	xã An Thọ	H. Tuy An			13° 11' 14"	109° 11' 08"	13° 10' 59"	109° 12' 50"	D-49-63-C-b
xóm Suối Mây	DC	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 11' 43"	109° 12' 33"					D-49-63-C-b
thôn Tân Lập	DC	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 11' 54"	109° 14' 01"					D-49-63-C-b
suối To Ó	TV	xã An Thọ	H. Tuy An			13° 10' 40"	109° 10' 19"	13° 16' 26"	109° 10' 43"	D-49-63-C-b
Suối Trê	TV	xã An Thọ	H. Tuy An			13° 11' 18"	109° 12' 32"	13° 10' 59"	109° 12' 50"	D-49-63-C-b
xóm Tự Đức	DC	xã An Thọ	H. Tuy An	13° 11' 29"	109° 14' 28"					D-49-63-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 650	KX	xã An Xuân	H. Tuy An			13° 11' 02"	109° 07' 25"	13° 18' 56"	109° 10' 57"	D-49-63-C-a; D-49-63-C-b; D-49-63-A-c; D-49-63-A-d
Suối Cái	TV	xã An Xuân	H. Tuy An			13° 09' 25"	109° 10' 05"	13° 18' 53"	109° 11' 25"	D-49-63-C-c; D-49-63-C-d
Điêu Viên 7	DC	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 14' 29"	109° 07' 49"					D-49-63-C-b
Hòn Dung	SV	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 16' 16"	109° 06' 34"					D-49-63-A-c
Suối Đá	TV	xã An Xuân	H. Tuy An			13° 16' 16"	109° 07' 07"	13° 17' 41"	109° 07' 30"	D-49-63-A-d
núi Đồng Càn	SV	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 14' 00"	109° 06' 25"					D-49-63-C-b
địa đạo Gò Thi Thùng	KX	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 15' 02"	109° 06' 58"					D-49-63-A-c
di tích Gộp Dệt	KX	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 14' 44"	109° 08' 05"					D-49-63-C-b
chùa Hậu Sơn	KX	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 15' 16"	109° 08' 17"					D-49-63-A-d
núi Hòn Chùa	SV	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 14' 22"	109° 08' 17"					D-49-63-C-b
thôn Xuân Bình	DC	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 16' 26"	109° 08' 12"					D-49-63-A-d
thôn Xuân Hoà	DC	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 15' 37"	109° 07' 14"					D-49-63-A-c
thôn Xuân Lộc	DC	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 16' 03"	109° 08' 10"					D-49-63-A-d
thôn Xuân Thành	DC	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 15' 17"	109° 06' 35"					D-49-63-A-c
thôn Xuân Trung	DC	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 14' 50"	109° 06' 03"					D-49-63-A-c
thôn Xuân Yên	DC	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 15' 24"	109° 07' 34"					D-49-63-A-c
Núi Yang	SV	xã An Xuân	H. Tuy An	13° 12' 57"	109° 08' 19"					D-49-63-A-d; D-49-63-C-b



KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc